

15 THÁNG 8 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

HOÀNG SỸ QUÝ tìm hiểu đúng ý nghĩa *Bất bạo động*
theo Gandhi * PHẠM VIỆT CHÂU Cao-miên với thể trung
lập chông chênh * CUNG GIỮ NGUYÊN toán số với cần
khôn: toán và luận lý * LÝ CHÁNH TRUNG ý thức tôn
giáo và ý thức dân tộc: những chiều hướng hòa giải *
LÊ HƯƠNG tín ngưỡng trong đời sống người Việt gốc
Miên: bùa ngãi * TỬ TRÌ thời sự thế giới * BÁCH KHOA
vài vấn đề với Thế Uyên * PHƯƠNG HOA SỬ làng
đăng sương mù * ĐỊNH NGUYÊN Con say trên
đèo * CHU VƯƠNG MIỆN — LAN SƠN ĐÀI
tưởng nhớ Phan Trúơc Viên
SINH HOẠT thời sự khoa
học * thời sự văn nghệ

303



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyze

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 303 ngày 15 - 8 - 1969

HOÀNG SỸ QUÝ <i>đề kỷ niệm 100 năm sinh Gandhi : tìm hiểu đúng ý-nghĩa Bất-bạo-dộng theo Gandhi</i>	5
PHẠM VIỆT CHÂU <i>Cao-Miên với thể trung lập công-chênh.</i>	15
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : Toán và luận lý</i>	21
LÝ CHÁNH TRUNG <i>ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc : những chiều hướng hòa giải</i>	25
LÊ HƯƠNG <i>tín ngưỡng trong đời sống của người Việt gốc Miên : Bùa Ngải.</i>	37
ĐỊNH NGUYỄN : <i>cơn say trên đèo (truyện)</i>	45
PHƯƠNG HOA SỬ <i>lãng đãng sương mù (truyện)</i>	61
CHU VƯƠNG MIỆN — LAN SƠN ĐÀ! <i>tưởng nhớ Phan Trúcc Viên (thơ)</i>	69
BÁCH KHOA <i>vài vấn đề với Thế Uyên (phỏng vấn)</i>	72
SINH HOẠT	
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	75
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	77
TỪ TRÌ <i>thời sự chính trị</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Đã soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

MỜI BẠN TÌM ĐỌC :

3 tác phẩm của Lá-Bối

– CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH

Tác phẩm lớn nhất của nhà văn Nga Léon Tolstoi. Sách do Ông Nguyễn-Hiến-Lê chuyển sang Việt Ngữ, tổng cộng 3 000 trang chia làm 4 cuốn). Đây chắc chắn là cuốn sách dịch công phu nhất của cây bút dịch thuật uy tín nhất, thận trọng nhất ở Việt Nam. Đây chắc chắn phải là cuốn sách cần có trong bất cứ tủ sách nào, bởi vì CHIẾN-TRANH và HÒA-BÌNH — theo ý kiến của Stefan Zweig, Marcel Proust, S. Maugham, là bộ tiểu thuyết vĩ đại nhất của nhân loại — bởi vì CHIẾN TRANH và HÒA-BÌNH là một tác phẩm để đọc mãi, đọc nhiều lần, và mỗi lần người đọc — như lời tựa của dịch giả — lại thấy thêm một cái hay, lại biết thêm một điều tuyệt vời.

(Lời giới thiệu của tuần báo KHỞI HÀNH)

– NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

Tác giả NHẤT-HẠNH nói chuyện với các bạn về 6 vấn đề :

✻ Nhận diện ✻ Cô Đơn ✻ Lý Tưởng ✻ Học Hành ✻
Thương Yêu ✻ và Tôn Giáo.

Tác phẩm được in lần thứ 4, đã bán hết Hai Mươi Một Nghìn Cuốn.

– BÔNG HỒNG CÀ IAO

của NHẤT-HẠNH

Tác phẩm ngợi ca Tình Mẹ, đã in tới nghìn thứ 70.

NHA XUẤT BẢN LÁ BỐI

120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn



Mahatma Gandhi

tìm hiểu đúng ý-nghĩa Bất bạo động theo Gandhi

Ngày 15 tháng tám năm 1947 là Ngày Độc-lập của Ấn-độ. Ai cũng biết cuộc tranh đấu bất bạo động của Gandhi đã góp phần lớn vào ngày đáng ghi nhớ ấy. Nhưng trong chính buổi lễ quốc gia nói trên, Gandhi đã vắng mặt. (1). Ông buồn lắm, vì bên Hồi quốc cũng như Ấn quốc, người của hai tôn giáo Hồi, Ấn đương hẳn thù, xâu xé lẫn nhau. Ngày mồng 6 tháng mười năm sau, Mountbatten, một người Anh, cho rằng «dân chúng chỉ coi Gandhi như Mohammed và Đức Ky-tô». Câu ấy ngụ ý: Người Ấn tôn thờ Gandhi, nhưng không đếm xỉa đến lời ông giáo huấn.

Không, không phải tất cả dân Ấn thờ ơ với giáo-lý của ông. Ngày 13 tháng một năm 1948, Gandhi bắt đầu một cuộc trai-ịnh vô kỳ hạn. Và chỉ mấy ngày sau, chính phủ Ấn vội vã tuân lời ông, trả ngay cho chính-phủ Hồi 40 triệu bảng Anh tiền chia còn nợ. Thế rồi, các đại diện chính trị và tôn giáo hội họp, quyết định làm hòa với nhau và đẩy mạnh phong trào hòa giải.

Điều ấy gây cảm phần cho một số kẻ chủ trương ngược lại, và, ngày 30 tháng một cùng năm (2), Gandhiji đã ngã gục trước mũi súng của hận thù, vì muốn xóa bỏ hận thù. Ông đã là tử đạo của tình thương, và, như Đức Ky-tô mà ông tôn kính, ông đã hy sinh trên thánh giá vì tình thương nhân loại. Tiếng «thánh giá» của Ky-tô giáo, tiếng ấy suốt đời đã là sức mạnh tinh thần và khí giới đấu tranh cho hòa bình của ông (3).

(*) L.T.S. Tác giả bài này, Linh-mục Hoàng Sỹ Quý, Dòng Tên, đậu Tiến-sĩ đệ-tam-cấp về Triết-học Ấn-độ tại Đại-học-đường Sorbonne, Paris, đã từng khảo sát tại Ấn Độ trong một thời gian và cũng là trợ bút của tạp chí «Revue de l'Histoire des religions». Gần đây ông lại tham dự Ủy-ban biên-tập của Tạp-chí thần học «Concilium» (xuất bản bằng nhiều thứ tiếng ở 11 nước khác nhau) ngành Tu đạo học.

(1) Ông ở lại Calcutta nhịn ăn để cầu-nguyên cho hòa bình dân tộc.

(2) Ông Mohandas Karamchand Gandhi sinh ngày 2-10-18-9. Nên ông hưởng thọ 78 tuổi.

(3) Ít bữa trước khi chết, ông còn nghe ca một bài về thánh giá đương khi yếu một vì nhịn ăn.

Tuy ông khuất bóng rồi, nhưng lý tưởng Bất bạo động của ông đã quảng bá trên thế giới. Hơn mười năm sau khi ông chết, lý tưởng này như tàn lửa được khơi sáng lên nhờ uy tín và tư cách Giáo hoàng Gioan XX II và Tổng thống Kennedy. Trong khi đó, mục-sư Martin Luther King đã khởi xướng phong trào đấu tranh bất bạo động nhằm xóa bỏ kỳ thị sắc tộc bên Hoa-kỳ, và nhờ đó được giải thưởng quốc tế Nobel về Hòa bình.

Những người tranh đấu chính trị hiện nay dù khát máu đến đâu chẳng nữa, cũng không quên lợi khí tâm lý của chiêu bài hòa bình. Điều ấy đủ chứng tỏ Bất bạo động đã trở nên một đại quy-phạm đo lường hành động và đời sống, mà tất cả hoàn cầu đều nhìn nhận. Và lại, hiện nay bao giờ cũng có những người cố bước vào con đường ấy, dù đôi khi họ sai lầm trong nhận định hoàn cảnh, hoặc không hiểu đúng ý nghĩa Bất bạo động. Thậm chí cho đến mấy cô cậu hippy cũng mơ ước một lý tưởng yêu thương, lấy hoa hồng cài trên những mũi súng chia về phía họ, dù biết rằng đó chỉ là những mũi súng dọa. Và từ ít lâu nay, phong trào tự thiêu đã lan ra tại nhiều nước như một phương pháp đấu tranh gọi là «bất bạo động». Quả có những cuộc tự thiêu bất bạo động thực. Nhưng cũng có những cuộc tự thiêu nhằm gây hận thù, nghĩa là trái với con đường Bất bạo động của Gandhi.

Thế nào là Bất bạo động theo Gandhi ?

I— QUAN NIỆM CỦA GANDHI VỀ BẤT BẠO ĐỘNG.

Không dùng bạo lực.

Gandhi không phải là con người thụ động. Ông rất hăng say hoạt động và ông dẫn thân vào đấu tranh chính trị, xã hội ngay từ tuổi thanh niên bên Phi châu, trước khi tiếp tục nó cho đến chết ở nơi quê nhà. Tuy hăng say đấu tranh, nhưng ông chống mọi hình thức bạo động. Đối với ông, bạo động là luật của sức vật và thể xác, còn bất bạo động là của tinh thần. Con người giống loài vật ở thể xác. Nhưng con người chỉ là người nhờ ở tinh thần, cho nên đường lối đấu tranh của con người phải là Bất bạo động (1). Ở đây nguyên tắc của Gandhi là đúng (2), nhưng nền tảng nó dựa lên hoàn toàn Ấn độ giáo, theo đó thì con người chỉ là *âtman*

(hồn-linh ở chỗ sâu nhất của nó) và thể xác là chiếc áo khoác không cần thiết.

Cũng như hồn biệt cách với thể xác, thì sức mạnh của hồn cũng nghịch với sức mạnh của thể xác (3). Sức mạnh thể xác ở bạo động, và của hồn ở thương yêu. Thương yêu là sức mạnh vừa bé bỏng nhứt vừa lớn lao nhứt (4). Con người đã từ gần gũi xúc vật mà càng ngày càng trở nên *người hơn*, nên cũng từ ăn hang ở lỗ, từ ăn thịt lẫn nhau, mà

1) SB trg 23

2) Vì dầu sao chẳng nữa, cái nó làm cho chúng ta thành người cái ấy vẫn là tinh thần hơn là thể xác.

3) SB, 32 và 74.

4) SB 152

tiến dần đến văn minh và Bất bạo động, nên ta có thể tin rằng : rồi đây tình yêu sẽ thắng, sẽ bá chủ hoàn cầu và các khó khăn giữa người với người rồi đây chỉ còn giải quyết bằng đấu tranh thụ động, tức bất bạo động mà thôi.

Bất bạo động không phải chỉ tránh giết chóc (1) Bất bạo động còn chống mọi hình thức làm hại người. Nó chống báo thù, và chống cả việc cộng tác với bạo lực, dù chỉ là bằng cách chuyên chở, cứu thương hay góp tiền (2).

Đối với kẻ có tội, kẻ dùng bạo lực, ta cũng không nên trả lời bằng bạo lực, tức bằng giết chóc và gia phạt. Làm cách nào để cảnh tỉnh họ (3) và biến kẻ thù thành người bạn tốt, thế mới là lối xử-sự của con người. Ở điểm này, Gandhi đã kể làm thí dụ câu chuyện tướng Smuts xưa bên Phi châu là thù địch, nay đã trở nên người bạn thân nhất của ông. (4)

Điều kiện trước hết cho Bất bạo động là lòng kính trọng công lý (5) Trong trường hợp có người không kính trọng công lý, thì buộc ta phải đấu tranh vì Bất-bạo-động không có nghĩa là bằng chân như vại trước điều ác (6). Nhưng đấu tranh, người ta chỉ nên đấu tranh thụ động, bằng phương pháp bất cộng tác (7) và phương pháp thánh giá (8). Hy sinh mình bao giờ cũng cao cả hơn là hy sinh người khác. Sự hy sinh chịu đau đớn của một kẻ chỉ biết sống và chết vì đồng loại sẽ đánh động trái tim (9) và lương tâm của người có trách nhiệm với vấn đề. Và chính đây là sức mạnh của đấu tranh thụ động. « Đức Ky tô trên thánh giá, với một vương miện bằng gai đóng trên đầu, đã bắt chấp sức mạnh của cả một đế quốc » (10). « Đức Ky-tô, tiên tri Daniel và Socrate tiêu

biểu cho hình thức tin truyền nhất của đấu tranh thụ động hay sức mạnh tinh thần. » (11)

oOo

Bất bạo động là sức mạnh của tinh thần, nên nếu chỉ Bất bạo động ở thân xác, hành động mà thôi, thì không đủ (2) Cốt yếu của bạo động nằm ở chủ ý muốn làm hại người khác (13). Bất bạo động cũng thế. Cốt yếu của nó tại ở một tâm hồn hiếu hòa, vô thù hận (14). Trong lúc những người thi hành Bất-hợp tác đương bị người Anh đàn áp đẫm máu. Gandhi đã viết :

« Tôi hy vọng rằng trong nước Ấn có nhiều những người bất hợp tác, mà nói về họ, người ta phải nói rằng : Họ đã nhận lấy trên thân mình những phát đạn mà lòng không cảm thấy hận-

1) Bất bạo động dịch ở A-himsa, tức Vô-sát.

2) GA. trg 428. Cũng nên xem *Young India* 31/12/31.

3) Ông coi tội ác là một căn bệnh, mà bệnh thì người ta chữa, chứ không giết người bệnh. Và lại, con người không được lên án tử hình ai, vì « chỉ có Vị ban sự sống mới có quyền lấy nó đi » (*Harijan* 27/4/1940). Ở lý do nêu lên đây, xem ra ông chịu ảnh hưởng Ky-tô-giáo.

4) MMG. trg 46.

5) MB.112

6) « Tôi có thể liên kết nơi tôi một tình yêu lớn lao với một lòng cương quyết chống sự ác » (*Young India* 10/1/1919).

7) SB. 24-25.

8) SB. trg 34

9) SB: 146-147 ; GSt. trg 298.

10) MMG. 68-69.

11) MMG. 68

12) SB. 154

13) *Harijan* 19-12-1936

14) « (Satyagraha, tức lối đấu tranh bất bạo động) không thể có bạo động và thù ghét » *Young India*, 26-12-1924).

thù, trong khi mỗi lại mấp máy lời cầu ngay cho cả chính kẻ giết mình vì lầm không biết » (1).

Cho nên, « Bất bạo động phải bắt đầu trong tinh thần » (2). Lý-tưởng của nó là thà đê răn cản, chẳng thà đi giết răn (3), và mục đích của nó là biến cái kẻ ác thành thiện, và người thù nên bạn mình (4). Phải, đấu tranh bất bạo động là đau - khổ, nhưng một « đau-khổ nhẫn-nại và không độc-ác » (5), mà đối-tượng nó nhằm là « tình bằng-hữu với toàn thể thế-giới » và « hòa-bình nhân loại » (6).

Là tình yêu-thương

Cái chết là sức mạnh rất lớn lao, nhưng còn có một sức mạnh lớn hơn nó và lớn hơn tất cả, đó là sức mạnh của tình yêu (7):

— « Thế giới chán ngán vì hận thù, Gandhi nói, và chúng ta thấy sự chán ngán ấy đang xâm lấn các dân tộc Tây phương. Chúng ta nhận thấy khúc ca hận thù đã không làm lợi chi cho loài người cả. Ước gì Ấn-độ có thể dành lấy đặc ân mở một kỷ nguyên mới và ban phát cho thế giới một bài học. (8) »

Bài học ấy là Bất bạo động, và Bất bạo động trong quan niệm Gandhi đã trở nên đồng nghĩa với yêu thương. Chính Gandhi đã nhân danh Ấn-độ dạy cho thế giới bài học này. Gandhi đã chứng minh cho thế giới thấy rằng phương pháp tranh đấu bằng yêu thương của ông vẫn đưa đến thắng lợi mà lại tránh được biết bao tang tóc và rạn nứt. Cái hay của nó là « rửa mồn được thanh gươm bạo chúa », khiến bạo chúa phải buông gươm mà không bị nhục, nên buông gươm một cách dễ dàng và vui vẻ (9).

Tình yêu là khoáng đạt và thiêng liêng, nó thoát ra ngoài số lượng, vì số lượng thuộc về vật chất. Cho nên, nó không cân nhắc lợi hại nhiều hay ít và cho bao nhiêu người. Phải, nó thoát hoàn toàn ra ngoài lãnh vực của lợi hại, vì kẻ còn cân nhắc lợi hại không thể quên mình, nghĩa là không thể yêu (10).

Tình yêu xây dựng trên quên mình, nên đối tượng của nó bao trùm cả đến kẻ thù. Gandhi nói :

— « Không phải là bất bạo động khi ta yêu kẻ yêu ta. Chỉ là bất bạo động khi ta yêu kẻ ghét ta. » (11)

Tình yêu ấy, Gandhi cho là khó hết sức, nhưng ông nghĩ rằng với ân sủng Đức Chúa, chẳng có chi là khó hết. Cho nên, dù bất cứ ai cũng có thể

(1) LA. 17. Chúa Giêsu trên thánh giá đã cầu cho kẻ giết mình: « Xin Cha tha cho chúng, vì chúng lầm không biết ».

(2) *Young India*, 2/4/1931.

(3) MMG. 52.

(4) LA. 33-34; MMG. 46.

(5) *Young India* 19/2/1925.

(6) LA. 119.

(7) *Young India*, 6/8/1925; SB. 152. Câu Thánh kinh Ky-tô-giáo: « fortis est ut mors dilectio », tức: « tình yêu mạnh như sự chết » (Cant, VIII. 6)

(8) MAHADEV DESAI, *Gandhi in Indian villages*. Ganesan, Madras, 1927, trang 166. Cf. LA.109.

(9) *Young India*, 8/10-1925.

(10) SB. 38-39.

(11) SB. 18. So sánh với câu Phúc âm: « Nếu các con yêu kẻ yêu mình thì có gì đáng cho người ta kẻ đến? Kẻ tội lỗi cũng yêu kẻ yêu mình đó. Nay, Cha bảo các con; Hãy yêu kẻ thù, hãy cầu cho kẻ khủng bố mình, hãy chúc phước cho kẻ nguyện rủa mình. » (Mt., V.44; Lc., VI. 27 sq.)

thực thi Bất bạo động, miễn là phải tập luyện cam go.

Cùng với yêu thương kẻ thù, còn phải tôn kính ý-kiến kẻ khác trong mọi địa hạt, dù ý-kiến ấy nghịch lại ý-kiến mình (1).

oOo

Tình yêu phải bao quát hết mọi người, vì mọi người đều là con cái cùng một Đức Hóa công, và vì ai nấy mang trong mình cùng một Đức Hóa công với sức mạnh thần thiêng và vô cực của Ngài, nên con người có thể yêu bao la và vô hạn (2).

Vì nguồn gốc con người là thần linh, nên loài người dù muôn người nhưng vẫn là một, và phạm tới một người là xúc phạm đến tất cả giống người, đến toàn thể vũ trụ (3)

Cho nên, phải yêu thương hết mọi người như nhau (4), không phân biệt giai-cấp, giới phái, (5) màu da (6) hay tôn giáo.

Cho đến nay bên Ấn độ, những thành lũy giai cấp vẫn còn khá vững chắc. Giai cấp vừa có tính cách kinh tế, xã hội, vừa có tính cách tôn giáo nữa. Ngoài bốn giai cấp nền tảng : brahmana (tu-tế), ksatriya (quân nhân) vaishya (nông dân) và Sudra (nô bộc), (*) còn có hàng trăm ngàn giai cấp phụ càng ngày càng đặt ra nhiều thêm, cùng với những hố sâu phân cách. Ngoài ra, dưới tất cả, còn có hạng người ngoại-giai-cấp không ai được động tới kéo bị như lây.

Gandhi chấp nhận sự phân chia giai cấp mà xưa dân tộc Aryen khi tới đã lập nên để bảo vệ quyền lợi mình. Ông coi đó là một cách « phân chia công việc hợp lý theo huyết thống ». Nhưng

ông lại nghĩ rằng « quan-niệm hiện nay về giai cấp đã làm đời bại mất sự phân chia tự nhiên » (7) đó, và chẳng có chi đáng lợm giọng hơn cái « chế độ ghê tởm » của ngoại-giai-cấp vì đó chính là « ung thư ăn mòn sức sống của Ấn-giáo » (8). Cho nên, dù ông kính trọng thành lũy giai cấp, không bao giờ đưa một người từ giai cấp dưới lên giai cấp trên, nhưng ông đã tranh đấu nhiều cho đám người ngoại-giai-cấp khổn khổ, và thâu nhận một số người loại đó vào các tu-đoàn do ông sáng lập (9).

Tình thương phổ biến theo tiếng ông gọi, đưa đến kính trọng con người không phải như một bản tính mà thôi, mà còn như một hiện sinh nữa, nghĩa là với tất cả tâm tình và ý nghĩ của

(1) MMG. 3-4. (i) SB. 27-28. () SB. 27-28 ; MMG. 49.

(4) SB. 147.

(5) Gandhi đã tranh đấu nhiều đề nữ giới Ấn được bình đẳng với nam giới. Những câu thánh kinh hạ giá phụ nữ ông coi là không thánh, như câu trong Luật Manu : « phụ nữ không thể được tự do. » (GANDHI, *Women and social injustice*, Navajivan, 1954 trg. IV).

(6) Trong *Young India*, 18/1/1926. hay *Satyagraha*, Navajivan 1951, trg. 347, trong đó ông nhắc tới việc ông đấu tranh chống kỳ thị chủng-tộc trước đây bên Phi châu.

(7) Xem *Young India*; 1921 và 7/1/1925. Trong *Young India* 2/5/1929 (Cf. *Women ...*, trg. 10), ông đòi hỏi « giải phóng phụ nữ, giải phóng Ấn độ, hủy bỏ tình trạng ngoại giai cấp. »

(8) FISCHER, *The life of Mahatma Gandhi*, Jonathn cape, London, trg. 157 sq.

(9) LA 14 ; Ga. 330-331.

(*) Vì lý do kỹ thuật ấn loát, nên những từ ngữ Sanskrit và pāli cần phiên âm đúng, sẽ phiên âm đúng ở trang 13 trong bài này.

họ, nhưng trong đó có tín-ngưỡng. Gandhi chỉ loại trừ vô thần. Còn đối với mọi tôn giáo, ông không muốn dùng cho cả đến tiếng *bao dung*, vì, theo ông, bao dung còn hàm chứa một tự tôn mặc cảm, thái độ của kẻ *chính* đoái nhìn xuống một đám gọi là *tà*. Không, thái độ ấy chưa phải là Bất bạo động. Người bất bạo động tôn kính chẳng những kẻ có tín ngưỡng, mà cả tín ngưỡng của họ. (1)

Tôn giáo trong quan niệm Gandhi không phải là từ Thượng chúa nhìn xuống, nên không tuyệt đối và cố định. Trái lại nó nhìn ngay vào con người đang sống và đang vươn mình lên, nên có tính cách tương đối và tiến hóa. Nhìn về Thượng chúa, thì tôn giáo là một; nhưng nhìn về phía con người, tôn giáo trở thành nhiều do quan niệm tôn giáo khác nhau của mỗi nhóm người. Ma đã nói là quan niệm tôn giáo của con người thì nó luôn luôn bất toàn, và ai nấy đều là kẻ đi tìm chân lý, chứ chưa nắm hết chân lý (2). Nhìn nhận như thế không có nghĩa là vô tư với tín ngưỡng của mình, tưởng như muốn thay thế bằng tín ngưỡng nào khác thì thay. Nhìn nhận như thế cũng không có nghĩa là hết phân biệt giữa xấu và tốt, giữa đúng và sai (3). Việc của mỗi người là tuy đứng lại ở tín ngưỡng của mình, nhưng vẫn kính trọng tín ngưỡng của người khác (4).

Gandhi coi trọng con người, nhưng không vì thế mà ông rẻ rúng các sinh vật khác. Sự sống bên Đông phương bao giờ cũng là một và đáng tôn quý, dù với những mức độ khác nhau cho tinh thần và súc vật. Cho nên, thánh hiền luôn luôn gắng đạt tới một niềm luyện ái phổ cập tới toàn thể vũ trụ. Đối với Gandhi, sự sống bao giờ cũng mạnh hơn tiêu diệt, nên « sự sống quả

là đáng sống », do đó nếu không vì người khác mà phải hy sinh, ông sẽ rất sung sướng « được sống tới 125 tuổi » (5). Và ông khuyến cáo ta nên có một « thiện-ý đối với tất cả những gì sống » (6)

Giết hại sinh vật để nuôi mình cũng là một hình thức bạo động nào đó, nhưng trong cuộc sống, không thể tránh hoàn toàn bạo động bên ngoài, nên đành chịu như vậy (7). Nói « đành chịu như vậy » là mặc nhiên muốn nói ta không nên coi thường việc sát sinh. Sự hoạt thể giải phẫu (*vivisection*), Gandhi cảm thấy ghê sợ nó. Vì thế, ông khuyến cáo các khoa học gia Tây phương nên hạn chế việc tìm tòi bằng phương pháp này (8). Tinh thần bất bạo động phải được xây dựng trên lòng hiếu hòa và luyện ái phổ biến. Lòng hiếu hòa ấy ắt không hề ta đứng đứng trước những trò máu chảy thịt rơi.

Bất bạo động là tình yêu phổ biến dựa trên chân lý về một Đức Chúa đồng nhất với Tình yêu viết chữ hoa. Phải, Đức Chúa quả là Chúa tình yêu và vì thế, Đức chúa là Bất bạo động (9). Nói rằng Đức Chúa là bất bạo động, là đã đưa Bất bạo động từ địa hạt thuần túy thần loại sang tới địa hạt thần thánh và tôn giáo rồi. Hơn thế, Bất bạo động

1) LA. 67. 2) LA 68. 3) LA 69.

4) Quan niệm bao dung tôn giáo của Gandhi dựa trên quan niệm chung của Ấn độ hiện nay về tôn giáo, quan-niệm vô lịch sử tính của mạc khải và khuynh hướng chiết trung tôn giáo (*Synchrétisme religieux*).

5) *Young India*, 1/1/1931.

6) *Young India*, 9/1/1920.

7) *Young India* 41 1/1926.

8) MMG 54

9) « Trong buổi gặp gỡ các người dân quê ấy, tôi cảm thấy đối diện với Đức Chúa là Ahimsa và "vực thực." CA, 344.

là một tôn giáo, và Gandhi thường nói tới « Tôn-giáo Bất bạo động » (1).

Là sức mạnh tinh thần

Bất bạo động là yêu, và tình yêu chính là hiến thân trong quyền luyện. Vì thế, nó đòi hỏi quên mình, và quên mình là chính căn bản của nó (2). Sự quên mình ấy phải là tuyệt đối, và nó đưa dẫn dù cho đến sự quên sinh. « Hiến dâng sự sống mình quả là lớn lao nhất trong các hiến dâng » (3)

Ta cần phải có sức mạnh để chết, và sức mạnh ấy lớn hơn sức mạnh để giết gấp bội. Sức mạnh yêu thương là một với sức mạnh chịu khổ hay chịu chết này, và đó chính là sức mạnh của tinh thần vậy. Bạo lực là của thể xác, của sức vật, nên bao lâu chưa khinh rẻ thể xác, thì ta chưa thể bất bạo động được. Thể xác thì đòi lợi cho mình, mà tinh thần muốn quên mình. Thế mà « đạo bất bạo động có là ở chỗ muốn lợi hết sức cho người, dù vì thế phải thiệt hại hết sức cho mình, thậm chí cho đến chết. » (4)

Như thế, Bất bạo động đâu có phải là thụ động (5) và hèn nhát (6)

Theo Gandhi, Bất bạo động nghịch với sợ và không lùi bước trước gian nguy (7). Ông có kể câu chuyện sau đây làm thí dụ:

Dân một làng gần Bettia nói với ông rằng khi cảnh sát tới cướp phá nhà cửa và đánh đập vợ con họ, họ đã bỏ chạy vì Gandhi khuyên họ bất bạo động. Nghe thế, Gandhi cảm thấy xấu hổ thay, và nói thẳng cho họ biết như thế không phải là bất bạo động đâu. Đáng lẽ họ phải ngăn cản không cho bất cứ một cường lực nào ăn hiếp

những kẻ họ có phận sự che chở, sẵn sàng nhận lấy trên đầu mình bất cứ tai ương nào, dù cho đến cái chết, nhưng không hề ăn miếng trả miếng (8).

Đối với Gandhi, hồn (âtman) phân ly với thể xác. Và luật của thể xác là bạo động, trong khi luật của tinh thần là bất bạo động. Bạo động sợ chết và dùng thể xác để bảo vệ thể xác, cố hủy diệt nguyên nhân của sợ hãi. Còn bất bạo động là luật của tinh thần, nên không sợ chết và không cần tránh cái chết. Người ta bất bạo động không phải vì sợ chết, mà chỉ vì thù chết mình chẳng thù giết người. Như thế, can đảm để chết bao giờ cũng lớn hơn can đảm để giết người. Một kẻ bạo động ít ra cũng có can đảm chiến đấu. Cho nên kẻ bạo động có hy vọng sau này trở nên bất bạo động, còn kẻ nhút nhát thì không. Phải, quả thực ta chỉ có thể thua thứ khi quả thực ta có sức để trừng trị (9).

(1) *Young India*, 7/12/92.

(2) *Young India* 4/11/926.

(3) SB. 15'. So sánh câu này với câu Chúa Giêsu nói: « Không ai yêu bằng kẻ hy sinh sự sống mình vì người yêu. »

(4) *Young India*, 2/12/1926.

(5) « Truth and non-violence are perhaps the activist forces you have in the world » (*Young India*, 2/1/31. Cf. *Satyagraha*, trg. 358). Lý do nêu ra: Người dùng khí giới không thể dùng nó suốt 24 giờ một ngày, còn kẻ bất bạo động thì khí giới của hắn là tinh thần, thế mà tinh thần ấy hoạt động mãi trong lồng ngực hắn.

(6) *Young India*, 7/5/1931. Gandhi nói: « Sợ và yêu là hai tiếng mâu thuẫn nhau » (GANDHI, *Non-violent resistance (Satyagraha)*, trg 384).

(7) SB. 16. (8) SB. 155-156.

(9) MB. 138; *Young India* 11/8/1921 9120

Cho nên, nếu phải chọn giữa bạo động và nhút nhát, thì Gandhi sẽ chọn ngay bạo động (1). Ông nói: « Hẳn là tôi sẽ liều bạo động một ngàn lần, còn hơn là để cho cả một dân tộc (Ấn-đô) mất hết nam-nhi-tính của mình. » (2)

Vì thế, Bất bạo động là một đức tính, một tâm-trạng nó đòi hỏi một tập luyện vất vả (3). Nó phải dựa trên rất nhiều đức tính khác làm nền tảng hay điều kiện: sự siêu thoát đối với của cải và lạc thú thế xác (4), sự thành thực và can đảm (5), sự thẳng thắn biết nhận lỗi và kính trọng ý-kiến người khác (6). Như thế, bất bạo động là kết quả của một cuộc tu-thân cam-go và khổ hạnh (ascèse). Cho nên, mấy cô cậu phóng túng kiểu hippy hoặc những ông nghị bơ sữa chơi bời không thể vỗ ngực cho rằng mình đi theo vết của Gandhi.

Bất bạo động không tuyệt-đối

Bất bạo động theo Gandhi là đạo của đời sống hơn là một định-chế do ai đó lập nên. Vì thế, nó không thể ghi thành hiến-pháp không thể có một khuôn khổ đồng đều cho hết thảy mọi người (7). Nó là một tinh thần, nên khoáng đạt, không câu nệ vào hình thức. Và lại, không thể có một Bất bạo động hoàn toàn nếu đứng về hình-thức và hành-động.

Trước hết, không thể tránh hoàn toàn bạo động hay giết chóc trong đời sống thường ngày. Trong khi đi lại, không thể không chà đạp lên nhiều sinh-vật nhỏ bé. Để bảo vệ sự sống mình, ta không khỏi hại tới những sự sống khác trong cơ thể do phương thuốc ta dùng (8). Và lại, Gandhi cũng nhìn nhận rằng, nếu đối với ông và dân Ấn

nói chung, ăn thịt cá là bạo động, thì, đối với người khác, chưa hẳn đã là như thế. (9) Hơn nữa, dù có giết chóc ngoài ý muốn của ta, trong tinh thần, ta vẫn trung thành với Bất bạo động nếu luôn luôn ta hành động theo tinh thương yêu thúc đẩy, nghĩa là bao nhiêu có thể, ta cố gắng tránh sát sinh và cứu vớt các sinh vật (10). Bạo động là ở chủ-ý, nên khi vì sự thực phải nói lời kích lòng người khác, hoặc gây hại cho người khác mà không có ý làm hại họ, thì đó cũng không phải là bạo động (11).

Hơn nữa, có khi nhìn ở bên ngoài tuy có sát sinh, nhưng thực ra do bên trong, thì hành vi của ta lại là bất bạo động. Đó là trường hợp khi ta bó buộc phải giết khi, chim và sâu bọ đến ăn hại mùa màng (12). Gandhi cũng thú rằng: « Dù trong chốc lát, tôi cũng không đủ can đảm đứng nhìn một con chó hay bất cứ một sinh vật nào bị dầy vò bởi một cái chết chậm chạp. Tôi không giết một người như thế, vì tôi có nhiều hy vọng tìm ra phương thuốc giải cứu họ. Nhưng cùng trong một hoàn cảnh, tôi sẽ giết một con chó, vì với chó, tôi không sẵn phương thuốc. Giả như con chó mắc bệnh dại (rabies) và không hy vọng có thuốc làm nhẹ

(1) MB, 138 ; Young India, 11/8/ 9:0.

(2) SB, 156

(3) Young India, 1/10/1931 ; Harijan, 4/9/ 1936.

(4) SB, 24-25.

(5) SB, 151.

(6) GA, 429.

(7) MGP, II, 124-125.

(8) GA, 427-428.

(9) MB, 137.

(10) MGP, II, 507 ; Cf. MB, 132.

(11) SB, 150-151.

(12) MB, 132.

PHIÊN ÂM ĐÚNG

những chữ chưa phiên âm
đúng trong bài

ahiṃsā

Īśvara

upaniṣad

kṣatriya

kṣānti

Prāśastapāda

prāṇa

brāhmaṇa

bhagavad-gītā

bhūta-hitatva

bhikṣu

bhikṣunī

mā hiṃsyāt

vaiśya

sāṃkhya

śūdra

Viṣṇu

đau đón cho nó khi hấp hối, tôi nghĩ rằng trong trường hợp ấy, tôi có bồn phận lấy sự sống của nó đi» (1). Ở đây, ta thấy Gandhi xem như đi ngược lại nguyên-tắc ông nêu lên trong một trường hợp khác, trường hợp án tử hình: « Tôi coi tử hình là trái với ahimsā. Chỉ có Vị ban sự sống mới có quyền lấy sự sống đi mà thôi » Quả nếu áp dụng đúng nguyên-tắc: Chỉ có Vị ban sự sống, tức Đấng Hóa-công, mới có quyền lấy sự sống đi, thì con người, trong bất cứ hoàn cảnh nào, ít ra cũng không thể tự ý giết một con người khác, dù đó là vì lòng thương thúc đẩy. Nguyên-tắc ở trên đúng là nguyên-tắc luân-lý Ky-tô-giáo, nhưng có lẽ Gandhi không nghĩ rằng nguyên-tắc ấy có tính cách tuyệt đối.

Nói tóm lại, Gandhi nêu lên những trường hợp trong đó sát sinh trở nên một bồn phận:

- Khi cần để duy trì sự sống mình.
- Khi cần để bảo-vệ những người mình có trách nhiệm săn sóc tới.
- Khi vì tình thương, muốn tránh

đau khổ ghê gớm và dai dẳng cho một sinh-vật đang hấp hối (2).

Ông còn nêu lên một thí dụ nữa: « Giả thiết có một kẻ phát điên, và grom cầm tay, giết hết những ai hấn vớ được. Nếu không ai dám liều mạng bắt sống hấn, thì kẻ nào giết được hấn phải được cả cộng-đồng ghi ơn và coi như một ân nhân, » (3)

Hai trường hợp được và nên giết người ông nêu lên, trường hợp này cũng như trường hợp đưa trẻ trên kia, đều là những trường hợp điên dại. Phải chăng Gandhi cho rằng với người mất trí khôn, tức không sống bản-tính con người nữa, thì ta có thể coi họ gần như các sinh vật vô trí khác? Dầu sao chăng nữa, giết người đối với Gandhi không phải là điều ky tuyệt đối tuy rất họa hiểm, bởi lý do ông chú-trọng vào

(1) SB. 149 ; MB. 122 ; *Young India*, 11/8/1920 ; LA. 116. Cũng xin xem thêm *Young India*, 4/11/1926 hay LA. 118.

(2) *Young India* 4/11/1926.

(3) *Young India*, 4/11/1926.

chủ ý và tinh-thần hơn là sự-việc bên ngoài.

Hẳn nhiều người muốn biết ý-kiến của ông đối với chiến-tranh thế này, có phải là vấn đề đôi khi được phép hay không. Đối với vấn đề này, xem ra ông chưa có giải đáp dứt khoát. Dù ông vốn không ưa chiến tranh. Một lần được hỏi có nên giết rắn không và có nên có quân đội, nên tự vệ bằng khí giới hay không, thì ông đáp rằng: giặc dữ là thứ rắn còn độc hơn và cản trở khỉ hơn cả rắn bên ngoài, và chiến tranh là vấn đề nhất thời sau này sẽ có dịp giải quyết; tuy

nhiên vấn đề ấy không phải là quan trọng đối với người dân thường (1). Dầu sao chẳng nữa, ông thường không coi chiến-tranh là cần thiết để giải quyết những tranh chấp giữa con người với nhau.

(1) *To the students* trg. 158.

Hoành-sơn HOÀNG SỸ-QUÝ

K sau : II – Những nền tảng văn hóa và tôn giáo của quan niệm Gandhi về Bất bạo-động.

CHỮ VIẾT TẮT

Cant. *Cantique des cantiques*

GA GANDHI, *An Autobiography*, nhà xuất bản Navajivan, Ahmedabad, 1948.

GAJ Cùng cuốn sách đó, nhưng do Jonathan Cape tái bản tại London năm 1966.

GS GANDHI, *To the students*, Navajivan.

LA GANDHI, *Lettres à l'ashram* Albin Michel, Paris, 1960.

Lc *Phúc-âm Luca*

MB GANDHI, *All men are brothers*, Navajivan, 1960.

MG² PYARELAL, *Mahatma Gandhi, the last phase*.

MMG PRABHU and RAO, *The mind of Mahatma Gandhi*.

Mt *Phúc-âm Mathieu*.

NVR GANDHI, *Non-violent resistance*, Schockenbooks, New York, 1961.

SB NIRMAL KUMAR BOSE, *Selections from Gandhi*, Ahmedabad.

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

C A O - M I Ê N

*với thể trung-lập chống chênh***Mười lăm năm một bộ mặt**

Sau Hiệp-định Đình - chiến Genève, khi các lực-lượng võ-trang Cộng-sản không còn là mối nguy cơ cho Cao-Miên nữa, Sihanouk bắt đầu mưu tính diệt trừ các phe quốc-gia đối-lập, đặc biệt là Sơn-Ngọc-Thành (1) và Đảng Dân-chủ.

Sihanouk nhận thấy ảnh-hưởng Đảng Dân-chủ vẫn còn rất mạnh, nên một mặt ông ta cứ lần lượt hoãn tổ-chức bầu cử, một mặt ông ta cho cựu thủ-tướng Yem Sambaur đứng ra quy tụ các đảng phái thân chính-phủ lại thành Liên-Minh Sahapak (Liên-Minh Thống-nhất) đề đương đầu với phe Thành. Liên-Minh Sahapak được thành lập với sự tập hợp các cựu đảng Tự-do, Dân-chủ Tiến-bộ, Khmer Phục-Hưng, Chiến-thắng Đông-Bắc và Canh-tân Quốc-gia, nhưng các đảng nhỏ này vốn hữu-danh vô thực không có bao nhiêu quần chúng đảng-viên, nên Liên-minh tập hợp cũng chỉ tồn tại được một thời gian ngắn là tan rã. Rõ ràng những cận thần của Sihanouk không có người nào vượt trời lên, đủ uy-tín để

quy tụ quần chúng, nên cuối cùng Sihanouk đành nhào hẳn vào cuộc ganh đua ảnh hưởng bằng cách thoái vị, nhường ngôi cho cha là Norodom Suramarit (đầu tháng 3-1955) để có thể bước ra hoạt-động chính-trị như một chính khách mà không hại gì đến uy-tín Hoàng-gia.

Cuối tháng 3-1955 Sihanouk công bố việc thành lập Tập-đoàn Xã-hội Nhân Dân (Sangkum Reastr Niyum). Tập-đoàn này vẫn được gọi tắt là Đảng Sangkum, dù theo Sihanouk, đó không phải là một đảng mà là một tập hợp toàn thể nhân dân Khmer vượt lên trên đảng phái. Trong các cuộc vận động để thu hút đảng viên, Sihanouk luôn luôn diễn tả Sangkum như là biểu trưng của Hoàng-gia, của Dân-tộc, theo

(1) Cuối năm 1954, Sơn-Ngọc-Thành đã xin hội kiến với Sihanouk để trở về hợp tác và hứa trung-thành với Hoàng-gia, nhưng với tính cố chấp sẵn có, Sihanouk đã đáp lại bằng cách tố cáo Thành là kẻ thù của Quốc-vương của chính-phủ, của nhân dân và dồn Thành vào cái thế phải tiếp tục cố gắng lại Sihanouk cho tới ngày nay.

Sangkum là trung thành với Hoàng-gia, chống Sangkum là chống Hoàng-gia. Dân Miên, trong một trình-độ hoàn toàn ấu-trĩ về sinh-hoạt dân-chủ, đã không đặt thành vấn đề lựa chọn trước Hoàng-gia. Hoàng-gia đối với họ là trên hết và trước mắt họ Sihanouk vẫn là quốc-vương, dù ông ta đã thoái vị. Vì vậy chỉ trong một thời-gian ngắn, Sangkum đã thu hút được một số đảng viên đông đảo và gây được một ảnh-hưởng lớn lao trong quần chúng.

Cuộc bầu cử 11-9-1955, Sangkum đã thu được 83 phần trăm phiếu trong khi Dân-chủ chỉ thu được 12, còn đảng mới Pracheachon (Liên Đoàn Nhân-dân được coi là có ảnh-hưởng Cộng-sản) đạt được 4. Đảng Dân-chủ ngày càng mòn mỏi dần và tới tháng 8-1957 thì suy sụp hẳn trước sự công kích của Sihanouk làm tan rã nhóm lãnh-đạo.

Cuộc bầu-cử 23-3-1958 chỉ còn Pracheachon đối-lập với Sangkum, nhưng kết-quả bầu-cử đã chặt mắt chân đứng trên chính-trường của Pracheachon, vì Sangkum đã thu hết 99, 9 phần trăm phiếu bầu.

Sự thắng thế của Sangkum đã làm cho sinh-hoạt chính-trị trở nên lảng địu hẳn ở thủ-đô, vì lúc ấy quốc-hội gồm toàn các dân-biểu Sangkum. Nhưng bên trong không phải là không có rạn nứt trầm trọng. Thật sự Sangkum không có chủ trương rõ rệt, không nhằm đấu tranh cho một đường hướng chính-trị mà một chính đảng phải có. nên quần chúng đảng viên đã được tập hợp một cách rộng rãi đến nỗi ngay trong tổ chức cũng khó mà tìm nổi một mẫu số chung về bất kỳ dị hạt nào. Những tiêu chuẩn mơ hồ về nền dân chủ bình

dẳng và chủ nghĩa chân-xã-hội của Đảng chỉ là những danh-từ được hiểu một cách tổng quát mà nhà cầm quyền muốn diễn tả thế nào cũng được.

Đầu năm 1959, một biến cố xảy ra đã hé cho người ta thấy rõ tính chất phức tạp bên trong của cái bề mặt chính-trị phẳng lặng lúc ấy. Đó là một âm mưu khuynh đảo chính-phủ Sihanouk của bộ ba Sơn-Ngọc-Thành, Dap Chhuon và Sam Sary. Với Sơn-Ngọc-Thành (khi ấy vẫn ở ngoài bưng) và Dap Chhuon (một trong những cựu lãnh tụ Khmer Issarak, khi ấy đang là tỉnh-trưởng Siem Reap) thì không ai lấy gì làm lạ, nhưng với Sam Sary thì thật là khó hiểu Sam Sary là một cận thần của Sihanouk, đã từng giữ những chức vụ Ngoại-trưởng, Phó thủ-tướng, Đại-sứ ở Luân-đôn, khi ấy đang là Tổng-thư-ký đảng Sangkum. Sau vụ này chỉ có Dap Chhuon bị hạ-sát, Sơn-Ngọc-Thành thì vẫn không lộ mặt, còn Sam Sary thì trốn sang Nam Việt-Nam.

Tháng 4-1960, vua Norodom Suramarit băng hà, Sihanouk đã từ chối tái nhận vương-miện, cũng không đặt con cả lên ngai vàng và đồng thời cũng ngăn cản sự đề bạt một người chú ông lên kế vị. Sau Hoàng-tộc đã đặt ba vị nhiếp chánh do Hoàng-Hậu Kossamak, mẹ Sihanouk đứng đầu.

Mỗi bản khoản của Sihanouk là làm thế nào vừa lãnh-đạo chính-phủ vừa không mất chân đứng trong Hoàng-tộc, sau cùng ông bèn nghĩ đến vai trò Tổng-thống trong chính-thể Pháp hiện tại, thế là ông tự đề nghị một chức vị quốc-trưởng mới cho mình và chức vị này đã được hợp thức hóa trong

cuộc trưng-cầu dân ý 5-6-1950. Với chức vị *quốc-trưởng* trong một nước quân-chủ lập hiến, thực sự Sihanouk đã tái nhận vai trò quốc-vương, nhưng ông ta lại tránh danh-hiệu này để dễ bề nhúng tay vào hành-pháp.

Tuy nhiên, như thế vẫn chưa được Sihanouk coi là đủ, vì dưới Tổng-thống Pháp, dù là Tổng-thống đầy quyền uy của Đệ-ngũ Cộng-hòa, luôn luôn còn có thủ-tướng trực tiếp điều khiển chính-phủ. Cho nên ngay khi chính phủ Pho Proeung từ chức sau vụ một nhân viên Pháp biển thủ trên hai triệu Mỹ-kim của Ngân-hàng quốc-gia (14-1-1961), Sihanouk bèn sáng chế ra một thứ quốc-trưởng mới có quyền hành kiểm soát cả lập pháp lẫn hành pháp và trực tiếp điều khiển hội đồng nội các. Ngày 23-1, Quốc-hội đã bỏ phiếu hợp thức hóa dự định của Sihanouk và ngày 28-1, Sihanouk thành lập xong tân chính phủ. Kể từ đó, quốc-hội đã trao toàn quyền cho quốc-trưởng, và không còn mấy may khả năng đặt vấn-đề tín nhiệm hay bất tín nhiệm chính-phủ nữa. Sihanouk đã tự vạch ra một vai trò kỳ lạ trong sinh-hoạt chính-trị, và làm tan rã hoàn toàn những viên gạch đắp móng cho nền dân-chủ phôi thai của Cao Miên trước đây. Nhưng với nhân dân, dù Sihanouk có làm gì đi nữa cũng chẳng ai ta thần được, vì ai cũng nhớ Sihanouk đã là vua! Nếu có những kẻ phê-bình, chống đối quốc-trưởng thì đó chỉ là những phần tử mà Sihanouk gọi là *bọn trí thức non không làm nhưng chỉ thích chỉ trích người lớn!*

Điều đáng nói là cái bọn *jeunes intellectuels* ấy càng ngày càng đông và rõ ràng trong chính giới có sự rạn nứt trầm trọng giữa phái già và phái trẻ.

Nhìn chung lại diễn trình sinh hoạt chính-trị từ sau 1954 tới nay, 15 năm qua sâu khấu Cao Miên đã là nơi Sihanouk mặc tình độc diễn. Uy tín của Sihanouk vẫn còn rất vững, nhưng chính thể Sihanouk hiện đang đóng băng trong một guồng máy thơ lại và vì vậy quốc gia Cao-Miên đã không trôi vượt lên được theo đúng mức độ có thể đạt tới. Nạn tham nhũng lan tràn ở khắp mọi cấp và đó chính là nguy cơ số một của một cơ chế trẻ trung. Tệ trạng này đã làm suy yếu quốc gia và làm lu mờ những thành quả mà quốc gia đã đạt được trong mọi địa hạt (1).

Trong cuộc tranh giành quốc tế

Về đối nội, Sihanouk đã tỏ ra quyết tâm nắm thế chủ động trong một đường lối độc tài cứng rắn. Về đối ngoại, Sihanouk cũng không kém cứng rắn, nhưng lại luôn luôn ở tình-trạng dễ chao động — cái cảnh của người leo dây phải nghiêng người về bên này để giữ cho khỏi rơi về bên kia. Sihanouk đã luôn luôn nhắc nhở quần chúng về chính sách trung-lập mà ông chủ trương. Ông lấy lịch sử ra để dẫn chứng: người xưa đã sai lầm khi chút chút lại chạy ra ngoài cầu vện ngoại-bang để giải quyết những chuyện lộn xộn nội bộ, nên ngoại bang mới có dịp xâu xé đất nước này. Câu chuyện con kiến trước cảnh hai con voi đánh lộn cũng là hình ảnh

(1) Về những thành quả đã đạt được: quan trọng nhất là sự sản xuất thóc gạo, vụ mùa 1954-55 thu được 1, triệu tấn, vụ mùa 1 (7-68) thu được trên 3 triệu tấn; Về thương mại, Hải cảng Sihanoukville đã xuất v nhập số tấ hàng từ 95 ngàn vào năm 1961 lên nửa triệu vào năm 1967. (Modern Asia, số 5, số 2, tháng 1 và 2-1969)

Sihanouk thường hay đề cập đến khi muốn nói về cái thế đứng ngoài của Cao-Miên trước cuộc tương tranh của hai phe Tư-bản và Cộng-sản Quốc-tế.

Chính-sách trung-lập đối với Cao-Miên là một nhu-cầu để khóa lấp những yếu-tố được coi là có phương hại đến an-ninh quốc-gia. Bốn yếu-tố được đưa lên hàng đầu là sự yếu kém của lực lượng quốc phòng; mối hiểm nguy do hai quốc gia láng giềng Thái-Việt gây nên; nhược điểm về địa lý của Cao-Miên; và khả năng bành trướng xuống Đông Nam Á của Trung-Cộng.

Về sự yếu kém của lực lượng quốc phòng, Sihanouk đã không nhằm cải thiện vì ông quan niệm nhân lực cần thiết cho việc phát triển kinh tế và xã hội hơn là mọi mục tiêu nào khác. Thực ra Sihanouk đã nhìn thấy rõ vai trò đặc biệt của quân đội ở các nước mới thu hồi độc lập, nếu để cho tổ chức này đủ mạnh và có tập quyền chỉ huy thì sẽ dễ trở thành mối nguy cho chính phủ. Cho nên, ở Cao Miên, quân đội chính quy chưa từng vượt quá con số 37.000 người (còn kém lực lượng cảnh-sát), bị cấm tham gia các tổ chức chính-trị và luôn luôn bị phân tán ra các tỉnh xa thủ-đô. Để lấp vào chỗ trống quốc-phòng nhằm chống đỡ các cuộc xâm lược nếu có, theo luật «trung lập» đã được quốc-hội phê chuẩn ngày 11-9-1957, chính phủ Cao-Miên có quyền kêu gọi Liên-Hiệp-Quốc và quân-lực bạn (?) tới hỗ trợ.

Về điều mà Sihanouk gọi là *mối hiểm nguy do hai quốc gia láng giềng tạo nên*, thực sự chỉ là một huyền thoại được tiêm nhiễm vào đầu óc dân chúng để

để bề lợi dụng khi cần. Ngày nay, không một Chính phủ Thái-Lan hay Việt-Nam nào lại còn có thể nuôi dưỡng cái mộng nuốt trôi Cao-Miên của các triều-đình xa xưa. Huyền thoại Thái-Việt xâm-lược được lợi dụng nhiều nhất trong tuyên truyền chống các nhóm ly khai. Các lực lượng Khmer Issarak, Khmer Serei (1) được Sihanouk gán cho nhân hiệu tay sai Thái-Lan hoặc Việt-Nam để gây căm thù trong quần chúng.

Riêng đối với Cộng-sản Việt, Sihanouk lại luôn luôn tỏ thái-độ hòa-hoãn hơn, nếu không muốn nói là hoàn toàn không thù nghịch. Trước hết, việc Cộng-sản Việt mượn đất Miên trong cuộc chiến tranh Việt-Nam hiện nay là điều ai cũng phải cộng nhận. Ít ra cũng có ba sư-đoàn Cộng-quân đóng rải rác trong các vùng rừng rậm dọc biên giới từ ngang Tây-Ninh tới Lào. Mấy năm trước, Sihanouk còn phủ nhận sự kiện này nhưng sau ông ta tự cho là chẳng làm gì hơn được vì những vùng ấy toàn là rừng rậm không kiểm soát nổi. Nhược điểm về địa lý vốn là một yếu-tố có phương hại đến nền an ninh của Cao-Miên mà!

Tuy nhiên nhìn sâu vào vấn đề, người ta thấy thực sự Sihanouk đã có mặc cảm bất lực trước sự bành trướng của Trung-Cộng. Sihanouk cũng như các cận thần của ông tin rằng Trung-Cộng sẽ bành trướng thế-lực xuống Đông-Nam-Á và Mỹ sẽ không thể

(1) Phong trào Khmer Serei được Sơn-ngọc-Thành và Sam Sary thành lập năm 1959 nhằm lật đổ chế độ Sihanouk. Theo chính phủ Cao-Miên tổ cáo, phong trào này có khuynh hướng thân Tây-phương và được Thái-Lan, Việt-nam và Hoa-Kỳ hỗ trợ.

kiềm chế nổi. Cái thế sa lầy của Mỹ ở Việt-Nam càng làm cho Sihanouk tin ở lập luận của mình. Cho nên đối với Sihanouk, ngăn cản cuộc Nam-tiến ấy (đã diễn ra dưới hình-thức chiến tranh nhân dân ngay tại các quốc gia địa phương) là một điều bất khả, nhưng có thể dùng sự khôn khéo để né tránh cho riêng mình được chừng nào hay chừng nấy.

Qua sự bảo đảm ngầm của Trung-Cộng với Anh năm 1954, quả là Cộng-sản Việt đã rút quân hết ra khỏi Cao-Miên. Nhóm Cộng-sản Miên võ trang đã bị giải tán, một số nhân-vật trong nhóm đã thành lập đảng Pracheachon, nhưng hoạt động rất yếu ớt. Mãi gần đây mới thấy Miên Cộng hoạt-động du-kích trở lại nhưng lực lượng cũng không quá 1.000 người. Sự hiện-diện của Trung-Cộng ở Miên mới chỉ lộ ra trên nhãn những hóa phẩm tràn ngập thị trường và trong tổ chức đảng hải-ngoại bành trướng âm thầm giữa số nửa triệu Hoa-kiều (đối với Sihanouk hoạt động này không có phương hại đến chế độ hiện hữu nên không được coi là thù địch).

Đối với Hoa kỳ, từ 1955 tới 1963, Cao Miên đã nhận 270 triệu Mỹ-kim viện trợ kinh tế và 94 triệu Mỹ-kim viện trợ quân sự của nước này. Nhưng đột nhiên cuối năm 1963 Sihanouk đã khước từ viện trợ vì cho rằng Hoa-kỳ đã trợ giúp cho phong trào Khmer

Serei chống chính thể Sihanouk. Mỗi bang giao Mỹ-Miên rạn nứt, cho tới 1965 thì vỡ hẳn. Hồi tháng 4-1969 đã có nhiều móc nối để tìm một lối thoát đưa đến sự tái lập bang giao, nhưng kết quả bất thành. Nhân dịp này Sihanouk đã tuyên bố huỷch toẹt là ông ta chỉ coi Hoa-Thịnh-Đổ như lá bài để tổ phe Cộng khi cần. Nếu Cộng-sản làm tới trong việc giúp du-kích Miên-hoạt động thì ông ta sẽ nghiêng về phía Hoa-kỳ ngay, dù chiến tranh Việt-Nam chưa chấm dứt.

Về phía Hoa-kỳ cũng vậy, đã hơn một lần Sihanouk dọa cầu viện quân Nga và Trung-Cộng nếu Hoa-kỳ còn yểm trợ các nhóm ly khai Miên. Nhưng dọa là dọa vậy thôi, còn Cao Miên vẫn trợ trợ là Cao Miên để tiếp tục sử dụng những đòn vật mà thủ lợi ngay trong cuộc chiến tranh Việt Nam hiện tại (1)

Dầu sao với vị trí đầy nguy hiểm

(1) Ngoài việc Cộng-sản Việt mua bán ngay trên đất Cao Miên, mỗi tháng người Miên còn tải lậu qua biên giới hàng trăm ngàn tấn gạo, hầu hết để bán cho Cộng-sản Việt với giá gấp đôi giá thị trường quốc nội. Người Mỹ còn tố cáo rằng quân-dụng, vũ khí (ả hòa tiến) của Nga và Trung-Cộng đã được chở tới Sihanoukville, chỉ có một phần được chở về Căn cứ tiếp vận Kompong Speu của quân đội Hoàng-gia, còn phần lớn được chuyển tới các địa điểm tiếp nhận ở biên giới của CS Việt mỗi tháng không dưới 500 tấn. Dĩ nhiên người đã không làm công-không trong vụ này cho khối Cộng. (US News and World Report số 3 bộ LXVI ngày 20-1-1969)

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

EX. 705/ĐTT/QCĐP/16.4.45

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

trong lò lửa Đông-Nam-Á mà quốc gia Miên chỉ bị xém cháy chút đỉnh bên ngoài, ta cũng phải công nhận Sihanouk đã khá vững vàng trong thế đứng hiện tại của ông ta. Hành động chối bỏ viện trợ Hoa-kỳ của Sihanouk để khôi lệ thuộc chính sách khống chế Á-châu của người Mỹ là một hành-động đã làm mở mắt nhiều lãnh-tụ Á-châu khác và đã được nhân dân các quốc gia nhược-tiểu hoan-ngheh.

Nhưng con đường mà Sihanouk đang bước tới không phải là không chông chênh ; chông chênh vì thiếu một ý-thức đứng đắn làm điểm tựa để tồn tại lâu dài. Trung lập, không đại đột dần mình vào lò lửa do các Đế-quốc tạo nên, đó là một điều khôn ngoan không ai chối cãi. Nhưng ngay trong thế trung-lập

Sihanouk đã sai lầm ở điểm hoàn toàn chối bỏ cái thế liên lập cần thiết với các quốc gia cùng cảnh ngộ, mà chỉ quan tâm đến sự thăng bằng nhất thời giữa các trung-tâm Đế-quốc. Và, tiếc thay, ngay đến phương cách tạo sự thăng bằng nhất thời cũng rõ ràng chỉ dựa vào những thủ đoạn vặt vãnh hơn là một chính lược quang minh.

Một mai, qua sự thỏa hiệp giữa các Đế-quốc với nhau để tạm tính êm cuộc chiến-tranh quốc-tế hiện tại, thì chính Sihanouk sẽ phải hứng chịu hậu quả về các thủ đoạn của mình. Còn chừng nào chiến tranh vẫn tiếp diễn thì chế độ Sihanouk vẫn còn tồn tại nhờ sự nâng đỡ tạm bợ của chính những kẻ thù của quốc gia Cao Miên.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM VIỆT CHÂU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Toán số với càn khôn

(Xin xem B.K. TĐ số 302)

Toán và luận-lý

Sự hiểu-biết vũ-trụ ngày nay không thể quan-niệm không có phương-tiện toán-học. Biết là đo lường (Brunschvicg). Những khoa-học đúng đắn, như vật-lý hay hóa-học chẳng hạn, đã đi từ cụ-thể đến trừu-tượng, đã vượt lên những giai-đoạn của như-nhân-luận. (Cho mọi vật và thú-vật có những phản-ứng như người), của thuyết duy-nhân hay nhân-hướng tâm-luận (dùng người làm trung-tâm của mọi sự) của thuyết vạn-vật hữu hồn, đã làm rung động biết bao thi-nhân (*Người buồn cảnh cũng đeo sầu, hay Objets inanimés, avez-vous donc une âme*). Từ đầu thế-kỷ 20, những hình ảnh tâm-linh không còn được dùng để hiểu biết ngoại-giới. Người không còn nuôi hy-vọng xây dựng một nhận-thức về vũ-trụ với lời nói có mạch-lạc, danh-từ của người không thích ứng với sự đòi hỏi ấy. Trái với ý nghĩ thông thường, vật-lý-học, một môn-học về cụ-thể trở nên một môn rất trừu-tượng. Hỏi thuyết của Maxwell (nhà toán-học đưa ra thuyết điện-từ về ánh sáng) là gì, chỉ có thể trả lời, đó là hệ-thống những phương-trình của Maxwell. Sự hiểu-biết vũ-trụ chỉ còn là một cảnh bao quát những đo lường và tính toán, hay chỉ quan-niệm dưới hình-thức một khả-niệm toán-số.

Nhưng trong những khoa-học nhân-văn, nghiên-cứu về con người, những phương-pháp nhận-thức cũng đã đổi thay. Tuy chưa từ bỏ hẳn nội-quan pháp trong một vài địa-hạt, người ta cũng hướng về lối nhận xét sự kiện khách quan, dùng kỹ-thuật toán-học để đưa đến những kết-luận, tuy không chắc chắn như những kết-quả trong vật-lý (những kết quả nơi đây có khi cũng chỉ tạm-thời) nhưng không còn ở trong phạm-vi huy hoàng của phỏng-đoán và mộng-tưởng. Triết-học cũng đang hướng đến một triết-học khoa-học, và trong triết-học, luận-lý đã tách rời một cách dễ dàng khỏi tâm-học và xã-hội-học để đi sát toán-học.

Luận-lý cổ-điển, vì một phần lớn thuộc tâm-học, không có tương-quan mật thiết với toán-học, và ngược lại, toán-học lúc bấy giờ theo trực-giác không quan-tâm gì đến luận-lý. Trong phong-trào tư-tưởng cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 này, đã có sự thay đổi. Trong khi luận-lý-học và tâm-lý-học tiến-triển theo những chiều hướng càng xa nhau về phương pháp, một sự hội-tụ dần dần liên kết luận-lý-học và toán-học, do hai quá trình có ý nghĩa vì những lý do không mấy dính liền với nhau. Một bên, có sự toán-hóa của luận-lý-

học do sự cần đến một lối ký-hiệu đúng đắn, một đại-số luận-lý, và bên khác, có sự luận-lý-hóa của toán, vì những nhu-cầu xây-dựng những công-lý, nghĩa là loại bỏ lần lần trực-giác làm căn-bản cho sự nhận-thức trừu-tượng. Trong những tương-quan giữa luận-lý-học và toán-học, có hai loại vấn-đề biệt lập, vấn-đề hội-tụ giữa phương-pháp của hai môn, và vấn-đề quy-kết những cơ-cấu toán trong những cơ cấu luận-lý. Hai vấn-đề ấy đã hợp lại thời Bertrand Russell đề xướng như vậy, nhưng sau sự khác biệt đã được nhận định lại.

Những phương pháp toán và phương-pháp luận-lý đã có ảnh-hưởng hồ-tương từ thời Leibniz chủ-trương một tổ-hợp rộng rãi. Đại-số thuần-túy về toán đã kêu gọi ý một đại-số về luận-lý và sự nói rộng luận-lý cổ-điển cho luận-lý những hệ-thức. Giữa thế-kỷ 19, Morgan và Boole đã thể hiện dự-định, sau đó với Peirce, Frege, Schroeder, Brentano, nhưng không có ảnh-hưởng nhiều trong tư-tưởng giới, vì những toán-gia chưa băng khuông về vấn-đề cơ-bản và công-ý-hệ. Tiếp theo đó một trào-lưu tư-tưởng phong phú hơn nổi lên với công-trình của các nhà bác-học khắp Âu-Mỹ, đề lập nên luận-lý toán-học gắn liền với những phép toán và định-thể toán. Ở Anh có Bertrand Russell, Whitehead, ở Ý có Peano. Burali-Forti, Padoa, ở Pháp Couturat, ở Hoa-Kỳ, Lewis de Church, ở Ba Lan, Chwistek, Lesniewski, Lukasiewicz, ở Áo, Wittgenstein, Carnap... Kết quả có được là nhờ những học-giả trên đều là nhà toán-học chuyên-môn, và cũng vì những công-trình của Bolzano, Pasch, rồi của Hilbert, cho thấy nhu-cầu khẩn-

trương của phương-pháp công-lý (axiomatique) và buộc các toán-gia phải tìm một thứ luận-lý tổng-quát hơn, chặt chẽ hơn luận-lý cổ-điển.

Vấn đề quy-kết những cơ-cấu toán trong những cơ-cấu luận-lý không chỉ đặt ra như sự gặp gỡ về phương-pháp nói trên. Có một sự gặp gỡ khác, đặc-biệt hơn, là sự hội-tụ của những phần toán tổng-quát với đại-số về lớp và hệ-thức trong luận-lý. Thuyết toàn-bộ, do Cantor đề xướng, dưới hình-thức nguyên-sơ hay trong phần trừu-tượng nhất đã trùng hợp nơi một số cơ-cấu với những tác-động về lớp và hệ-thức tổng-quát. Điều này đã thúc đẩy Frege và Russell tìm sự quy-kết bản-số trong lớp luận-lý và quy-tụ số thứ-tự trong hệ-thức bất đối-xứng. (Xem Russell: *Introduction à la philosophie mathématique*, Paris, 1952 và Whitehead Russell: *Principia mathematica*, Cambridge University Press, 1913). Cùng một đường hướng, Couturat cũng cố gắng quy-tụ thuyết về nhóm với luận-lý hệ-thức, và nghĩ đến tương-đồng giữa hàm-số với hệ-thức luận-lý (Xem Couturat. *L'algèbre de la logique*, 1905, *Les principes des mathématiques*, 1906).

Khuynh-hướng kết hợp toán-học với luận-lý-học trở nên mạnh, nhưng vẫn còn sự dằng-co giữa đôi bên. cách thức kết-hợp khác nhau tùy theo học-phái. Có bốn giải-đáp để lựa chọn. Một là, theo Russell, quan-niệm tất cả toán-học như một phân-lớp của luận-lý, và như thế sẽ quy-tụ tất cả những hệ-thức toán thành những đồng-định luận-lý. Hai là, theo Hilbert, cho những tương-quan luận-lý như một phân-lớp của những thể toán, những thể này không phải loại nào cũng quy-tụ trong những

cơ-cấu luận-lý được. Năm 1929 Gödel đã chứng minh điều ấy về số-học. Những tương-quan hay « sự thật » giữa những số là vô cùng cũng như những số vậy. Giải-đáp của Hilbert không được những nhà luận-lý chấp nhận, vì toán-học không có những cơ-cấu tổng-quát có thể bao trùm mọi tác-động luận-lý. Ví dụ không thể xem là t án những tác-động luận-lý một nhà sinh-vật-học dùng để sắp loại những động-vật vì những phẩm-tính cụ-thể đặc biệt cho mỗi lớp, mỗi giống. Giải-đáp thứ ba là xem luận-lý và toán như hai phân lớp không dính líu, của một lớp cơ-cấu bình-thức hay trừu-tượng. Quan-niệm ấy không vững, vì giữa toán và luận-lý, vẫn có những cơ-cấu chung. Giải-đáp thứ tư là một giải-đáp dung-hòa Piaget chủ trương (xem Piaget : *Traité de logique*, 1949) tự-định tương-đối của hai môn và quy-tụ một phần nào của đôi bên. Trong hiện-tình của sự hiểu-biết, luận-lý-học thuộc phạm-vi thấp kém, đơn-gản hơn phạm-vi toán-học, phong phú và phức tạp nhiều. Giữa thượng và hạ, có hai chiều đồng-hoa; luận-lý-học không từ ngoài thấp vào toán-học, mà nằm một phần ở trong, biến thành luận-lý toán-học. Ngược lại toán-học không thể quy-tụ trong luận-lý, mà bổ sung và cải-tiến luận-lý suốt diễn-trình trao đổi.

Một sáng-tạo kỳ-diệu

Toán-học được nhìn nhận là một môn học phong phú nhất, cao nhất. Toán-học thuần túy, theo lời của Whitehead (*Science and the modern world*) là sáng-tạo đặc-biệt nhất của trí-óc con người.

Chỉ có âm-nhạc mới có thể đem so sánh được phần nào. Gác một bên vấn-đề nguồn gốc của những thể toán, dù do duy-nghiệm, hay duy-tâm (Platon thuật lại lối giải của Socrate với năm miếng xương) hay thuyết tác-dụng, dù được viết theo lối La-mã, hay theo lối A-rập mượn của Ấn-độ (con số không (0) là của Ấn), hay dù đếm trên ngón hay lóng

tay, những con số người biết dùng có một công dụng lớn lao và sự hấp dẫn mãnh liệt, phải nói là một sự ám ảnh huyền-bí nữa. Người bị bóc lột, làm không đủ ăn, chuyền mộng, đoán điem thành con số đề đánh bạc. Nhà khoa-học nuôi hy vọng tìm những phương-trình khám phá một vài huyền-bi nào của vũ-trụ. Hạng này cũng gặp hạng trên, Pascal nghĩ đến tính xác-xuất, và gần đây Von Neumann lập ra một thuyết khá vững chắc về trò được thua (Theory of games). Hai lối tiếp xúc với số đều giản-dị cả, nhưng ở giữa là một khoảng cách khá xa. Einstein chỉ viết $E = mc^2$, xây dựng một lối giải thích về vũ-trụ, nhưng muốn hiểu được, muốn đọc được, không phải chỉ biết đánh vần là đủ. Hình vẽ trên bùa chú trước kia đã được thay thế bằng ký hiệu mới. Ai nắm được nghĩa của những con số, ai sắp được những số cho đúng chỗ sẽ xử dụng được uy-quyền, chẳng khác thầy phù thủy sai khiến được âm-bình với ký-hiệu mà người phàm chẳng hiểu được. (1) Ngừ

(1) Đã có nhiều công-trình của những nhà nhân-chúng và dân-tộc học phân-tách ngữ của ma-thuật, phù-thủy. Một lá bùa chẳng hạn, mà thầy phù thủy cho bệnh nhân uống hay treo nơi đầu giường hay trên cửa nhà, được làm đúng theo ngữ và « văn phạm », không thể sai thủ-tục như ngày nay để làm một trát tòa án. Lá bùa cũng như một trát hay một công-văn của một thần, ví dụ uy-quyền hơn thần sốt rét. Công văn viết bằng chữ nho, chữ được biến cải, để làm cho tất cả bùa có một hình nhân, với những ký-hiệu riêng tăng thêm phần linh-nghiệm. Vì lối vẽ bùa xuất hiện thời quan-chủ, nên lối viết bùa cũng dựa theo cách viết chỉ dụ của nhà vua và cũng chấm dứt với những chữ : *Khâm thủ*. Dịch bùa ra, thì đại để có nghĩa như : Ta phán cho những vị . . . phải lập tức đuổi tà sốt rét ra khỏi nhà này. Vì lẽ bùa không phải chỉ được xem như một chỉ-thị nhưng chính đã là một vị thần-linh hay nơi tọa-vị của thần-linh, nên hình vẽ có đầu, mình, tứ chi và cả những thần bộ hạ nữa. (Theo Henri Doré. - *Recherches sur les superstitions en Chine* (Variétés sinologiques) - 1ère partie - Tome V - La lecture des talismans chinois. - Chang Hai, Imp. de l'ou sè-wè 1914. Tôi được xem bộ sách quý này, tại Thư-viện Saigon, đường Gia Long, vào năm 1950, lúc ông bạn Đoàn-quan-Tấn làm quân-thủ).

ma-thuật thường được giữ bí mật không phải chỉ vì tư-lợi của người sống về ma-thuật, mà vì nhu-cầu của xã-hội ma-thuật đang thịnh hành. Dù có biết phương pháp phi-lý, người vẫn chấp nhận, để bù đắp phần vong-thân của mình. Thần-thoại hay huyền-thoại tập hợp những cộng-đồng đóng kín, và tự nó nuôi nó, cho đến khi được thay thế bằng thần-thoại hay huyền-thoại khác. Ngữ toán, tuy có vẻ huyền-bí, đã vượt ra khỏi giai-đoạn ma-thuật, và những người dùng ngữ ấy trong những thế-kỷ sau này không đóng kín xã-hội của mình tuy bề ngoài, họ có vẻ lập thành một giáo-đoàn, với một nghi-lễ chuyên-thông xa lạ, một giai-cấp thật thượng-lưu quay lưng cho đại-chúng, thật ra chẳng có gì cấm đoán bất cứ ai gia nhập, miễn là có tài năng. Chỉ tiếc nơi đây không dùng được lời bầu cử và luật đa-số để được tiến-cử vào cuộc phiêu-liêu kỳ-diệu của trí-óc con người.

Từ trước đến nay, những quan-niệm về toán cũng không phải giống nhau. Có người đã xem toán-số như những điểm của trời đất và gắn liền toán-số với ma-thuật. Có người dựa vào toán số để giải-thích đời, dựng nên triết-học. Toán-số là biểu-tượng cho chân-lý tuyệt-đối. Platon nói Thượng-đế luôn luôn theo hình-học. Jacob Jacobi lại cho Thượng-đế luôn luôn theo số-học. James Jeans thì tin rằng Đại-kiến-trúc sư của vũ-trụ bây giờ bắt đầu xuất hiện như một nhà toán-học. Khi một số nhà toán học quả quyết tách cách phổ-quát của môn mình, cũng có nhà lại không cho toán-học có phẩm-tính tuyệt-đối nào về chân-lý. Hạng này tán thành định-nghĩa quen thuộc và có phần khôi-hài của Bertrand Russell: Toán-học là môn mà trong đó chúng ta không biết chúng ta nói về gì và điều chúng ta nói có đúng hay không. Einstein cũng cho biết khi những định-lý

toán-học dựa vào thực-tế, các định-lý ấy không đúng mà khi định-lý ấy đúng thì lại không dính líu với thực tế. Đây cũng không hẳn là thái - độ khiêm tốn thông thường của người biết rộng. Xét theo phương diện nào đó, thì lại là thái độ kiêu hãnh, vì ngụ ý công việc toán-gia có thể áp dụng cho thế-giới chúng ta bởi vì có thể áp dụng cho bất cứ thế-giới có thể tưởng tượng nào. Toán-học đạt đến một tầng-bậc tinh-vi đến nỗi chân lý hay phi lý của tiền-đề nào cũng không quan-hệ. Dùng tiêu-chuẩn ấy, một nhà toán-học có thể cho nguyệt-cầu làm bằng bánh sữa và kết luận các phi-hành-gia phải đem theo bánh lát!

Bây giờ thì nhiều toán-gia nghĩ một cách giản-dị: Toán-số là một ngữ quan trọng nhất để chuyên thông một cách chính xác giữa người với người, giữa người trên địa-cầu với những «sinh-vật» ở các hành-tinh khác. Điều có vẻ huyền hoặc và trái với nhiều thành-kiến. Sự khám phá gần đây những *quasar* (Bách-Khoa đã có bài nói đến) khiến cho các nhà khoa học tin tưởng hơn nữa về điều đó. Một giống nào đó ngoài địa-cầu, đã đạt đến một trình-độ văn-minh hơn loài người, có thể truyền đi những tiếng kêu: Bíp - bíp-bíp - bíp-bíp bíp, để nói một, hai, ba, hay truyền đi những đường ánh sáng, vạch liền và vạch đứt, như những biểu-thị của vua Phục-hi, 45 thế kỷ trước đây, đã dùng để nói lên ý niệm dương và âm. «Liền-đứt - liền, nghĩ một chốc, liền - liền.» có thể có nghĩa «một với một là hai». Chuyện có vẻ đùa bỡn của mấy hướng-đạo-sinh học truyền-tin, chấm, gạch, hay vạch, tẻ, với ký-hiệu Morse, vẫn là chuyện lo âu hiện-thời của một số khoa-học-gia nghiêm chỉnh, không có thì giờ đùa bỡn vì mắc lắng nghe, nhờ các máy điện-tử tân kỳ, những tiếng tạch-tẻ, hay vạch-liền, vạch-đứt của vũ-trụ.

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

Kỳ tới: Vật là số, số là vật

(Xin xem B.K.T.Đ từ các số 293, 294, 295, 300)

Mến tặng sinh viên Đại-học Huế,
đề kỷ-niệm một buổi chiều nói chuyện không thành
(Huế. 2-2-69 L. C. T)

Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc

IV NHỮNG CHIỀU HƯỚNG HÒA GIẢI

Bài diễn văn của Linh mục Tong Tche Che (1) đã ám ảnh tôi rất lâu. Tôi vừa khâm phục vừa không đồng ý với Linh mục, vì tôi có cảm tưởng rằng sự lựa chọn của ông quá đơn giản : dâng linh hồn cho tôn giáo và quặng cái xác cho dân tộc. Dân tộc đâu có cần những cái xác không hồn, dầu đó là một dân tộc bị cai trị bởi một Chánh quyền theo chủ nghĩa duy vật !

Thật ra, điều duy nhất mà ông muốn là được « tử vì Đạo », có lẽ vì ông đã được giáo-dục trong cái truyền thống cổ sơ của thời Giáo-hội bị bách hại dưới Đế-quốc La-mã. Truyền thống này xem việc « tử vì Đạo » là cái ơn phước cao trọng nhất mà Thiên-Chúa có thể ban cho một tín đồ, do đó vấn đề quan trọng hơn hết, gần như là vấn đề duy nhất của các tín đồ là được chết cho Đạo để sớm về cùng Chúa trên nước Thiên đàng, quê hương đích thực « nơi mà chiến thắng nằm trong Sự Thật, vinh quang nằm trong Thánh thiện, nơi mà hòa-bình là hạnh-phúc và sự sống là vinh cửu » (2).

Chủ nghĩa duy vật vô thần của chánh quyền cách-mạng Trung-quốc chỉ thêm

một lý do quan trọng để Linh-mục càng dứt khoát lựa chọn sự chết, chứ không hẳn là nguyên nhân chánh yếu. Nguyên nhân chánh yếu là cái truyền thống « tử vì đạo » nói trên. Nếu Linh-mục sống ở thời trước, dưới quyền một nhà Vua theo chủ nghĩa duy-tâm và hữu thần, chắc hẳn ông cũng đã lựa chọn sự chết một cách dễ dàng như vậy, nếu nhà Vua ấy xung đột với Giáo-hội. Giống như những người Công giáo đầu tiên bị bách hại trong Đế-quốc La-mã, ông là công dân trung thành của « đô thị Thiên Chúa », tạm trú vài năm trong xã hội loài người. Đất nước, mà ông cũng mến yêu, chẳng qua chỉ được mến yêu như một bến đỗ thân mật...

Tôi ước mong sẽ không bao giờ phải lựa chọn như Linh mục Che, nhưng nếu phải lựa chọn, chắc sự lựa chọn của tôi sẽ không quá đơn giản như vậy, có lẽ vì, khác với Linh mục, tôi đã không được nuôi dưỡng từ nhỏ trong

(1) Bách-Khoa số 300

(2) Saint Augustin : De Civitate Dei, liber II, caput XXIX

cái truyền thống "tử vi đạo" nói trên. Tôi đã trưởng thành cùng một lúc trong Dân tộc và trong Giáo hội, đã được nếm cùng một lúc vị ngọt bùi của những thức ăn trần gian và chất thanh tao của những thức ăn siêu việt; trong một cảm-thức duy nhất, tôi cảm thấy mình vừa là công dân toàn phần của đô thị trần gian, vừa là công dân toàn phần của đô thị Thiên-Chúa và trong một tác động duy nhất, tôi yêu Dân tộc và tôi yêu Giáo hội. Cho nên đối với tôi, vấn đề quan trọng hơn hết không phải là chết mà là sống để phục vụ đồng thời Giáo hội và Dân tộc; và nếu hai bên có xung đột thì vấn đề vẫn là phải sống để góp phần hòa giải: góp hết phần của mình, nghĩa là tất cả tài năng sức lực của mình. Và chỉ khi nào mọi khả năng, mọi cơ hội hòa giải đã vơi cạn, khi đó vấn đề lựa chọn mới được đặt ra.

Trong ý hướng hòa giải đó, tôi đã cố gắng trình bày những mâu thuẫn căn bản giữa tôn giáo và dân tộc mà không tránh né một khía cạnh nào, dầu là một khía cạnh có thể gây vài điều bức dọc cho một số người đồng đạo của tôi — và cho riêng tôi, nhiều nỗi khổ tâm. Tôi đã nghĩ rằng muốn hòa giải thật sự, không nên che dấu mà trái lại phải bộc lộ rõ rệt những mâu thuẫn ở mức độ sâu xa nhất của chúng. Nhưng làm như vậy cũng thật là "kẹt" bởi vì ở mức độ này, hầu như không còn chỗ cho một sự hòa giải nào, ít nữa là trên bình-diện lô-gích.

Tuy nhiên, lịch sử cho thấy rằng sự diễn tiến thực tế của đời sống không mấy khi phù hợp với những quy-luật của Luật-lý-học. Trong quá khứ, nếu nhìn đến những mâu-thuẫn căn bản giữa Phật-giáo và những Quốc-gia đặt nền

tảng trên triết lý Khổng-Mạnh hoặc giữa Thiên-Chúa giáo và Đế-quốc La-mã, thì thật khó mà quan-niệm một sự hòa giải trên bình-diện lô-gích. Nhưng đời sống lại không lô-gích cho đến trong thực tế. đã có hòa giải.

Ngày nay cũng vậy, sự diễn tiến của đời sống cho phép chúng ta hy vọng có được sự hòa giải chân thực và lâu bền giữa tôn giáo và dân tộc, ngay trong trường hợp khó khăn nhất là cuộc xung đột giữa Giáo-hội Công-giáo và các quốc gia cách-mạng. Nhưng đời sống có diễn tiến nhanh hay chậm theo chiều hướng nói trên là tùy ở những cố gắng của mọi người, nhất là những cố gắng nhằm đặt lại các vấn đề một cách xác thực hơn, giải tỏa những ngộ nhận, thành kiến, tạo điều-kiện cho những cuộc đối-thoại.

oOo

Nhưng trước hết, thế nào là hòa giải ?

Đã nói "hòa giải" thì nhất định không có bên nào bị tiêu diệt hoặc tự tiêu diệt: có một bên bị tiêu diệt là có "chiến thắng", khỏi cần hòa giải và nếu cả hai bên đều tự tiêu diệt thì không còn vấn đề gì nữa.

Tôn giáo và dân tộc còn một tương lai nào không, hay chỉ là những di tích lỗi thời, trong ngạnh và hơi buồn cười của quá khứ, như cái búi tóc củ hành lâu lâu vẫn còn được thấy trên đầu một số bô lão Việt-nam ngày nay ? Trong thế-kỷ 19, trước sự thành công rực rỡ của khoa học kỹ thuật và sự bộc phát vũ bão của các phong trào cách mạng quốc tế, tôn giáo và dân tộc có vẻ đã đến thời suy mạt và một số triết gia đã vội vã làm sẵn tờ « khai tử » cho hai thực tại đó. Rủi thay cho họ: Thế kỷ 20 đã chứng kiến

sự phục hưng ngoạn mục của các tôn giáo và sự bùng nổ của Chủ nghĩa dân tộc trên khắp thế giới, từ các nước chậm tiến đến các nước tiên tiến, trong những quốc gia bảo thủ cũng như trong các quốc gia cách mạng.

Lẽ dĩ nhiên, trong một tương lai thật xa không ai có thể tiên đoán số phận của tôn giáo và dân tộc sẽ như thế nào. Ngay đến số phận của nhân loại nói chung cũng không có gì bảo đảm nữa là... Nhưng điều chắc chắn là còn khuya mới có thể "khai tử" tôn-giáo hoặc dân-tộc!

Nếu không có ai bị tiêu diệt hoặc tự tiêu diệt thì sự biến chuyển và những bó buộc của đời sống chắc chắn sẽ dần dần đưa tới sự hòa-giải.

Nhưng hòa giải không phải là miễn cưỡng chấp nhận sự hiện diện của kẻ khác, theo một thể thức sống chung tạm bợ nào đó, chỉ vì không thể tiêu diệt được kẻ khác. Hòa giải thật sự là *nhìn nhận sự cần thiết của kẻ khác, nghĩa là nhìn nhận cái quyền hiện-hữu của kẻ khác như một thực-thể độc lập, với yếu-tính và sứ mạng riêng biệt của nó.*

Dân tộc phải nhìn nhận sự cần thiết của tôn giáo và tôn giáo phải nhìn nhận sự cần thiết của dân tộc. Vì sự hiện-hữu của bên này đòi hỏi sự hiện-hữu của bên kia và sự hiện-hữu của cả hai bên là cần thiết cho con người. Không có tôn giáo, ý thức dân tộc đóng kín trong tự-mãn trần gian; không có dân tộc, ý thức tôn giáo sẽ phát phơ trên bầu trời ý-niệm. Bergson đã so sánh vai trò của các tu-viện trong thế-giới ngày nay với vai trò của các công viên trong những thành phố lớn: không có công viên, thành phố sẽ lì lợm đến nghẹt hơi. Nhưng cũng phải thêm

rằng công-viên chỉ cần thiết trong thành phố và không còn thành phố thì cũng không còn công viên.

Sự mâu thuẫn giữa những đặc tính căn bản của tôn giáo và dân tộc (xuất thế và tại thế, phổ biến và đặc thù) sẽ không bao giờ chấm dứt khi nào còn tôn giáo và còn dân tộc. Nhưng chính sự căng thẳng giữa những đòi hỏi trái ngược của hai thực tại ấy sẽ làm bộc phát một đời sống quân bình, phong phú và nhân bản trong xã hội loài người.

Thánh nhân là tinh túy của tôn giáo, anh hùng là tinh túy của dân tộc: hai mẫu người này trái ngược nhau nhưng bổ túc cho nhau để hướng dẫn loài người. Thánh nhân là con người tự hiến, anh hùng là con người chinh phục; Thánh nhân sống để yêu thương, anh hùng sống để tranh đấu; Thánh nhân thuyết phục kẻ khác bằng niềm tin và tình cảm, anh hùng chiến thắng kẻ khác bằng sức mạnh và lý trí; Thánh nhân ngồi yên mà hấp dẫn như đá nam-châm, anh hùng hành động và lôi cuốn như giòng thác lũ; nói theo kiểu truyện Tàu, một bên dùng nhu, một bên dùng cương, bên này là đức, bên kia là tài.

Chúng ta, những con người thường thường bậc trung, chỉ muốn được «làm ăn yên ổn» trong một cuộc đời vô sự xoay đều như bốn mùa của thời tiết, chúng ta cần đến sức hút của thánh nhân, linh truyền của anh hùng mới có đủ nghị lực rời bỏ cái nếp sống cũ lười và vô tích sự của ếch nhái trong ao tù để cất bước phiêu lưu và thành người thật sự. Và một dân tộc chỉ trở thành nhân bản khi nó dám theo gót anh hùng, thể hiện những công trình vĩ đại trong lịch sử, nhưng đồng thời cũng biết lắng tai nghe tiếng gọi siêu thoát của

thánh nhân. Chỉ khi đó, nó mới có thể dẫn thân toàn diện để tạo nên sự nghiệp trần gian mà không sa vào cạm bẫy của những phương tiện phi-nhân gian trá, bởi vì bên trên lịch sử còn những giá trị siêu việt và bên cạnh anh hùng còn bóng dáng thánh nhân.

Tuy nhiên, thánh nhân chỉ có quyền kêu gọi dân tộc, nhân danh những giá trị siêu việt. Khi thánh nhân thật sự là người chứng của các giá trị ấy, nghĩa là khi thánh nhân thật sự là thánh nhân, chứ không phải chỉ khoác áo thánh nhân. Trong lịch-sử, vai trò thánh nhân được đảm nhiệm bởi các vị lãnh đạo tôn giáo. Các vị này nên nhớ rằng cái quyền dạy dỗ dân tộc phải đi tới với cái *bổn phận trở nên thánh* và dân tộc cũng như in đờ của quý vị có quyền đòi hỏi sự thánh thiện nơi quý vị. Nếu trong quá khứ và hiện tại, tiếng nói của quý vị đã không có được một ảnh hưởng quyết định trong xã-hội loài người, nếu những giá trị siêu việt, mà quý vị là nhân chứng, đã luôn luôn bị chà đạp trong lịch-sử, phải chăng đó là vì quý vị chỉ nhớ tới cái quyền mà quên đi *bổn phận*, vì quý vị chưa phải là thánh nhân. ?

Mặt khác, dân tộc chỉ nghe và hiện được lời gọi của thánh nhân khi thánh nhân không sống bên lề đời sống của dân tộc mà thật sự sống giữa lòng dân tộc, chia sẻ vui buồn với dân tộc, tham dự vào sự nghiệp trần gian của dân tộc để từ đó hướng cái nhìn của dân tộc vượt khỏi trần gian. Lẽ dĩ nhiên thánh nhân không thể và không nên nhập cuộc toàn diện như người anh hùng, vì sứ mạng của thánh nhân không phải là giải quyết những vấn đề trần gian mà là hiện diện giữa trần gian như người chứng của cái Tuyệt Đối. Tính chất xa

lạ" (*étranger*) của thánh nhân nằm trong sứ mạng đó (1) : thánh nhân mãi mãi là kẻ xa lạ vì giữa loài người, thánh nhân đại diện cho một thực tại vượt khỏi con người. Nhưng thánh nhân xa lạ mà không ly cách, đứng trên mà vẫn ngang hàng, cô đơn nhưng tương giao thật sự, bởi vì lời chứng của thánh nhân chỉ được con người nghe và hiểu khi nào con người nhìn thấy chính nó trong thánh nhân để xuyên qua thánh nhân, nhìn thấy cái Tuyệt Đối. Muốn được như vậy, thánh nhân phải vừa đại diện cho cái Tuyệt Đối, vừa đảm nhận toàn diện thân phận của con người, điều mà chính Thượng-đế đã làm khi Ngài xuống thế, mặc lấy xác con người, và cắm lều giữa nhân loại, theo giáo lý Thiên-Chúa giáo.

Xuất thế không phải là phủ nhận trần gian mà là hướng trần gian về một ý nghĩa siêu việt; Thiên Đàng không tiêu hủy Trái Đất mà phải là sự hoàn tất và vượt qua Trái Đất, nếu không, nó sẽ không có nghĩa gì đối với con người. Muốn cho những đứa con của Trái Đất ý thức sự cần thiết của Thiên Đàng, những đứa con của Thiên Đàng phải nhìn nhận trước tiên sự cần thiết của Trái Đất, phải bám chặt vào mặt đất để có thể cảm thấy, từ lòng đất dâng lên những ước mơ muôn thuở của loài người..

Ngày nay, các tôn giáo đều chủ trương nhập cuộc, lo lắng đến số phận của con người trong trần gian : đó là một tiến bộ lớn. Nhưng tôn giáo nhập cuộc không phải để trở thành một thế lực và giành giật quyền lợi với những thế lực khác, làm cho rắc rối thêm

(1) Xin xem Bách Khoa số 794 (1-4-69)

những vấn đề trần gian. Tôn giáo nhập cuộc để làm chứng cho những giá trị siêu việt trong lịch sử, hầu canh chừng và bảo đảm cho tính cách tốt lành của những phương tiện, những giải pháp mà các thế lực áp dụng để giải quyết những vấn đề trần gian. Nói một cách cụ thể, tôn giáo phải nhìn nhận tính cách độc lập tương đối của những phạm vi sinh hoạt trần gian (chánh trị, kinh tế, văn hóa, khoa học v.v...) và chỉ can thiệp khi phương tiện, biện pháp được áp dụng trong những phạm-vi này mâu thuẫn với những giá trị tinh thần mà mình đại diện. Tuy nhiên, trong thực tế nếu chỉ có các vị lãnh đạo tôn giáo lên tiếng kêu gọi, cảnh cáo v.v... thì chẳng đi tới đâu. Đàng khác, nếu tạo ra những thế lực để yểm trợ cho lời nói của các vị ấy, thì không có gì bảo đảm rằng những thế lực này sẽ tốt lành hơn các thế lực khác, sẽ tranh đấu thật sự cho những giá trị tinh thần kia. Chẳng hạn trong phạm vi chánh trị, những đảng phái có nhãn hiệu tôn giáo thường cũng bê bối xôi thịt không thua các đảng phái khác (1).

Trước vấn đề trên, phương thức nhập cuộc chơn chánh và hữu hiệu của tôn giáo có lẽ là phương thức sau đây: các vị lãnh đạo tôn giáo chỉ nên đề ra những nguyên tắc đại cương có tính cách định hướng đối với những vấn đề trọng đại thuộc phạm vi thế trần và để cho các tín đồ tự do hợp tác với mọi người khác để tìm kiếm và áp dụng những biện pháp phù hợp với những nguyên tắc trên. Phương thức này tránh được cho tôn giáo cái cảm dỗ thường xuyên trở thành một thế lực, đồng thời bắt buộc các tín đồ (nhứt là các tín đồ Thiên Chúa giáo) phải tháo gỡ các vòng đai tự vệ trong đó họ chỉ có thể sống chùm nhum với nhau và ly

cách với các thành phần khác của dân tộc, để mạnh dạn đi vào xã-hội và trong xã hội, chấp nhận sự thử thách về tài năng của họ trong các sinh hoạt trần thế cũng như về sự trung thành của họ đối với các giá trị siêu việt, mà họ cũng có bổn phận làm chứng nhân. Thay vì thành lập những đảng phái công giáo, nghiệp đoàn công giáo, tổ chức từ thiện công giáo và cái cả nhà bằng « công giáo » (?), nên để cho người công giáo tham gia những tổ chức chánh trị xã hội có sẵn như những công dân khác, hoặc hợp tác với những người không công giáo để sáng lập những tổ chức mới, không có nhãn hiệu hoặc màu sắc tôn giáo, tùy theo lập trường hoặc nhận định của họ. Nếu họ có thực tài và nếu họ thật sự trung thành với các giá trị siêu việt, đương nhiên họ sẽ có một ảnh hưởng quyết định trong những tổ chức ấy và những biện pháp được áp dụng chắc chắn sẽ không phản bội những giá trị trên.

oOo

Nếu xuất thế không phải là phủ nhận trần gian, thì tính chất phổ biến của tôn giáo cũng không thể tiêu hủy khuôn mặt độc đáo của dân tộc.

Mọi giá trị, mọi ý niệm phổ biến đều trở thành độc đáo khi nhập thế vào lịch sử. Đức Phật cũng như Đức Kitô đã thể hiện những giá trị tôn giáo bằng chính bản thân và cuộc đời độc đáo của các Ngài, trong khung cảnh đương thời của xã hội Ấn-độ và Do-thái. Các

(1) Về vấn đề tôn giáo và chánh trị xin xem:

Nguyễn Văn Trung : « Ý thức tôn giáo và ý thức chánh trị » trong Người Công giáo trước vấn đề đức tin, Saigon 1952.

Lý Chánh Trung : « Nhận định về các phong trào tranh đấu tại miền Nam » trong Ba năm xáo trộn, Saigon 1967.

Ngài cũng là con của dân tộc đã được nuôi dưỡng trong truyền thống dân tộc và đều muốn cải tiến đời sống đó. Các Ngài đã dùng ngôn ngữ, hình ảnh, tư tưởng của dân tộc để sáng tác đạo lý của các Ngài và truyền bá nó trước tiên cho dân tộc. Các Ngài đâu phải là những kẻ mất gốc !

Lịch sử của đạo Phật cho thấy rằng các nhà truyền giáo đã biết tôn trọng văn hóa, tập quán của các dân tộc và đã thành công trong việc thích-nghĩ hóa đạo lý của mình với các văn-hóa tập-quán ấy. Đạo Thiên Chúa, mặc dầu có tính cách bất khoan dung (1) và do đó, khó thích nghi hóa hơn, vẫn chủ trương tôn trọng sự độc đáo của các dân tộc. Khi cử hai vị Giám mục đầu tiên sang Trung-hoa và miền Đông-Nam-Á năm 1659, Bộ Truyền-giáo La-mã đã chỉ thị thật rõ rệt:

«Đừng mất công khuyến dụ các dân tộc ấy thay đổi nghi lễ, tập quán và phong tục của họ, miễn là những điều đó không hiển nhiên trái ngược với Đạo và với phong hóa. Thực vậy, có gì vô nghĩa cho bằng đem vào Trung-hoa, nước Pháp, nước Tây-ban-pha hay Ý-đại-lợi hoặc một nước nào khác ở Âu Châu: bốn phần của chúng ta là đem Đức-tin cho họ; Đức-tin không loại bỏ, không hủy hoại mà còn bảo vệ lễ nghi và tập tục của các dân tộc, miễn là những nghi lễ và tập tục đó không có gì xấu» (1)

Thật ra trên bình diện tương quan giữa tôn giáo và văn hóa dân tộc, vấn đề chỉ được đặt ra cho Thiên Chúa giáo do những sai lầm tai hại của một giai-đoạn truyền giáo tại các nước Á Châu kể từ cuối thế kỷ 18, nghĩa là kể từ khi ý thức dân tộc trưởng thành tại các nước Âu Châu và nền văn minh Âu-Châu bắt đầu

có những tiến bộ liên tục. Đó là giai đoạn lạc quan tự tin và quy ngã của người Tây phương. Các vị Thừa sai lúc ấy vừa yêu Đạo, vừa yêu Nước, và hãnh diện về văn minh của họ cho nên, với tất cả thiện chí, họ đã phục vụ quyền lợi của đất nước họ song song với quyền lợi của tôn giáo và họ đã tạo dựng tại Á-Châu những Giáo hội có tính chất Tây-phương. Không nên oán trách họ nhưng phải nhận rằng họ đã để lại cho các Giáo-hội Công giáo Á Châu một di sản thật nặng nề.

Dầu sao tình trạng ấy ngày nay đã được cải thiện nhiều và thật là thú vị khi nghe Đức Giáo-hoàng Phao-lô VI khuyến cáo các dân tộc chậm tiến đừng quá say mê chạy theo những cám dỗ vật chất do các nước giàu đem lại mà đánh mất đi nền văn hóa cổ truyền của mình.

« Một dân tộc mà làm như thế là đánh mất cái gì quý giá nhất của mình, là sống mà không còn lẽ sống» (2)

Đức Giáo hoàng đã thấy rõ vấn đề văn hóa là «lẽ sống» của dân tộc và mối đe dọa lớn nhất cho lẽ sống ấy ngày nay không phải là Thiên Chúa giáo, không phải là nền văn minh Tây phương, cũng không phải là khoa học kỹ thuật, mà chính là cái nếp sống Tây phương giả tạo, bị ôi, duy vật và quí dân mà các đế quốc thực dân mới đang quảng bá rần rộ bằng mọi phương tiện, nhất là bằng cách bố thí cơm thừa canh cặn của họ. Đây có lẽ là cơ hội tốt nhất để Giáo-hội Công giáo hòa giải thật sự với các dân tộc Á

(1) dẫn trong Trương Bá Cần: «Tại sao đạo Công-giáo chưa Việt-nam hóa được với người Việt-nam» — Tạp chí Đối-diện số 1 tháng 7/1963

(2) Thông điệp «Populorum progressio» (Thật triển các dân tộc)

Châu, bằng cách hợp tác với các lực lượng dân tộc để chống lại âm mưu đầu độc nói trên.

Vấn đề phổ biến đặc thù còn phải được giải quyết trên một bình-diện khác: đó là sự mâu thuẫn giữa tính cách phổ biến của các giá trị tôn giáo (đức bác ái, từ bi) và nhu cầu tự vệ của dân tộc (1). Vấn đề này thật là rắc rối: nếu tôn giáo nhập cuộc, hòa mình với dân tộc, thì phải góp phần bảo vệ những quyền lợi chính đáng của dân tộc; nếu những quyền lợi này bị xâm phạm mà không có cách nào giải quyết vấn đề ngoài chiến tranh, thì chẳng lẽ tôn giáo lại cõ xúy chiến tranh!

Ở đây, giải pháp vẫn nằm trong cái phương thức nhập cuộc chọn chánh của tôn giáo: tôn giáo hòa mình nhưng không đồng nhất với dân tộc và giữa lòng dân tộc phải luôn luôn làm chứng cho cái Tuyệt-Đối. Phương thức này sẽ giúp các Giáo hội có một lập trường yêu nước vững chắc mà không mắc phải cái hiểm họa mù quáng, cuồng tín của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Vì không đồng nhất với dân tộc, các Giáo hội (giáo quyền cũng như giáo dân) sẽ giữ được đủ bình tĩnh sáng suốt và vô tư để phân biệt đâu là quyền lợi chính đáng, đâu là quyền lợi bất chính của dân tộc hầu xác định một thái độ thích nghi tùy theo trường hợp. Nếu dân tộc theo đuổi những quyền lợi bất chính bằng một cuộc chiến tranh phi nghĩa như dân tộc Đức trong kỳ Đệ-nhị thế-chiến (2) thì tôn giáo phải có can đảm phản kháng, phải dùng mọi phương tiện để soi sáng lương tâm dân tộc, phải dám hy sinh tất cả để ngăn chặn dân tộc trên đường tội ác: đó mới là phục vụ quyền lợi chính đáng của dân tộc. Nếu các Giáo-hội Đức, Công

giáo cũng như Tin lành, đã có một thái độ như vậy ngay từ khi thấy rõ thực chất của đảng Quốc-xã. (và thực chất này hiện ra rất sớm) thì cuộc diện có lẽ đã khác hẳn và dân tộc Đức đã tránh được những tội ác tày trời hiện nay vẫn còn dày xéo lương tâm mình, đã không bị lôi cuốn đến sự đổ nát hãi hùng năm 1944.

Tuy nhiên, khi nào chiến tranh còn là «sự tiếp nối chính trị bằng những phương tiện khác» như Clausewitz viết, nghĩa là cái phương sách cuối cùng để giải quyết sự tranh chấp giữa các dân tộc, khi nào mối tương quan giữa các dân tộc còn dựa trên sức mạnh, thì sự mâu thuẫn giữa các giá trị tôn giáo và nhu cầu tự vệ chính đáng của dân tộc vẫn chưa vượt qua được. Dầu cho một cuộc chiến tranh tự vệ là chính đáng, nó vẫn mâu thuẫn với đức bác ái, từ bi.

Cho nên muốn giải quyết vấn đề từ căn cội, phải chấm dứt chiến tranh, xây dựng một nền hòa bình trường cửu giữa các dân tộc, bằng cách tiêu hủy những mầm mống khách quan và chủ quan của chiến tranh, như Đức Giáo hoàng Gioan XXIII đã kêu gọi trong thông điệp «Pacem in Terris»: Đây là sứ mạng cao cả và cấp bách nhất của tôn giáo, gần

(1) Xin xem Bách Khoa số 295 (15-4-69)

(2) Dân tộc Đức có không chỉ riêng Hitler, bởi vì Hitler đã lên ngôi Thủ-tướng một cách hoàn toàn hợp pháp và không ai có thể chối cãi rằng đa số nhân dân Đức đã ủng hộ ông trong suốt thời gian ông nắm chánh quyền. Ngay trong giai đoạn cuối cùng, khi nước Đức đã bị nghiền nát và tan rã vẫn không có một phản ứng chống đối nào trong dân chúng ngoài một âm mưu ám sát và đảo chánh của một ố sĩ quan. Cho nên những tội ác của chế độ Quốc-xã phải do đa số nhân dân Đức chịu trách nhiệm chứ không riêng Hitler.

như là lý do tồn tại của tôn giáo trên trái đất này; khi nào tôn giáo chưa làm tất cả những gì có thể làm cho hòa bình thế giới, tôn giáo chưa làm hết bổn phận của mình.

Và chỉ khi nào chấm dứt được vĩnh viễn chiến tranh, các giá trị phổ biến của tôn giáo mới có thể vượt qua thất sự các biên thủy quốc-gia để trở thành những giá trị của nhân loại. Khi đó con người mới gặp gỡ thật sự con người.

oOo

Những nhận định trên cho thấy rằng sự hòa giải đích thực giữa các tôn giáo và dân tộc phải dựa trên thái độ "hòa nhi bất đồng" của Đức Khổng-tử.

Thái độ nói trên cũng cho phép giải quyết những mâu thuẫn giữa tôn giáo và dân tộc trên bình diện tổ chức. Trên bình diện này, hòa giải đòi hỏi sự phân biệt và tương nhận giữa hai quyền bình và hai tổ chức : Giáo quyền và Chánh quyền, Giáo hội và Nhà nước.

Nhà nước lo việc đời, Giáo hội lo việc đạo. Nhà nước tôn trọng quyền tự chủ của Giáo hội, không xen vào nội bộ Giáo hội, không biến Giáo hội thành một hậu thuẫn chính trị cho chánh quyền (bằng áp lực hoặc bằng cách mua chuộc), không vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, quyền hành đạo và truyền đạo. Ngược lại Giáo hội tôn trọng uy quyền và luật pháp của Nhà nước, không xen vào nội bộ chánh quyền, không trở thành một lực lượng chính trị hoặc một Quốc-gia trong Quốc-gia.

Nếu áp dụng đúng đắn sự phân biệt và tương nhận nói trên, thì những cơ hội xung đột sẽ không còn bao nhiêu. Sở dĩ còn xung đột là vì mỗi bên đều

bị cảm dỗ lệ-thuộc hóa bên kia để xử dụng bên kia như một phương tiện. Nhà nước muốn Giáo hội là « của mình » và Giáo hội cũng muốn Nhà nước là « của mình », không những vì những lợi ích nhứt thời mà sâu xa hơn, vì cái khuynh hướng toàn diện của ý thức dân tộc và ý thức tôn giáo. Do khuynh hướng này, dân tộc và tôn giáo đều mơ ước một sự hiệp nhứt toàn diện giữa người với người : một đàn chiên và một chủ chăn, một dân tộc và một lãnh tụ.

Niềm mơ ước này rất chánh đáng nhưng phải nhận rằng nó chỉ là cái ý nghĩa tối hậu của lịch sử. Một dân tộc hay một tôn giáo có thể nếm được vài lần cái hương vị hiệp nhứt trong lịch sử của mình, nhưng chỉ trong những trường hợp đặc biệt và một thời gian rất ngắn : đó chỉ là những « tiền vị » (avant-gout) của một sự hiệp nhứt hoàn hảo chỉ có thể có ở cái điểm tận cùng của thời gian, vào ngày hoàn tất của lịch sử loài người. Khi một dân tộc hay một tôn giáo có tham vọng thể hiện sự hiệp nhứt hoàn hảo đó một cách hấp tấp thì nó chỉ có thể đẻ ra một chế độ độc tài toàn diện (totalitaire) như chế độ thần quyền Tây phương thời Trung-cổ, chế độ Quốc-xã hay chế độ Staline.

Hiệp nhứt (union) không phải là thuần nhứt (uniformité). Hiệp nhứt là trở nên một trong sự dị biệt chứ không phải trong sự giống nhau. Đẹp bỏ mọi dị biệt, bắt mọi người phải cảm nghĩ như nhau, ăn mặc như nhau và... sáng sáng phải đi xem lễ hoặc tập thể-thao như nhau, dưới sự « lãnh đạo anh-minh » của một quyền bính duy nhứt, tôn giáo hay chánh trị, thì công việc sẽ rất dễ dàng cho nhà cầm quyền và xã hội ấy có vẻ

như đã thỏa mãn được cái mơ ước hiệp nhất muôn đời của con người. Nhưng đó chỉ là giả tạo và sự hiệp nhất bắt buộc ấy sẽ đưa đến một nếp sống giả nhân giả nghĩa (hypocrite) mà đến một ngày nào đó sẽ không còn ai chịu đựng được nữa. Hiệp nhất như vậy là thoái hóa về sự thuần nhất của thời đại cổ sơ, chứ không phải là tiến bộ.

Trong tình trạng *đa tạp* của xã-hội ngày nay, điều tốt nhất mà chúng ta có thể thực hiện trong trần gian vẫn là cái « hòa nhi bất đồng » của Đức Khổng-tử nghĩa là hòa hợp trong sự dị đồng, bằng cách phân biệt rõ rệt các phạm vi và nhìn nhận quyền hạn cùng bổn phận của mỗi người trong các phạm vi đó, hầu có thể giải quyết ôn hòa những mâu thuẫn, tranh chấp luôn luôn có thể xảy ra.

Lẽ dĩ nhiên, hiệp nhất phải luôn luôn là lý tưởng của chúng ta, hiệp nhất dân tộc, hiệp nhất tôn giáo và sau cùng hiệp nhất toàn thể nhân loại. Hướng về sự hiệp nhất đó phải nỗ lực tiêu diệt những mầm mống mâu thuẫn giữa người với người, đặc biệt là những bất công, áp bức, bóc lột. Nhưng có điều chắc chắn là khi đã tiêu diệt những mầm mống này, sẽ nảy sinh những mầm mống khác bởi vì không còn mâu thuẫn thì cũng không còn tiến bộ, mà ngày nay tiến bộ là định luật nền tảng của văn minh. Sự hiệp nhất toàn diện là một chân trời : chỉ khi nào chúng ta *hướng về hiệp nhất mà đồng thời biết rằng đó là một chân trời*, chúng ta mới đủ kiên nhẫn, khiêm tốn và khoan dung trong những cố gắng hiệp nhất của chúng ta, những cố gắng phải lập lại từng ngày từng thế hệ trong những bước đi nặng nề của lịch sử.

Trở lại vấn đề tương quan giữa Nhà nước và Giáo hội, kinh nghiệm đã cho

thấy rằng mọi sự lệ-thuộc hóa hoặc mọi sự cấu kết để lợi dụng lẫn nhau giữa tôn giáo và chính trị đều đưa đến những hậu quả tai hại cho cả chính trị lẫn tôn giáo. Khi « ngai vàng » và « bàn thờ » lệ thuộc vào nhau hoặc cấu kết với nhau, thì ngai vàng và bàn thờ đều mục nát và khi ngai vàng sụp đổ nó có thể lôi kéo cả bàn thờ... Riêng tại miền Nam Việt-nam chỉ trong vòng mười mấy năm qua, chúng ta đã có bao kinh nghiệm chua cay về điều ấy ! Ngày nay sự lệ-thuộc hóa khó có thể xảy ra nên chỉ còn sự cấu kết để lợi dụng lẫn nhau. Ở đây phải nhận rằng Chánh quyền có lý khi tìm cách cấu kết với giáo quyền để tìm hậu thuẫn nơi các tín đồ hầu củng cố nội bộ quốc gia hay ít nữa, củng cố quyền bính của mình. Trong thực tế, chánh quyền nào không ít thì nhiều cũng làm như vậy, và gần như bắt buộc phải làm tại những nước có đông đảo tín đồ. Cho nên giải pháp nằm ở chỗ giáo quyền có tránh khỏi « sa chước cám dỗ » hay không (và sự cám dỗ càng mãnh liệt khi chánh quyền lại gồm những tín đồ « ngoan đạo », có thể giúp đỡ nhiều phương tiện cho tôn giáo mình). Có biết phân biệt những quyền lợi nhất thời với cái sự mạng đích thực và trường cửu của tôn giáo. Thật ra, vấn đề chỉ được giải quyết khi nào tôn giáoбет nhập cuộc một cách chân chánh và hữu hiệu như đã trình bày ở trên. Khi các tín đồ tham gia các hoạt động thế trần một cách trường thành và có trách nhiệm, thì vấn đề ủng hộ hay chống đối của họ đối với chánh quyền sẽ tùy thuộc lập trường của họ chứ không phải do nơi những mệnh lệnh công khai hoặc ngầm ngấm của giáo quyền. Khi đó, sự cấu kết với giáo quyền sẽ không còn cần thiết nữa và các chánh quyền sẽ lo nghĩ đến một chánh sách tốt đẹp, hợp

với lòng dân (trong đó có các tín đồ) hơn là đi ve vãn các vị Linh-mục hay Thượng-tọa ..

Tóm lại, Giáo hội không đứng trên Nhà nước mà cũng không lệ thuộc Nhà nước. Giáo hội phải hiện diện bên cạnh Nhà nước như một *phần xét thường xuyên và vô tư*, nhân danh cái Tuyệt đối (1). Nếu thật sự Giáo hội muốn đảm nhận đang dẫn vai trò đó, Giáo hội phải từ bỏ những quyền lợi thế trần, những địa vị sang cả, những hào nhoáng bề ngoài, những thái độ kẻ cả khệnh khạng, những giọng điệu uốn éo ngoại-giao, vì chỉ khi đó, lời nói của giáo-quyền mới trở thành trong suốt, giản dị, trung thực, mới đi thẳng vào lòng người để cảm hóa con người.

Riêng trong Giáo-hội Công-giáo, sau Công-đồng Vatican II, một số Giám mục Châu Mỹ La-tinh đã bắt đầu thực hiện những điều nói trên: các ngài đã từ bỏ những dinh thự nguy nga, vào ở trong những xóm nghèo, những khu lao động để từ đó, nói lên những đòi hỏi của Công-bằng trước mặt những cơ cấu quyền phản động, bất công và bẽ bối. Đó là dấu hiệu «đổi mới» quan trọng nhất của Giáo-hội, chứ không phải là việc một số Linh-mục đòi lấy vợ (hoặc đã lấy vợ lại còn tuyên bố tùm lum) hay là một ông Giám mục cho phép mấy chú nhỏ con đánh nhạc Tuýt trong nhà thờ.

Ngày nay, Đức Giáo-hoàng là một nhân vật được toàn thế giới kính nể,

kể cả các nước cộng-sản. Và thật là cảm động khi thấy Ngài lặn lội đến Liên-hiệp-quốc để lên tiếng thiết tha kêu gọi hòa-bình, trước những đại diện của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Chắc chắn không có một lãnh-tụ chánh-trị hay tôn-giáo nào có thể nói những điều Ngài đã nói và như Ngài đã nói, trước một cử tọa như vậy. Nhưng lời nói của Ngài sẽ vang dội mạnh mẽ hơn biết bao nếu Ngài đã đến Liên-hiệp quốc với tư cách một Giáo-chủ thuần túy sứ-giả của Đức Ky-tô mà không đeo thêm tư cách Quốc-trưởng của Nhà nước Vatican, điều mà Ngài đã phải nhắc đến một cách khiêm tốn đượm chút khôi hài khi Ngài tự xưng là «người nhỏ nhất» giữa quý vị đại diện các Quốc-gia, vì Quốc-gia của Ngài là nhỏ nhất thế-giới.

Tôi chỉ là một giáo dân hạng bét nên không dám đặt vấn đề to lớn như cải tổ những cơ-cấu của Tòa-thánh Vatican (2) Nhưng có một sự thật hiển nhiên phải ghi nhận là địa vị Quốc-trưởng của

(1) Cái lý thuyết đặt Giáo-hội bên trên Nhà nước của Thiên-Chúa giáo (Bách-Khoa số 295) hiện nay không còn một giá trị thực tế nào và cũng không còn được ai nhắc tới, ngoài các Đại-học. Nhưng tôi không biết Giáo hội Công-giáo đã duyệt xét lại lý-thuyết này hay chưa.

(2) Về điểm này nên xem bài phỏng vấn Đức Hồng-Y Suenens trong tờ Thông tin Công giáo quốc tế, được L.m. Trần thái Đình trích dịch và đăng tải trên Bách-Khoa số 299 (15-6-69)

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Đức-Giáo-hoàng chỉ có thể làm cho tư cách Giáo-chủ của Ngài kém phần giản-dị, trong suốt (1) và cơ-cấu hiện có của Tòa-thánh Vatican, di tích của thời Trung-Cổ, không thể nào tồn tại mãi mãi với thời gian mà không sửa đổi, nhất là khi Cộng-đồng Vatican II đã mở cửa cho một làn sóng "phản chứng" (contestation) chưa từng thấy trong Giáo-hội. Và nó chỉ có thể sửa đổi theo chiều hướng triệt tiêu dần dần địa vị Quốc-trưởng của Đức Giáo-

hoàng để cho tư cách Giáo-chủ của Ngài thêm sáng chói.

Trong chiều hướng đó, những ngộ nhận, nghi ngờ, những lý do hoặc cơ hội xung đột của một số quốc-gia đối với Giáo-hội Công giáo sẽ càng ngày càng giảm đi.

(Còn tiếp một kỳ)

LÝ-CHÁNH-TRUNG

(1) Gần đây, tạp chí "Đức Mẹ hằng cứu giúp" của Dòng Chúa Cứu thế có đăng nghị thay thế chữ "Đức Giáo hoàng" bằng "Đức Giáo chủ" tôi thấy đó là điều thật hay.

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

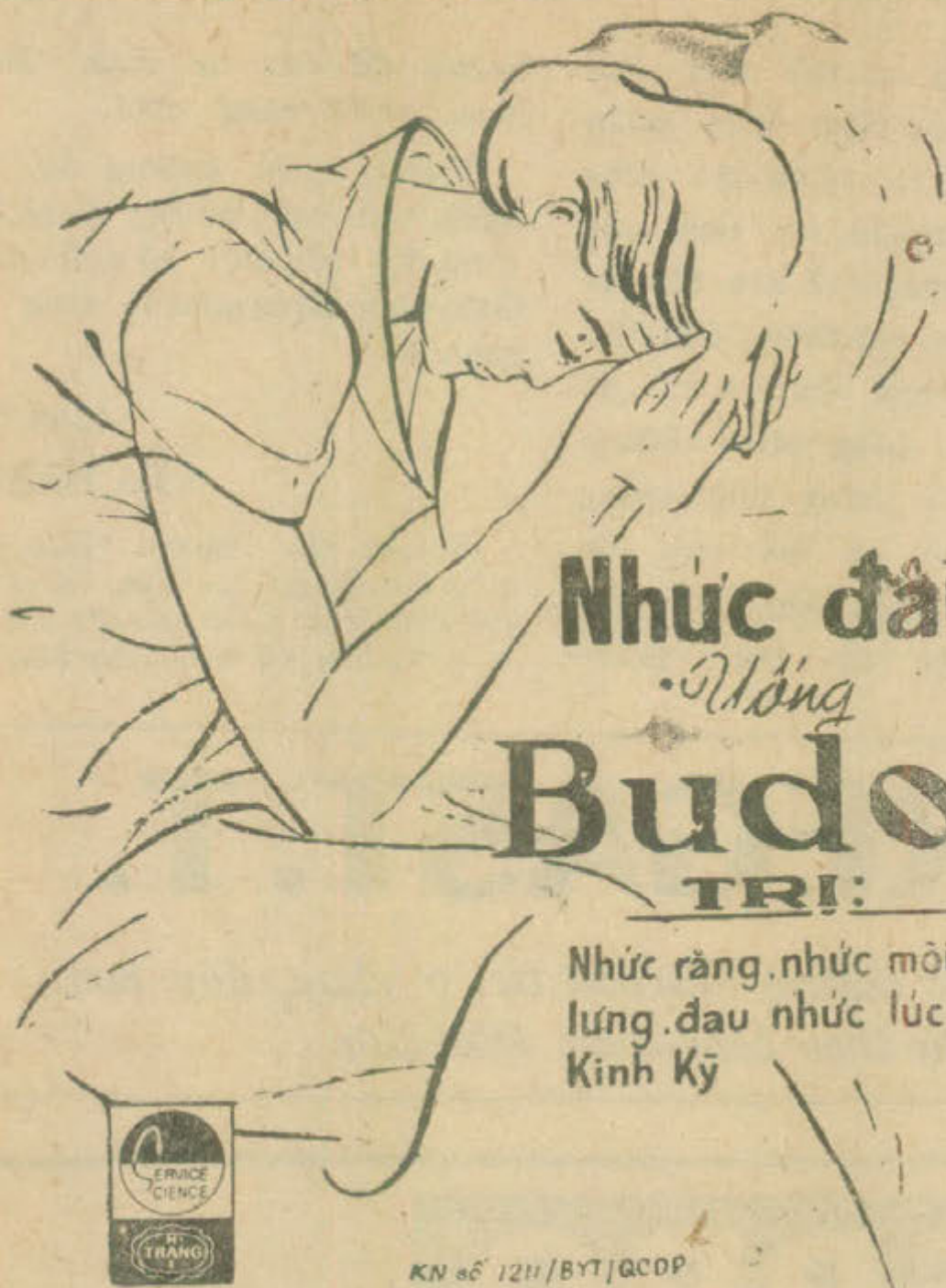
ASPRO



trị:

CÁM CỨM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRỊ:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 12H/BYT/QCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỜ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

BÙA NGẢI

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 302)

Bùa khắc trên chì (KÀTHA).

Một lối giữ bùa thông dụng trong giới người Việt gốc Miên là Sư khắc bùa trên miếng chì, cuốn lại cột vào sợi giây xe bằng chỉ ngũ sắc gọi là KÀTHA, ta gọi là giây niệt. Chính người xin bùa đem một cục chì đến nhờ Sư định ngày làm lễ gọi là *bonn prasethi Kàtha* và sửa soạn trước. Sư hơ chì trên lửa cho mềm, dùng búa đập dẹp và cắt từng miếng dài 5 phân, ngang 3 phân. Sư dùng một cây viết đầu bằng sắt nhọn gọi là *dek chak* vẽ bùa trên một mặt, đoạn cuốn tròn quanh một sợi giây xe bằng chỉ ngũ sắc mới gọi là *Kse Kàtha*. Số chì nhiều ít tùy theo loại giây Kàtha và tùy người xin.

Loại 3 miếng đeo trên cổ hay cánh tay rất thông dụng có mãnh lực che chở người đeo tránh khỏi tai nạn khi đi đường và những chuyện bất trắc trên đời.

Loại 5 miếng, 7 miếng hay 12 miếng đeo ngang hông là bùa giữ mình của binh-sĩ, cảnh-sát-viên và các tay buôn lậu, trộm cướp.

Loại 21 miếng gồm 11 miếng dẹp và 10 viên tròn công dụng như trên lại có thêm phép tránh được súng đạn.

Đến ngày lễ, người xin bùa mang lễ vật gồm có 5 xấp vải trắng, một số tiền tùy theo sự thoả thuận trước với Sư, một cái nôi đất mới, một bao đèn cầy và một bao nhang. Sư đề trên cái khánh thờ đóng vào vách cùng với hai đoạn thân cây chuối có cắm nhang và hai ly nước có mùi thơm. Sư đốt đèn, nhang nhiều vài giọt dầu thơm vào một cái ô bằng đồng đựng phân nửa ô nước lạnh rồi đề lên khánh thờ. Cuộc lễ bắt đầu. Sư ngồi xếp chân trước khánh, người xin bùa ngồi phía sau bên phải. Sư đọc kinh, tay trái cầm giây Kàtha, tay mặt xoa qua, xoa lại, thỉnh thoảng thổi vào một lần. Lát sau, Sư xoay lại đeo giây vào cổ người xin, cầm miếng lá chuối cuốn tròn chấm vào ô nước rây trên đầu, trên vai kẻ đeo bùa. Người này kính cẩn chấp tay vái khánh thờ và vái Sư vừa lầm thầm khấn nguyện. Lễ xong, giây Kàtha có đủ hiệu lực che chở người đeo nó. Người ta đeo Kàtha lúc đi đường, lúc đi làm ăn mà có phần nguy hiểm. Khi ở nhà, lúc đi tắm, đi

tắm, đi cầu phải cỡi ra đê trên bàn thờ không được bỏ bậy bạ. Một tháng, ba tháng hay sáu tháng phải đem Kàtha đến Sư "tom" bùa thêm đê giữ đủ quyền lực. Thời hạn này tùy Sư ấn định.

Bùa vẽ trên khăn, trên vải.

Vị Sư cho bùa trên khăn, trên vải gọi là KROU YON tài lực cao hơn Sư cho giấy Kàtha. Sư vẽ bùa trên khăn tay để bỏ túi, trên mảnh vải to bằng cái khăn quấn cổ gọi là *Kanseng dek chát*, và trên cái áo lá gọi là *ao yon*. Vải may khăn và áo là vải trắng thường nhuộm màu xanh lá cây. Đối với người Việt gốc Miên màu xanh lá cây là màu để dành riêng cho những nhân vật quan trọng, cho cấp chỉ huy. Theo thần thoại Bà-la-môn thân thể các vị thần đều có màu xanh lá cây đậm. Mỗi khi cho khăn hay áo bùa, pháp-sư hỏi kỹ tên tuổi của ông bà, cha mẹ người xin, tính toán cẩn thận và tùy theo số mạng của từng người mà vẽ bùa trên vải. Khi nhận khăn, áo, người xin cũng đem lễ vật đến nhà Sư làm lễ giống như lễ xin giấy Kàtha.

Uy lực của khăn áo bùa cũng giống như giấy Kàtha. Riêng về *ao yon* thì "hùng mạnh" hơn: người mặc áo bị đánh không đau, chém không đứt, súng bắn không trúng. Số tiền thỉnh cái áo rất cao vì ít có vị pháp-sư nào có đủ tài ban cho. Người ta mặc áo bùa mình khi đi ra ngoài, khi làm hay giữ khăn bùa trong ăn bằng nghề nguy hiểm; lúc ở nhà thì để trên bàn thờ. Hàng tháng phải cúng lạy vào ngày mồng 8, ngày 15, và khi hết thời hạn do Sư ấn định, phải đến nhà xin Sư "tom" bùa lại.

Bùa xâm trên thân thể

Muốn xin xâm bùa trên thân thể, người con trai phải đủ tuổi vị thành niên thường là 17 tuổi mới được Sư nhận. Vị Sư xâm bùa gọi là *Krou Săc*. Sư dùng một mũi kim cắm trong cái cán gỗ gọi là *dek chak* xâm chữ Phạn và hình Thần Bà-la-môn ở cùi chỏ, đầu gối, cổ tay, bả vai để giữ đương sự khỏi bị trật, gãy xương và khi bị đánh đỡ đau. Mỗi lần xâm như thế. Sư không tỏ chức lễ bái gì cả, việc này xem như một việc làm hằng ngày trong giới người Việt gốc Miên.

Lớn lên, nếu cậu trai thích học võ thì xin thọ giáo với ông thầy gọi là *Krou Kuôn*. Vị võ sư nào cũng biết xâm bùa và tự xâm cho học trò trên bắp thịt, khắp thân thể. Uy lực của bùa che chở cho kẻ bị đánh không đau và thân thể tăng thêm phần lạnh lẽo. Bùa xâm nhiều như thế có hiệu nghiệm nhiều hơn cách xâm ở trên và có thể đỡ được các lối đánh bằng tay, chân và gậy gộc, nhưng không thể tránh súng đạn.

Vô hột xoàn vô kim trong mình

Người có nhiều tiền có thể xin Sư "vô" hột xoàn, hay kim vàng, kim bạc trong mình để khi bị chém, bị đánh chỗ nào thì hột xoàn hay kim "chạy" đến đó đỡ đòn và khi sắp có tai nạn, kim hay hột xoàn sẽ chích nhẹ trong mình cho biết để tránh. Tùy theo ý người xin muốn vô thứ nào và số lượng nhiều ít thì đem đến Sư làm lễ cúng bái đàng hoàng. Sau khi đọc xong thời kinh, Sư cầm hột xoàn hay kim để trên cánh tay đương sự, đọc thần chú một hồi, khi Sư đỡ tay lên thì xoàn hay kim "lặn" mất vào trong mình mà không có dấu vết trầy, sứt gì cả. Sư

dạy người vô kim một câu thần chú « gọi » các món ấy nổi lên da cho rờ xem làm chắc, và muốn cho nổi lên chỗ nào cũng được. Bình thường tai xoàn hay kim chìm vào trong, khi nào có tai nạn sẽ nổi lên chống đỡ. Khi đương sự không muốn giữ trong mình nữa thì nhờ Sư « lấy » ra. Sư làm lễ, đọc kinh rồi để bàn tay trên cánh tay người ấy, đọc thần chú một hồi, xoàn và kim sẽ theo tay Sư ra ngoài không thiếu chút nào.

Người dùng bùa theo lối này là dân sang, có tiền dư không muốn giữ khăn, sáp hay giấy Kàtha trong mình, nhất là không muốn cho người khác biết mình có bùa. Lễ cổ nhiên mỗi lần vô bùa rất tốn kém về tiền công của Sư vì không phải Sư nào cũng có tài dám đảm nhận việc này.

Nước thuốc luyện gông

Có vị pháp-sư biết chế thứ nước thuốc cho người uống gọi là TUK THNAM KONG để da thịt cứng rắn, dao búa chém không đứt, ta gọi là GÔNG. Người nào đã dùng thuốc rồi thì không còn sợ ai chém nữa, dù là chém lén. Lưỡi dao đụng đến thân thể kẻ ấy cũng như gặp cao-su. Phương pháp chế thuốc được dấu kín, nhưng có người cho biết một vài món do Sư tìm như sau: Sư bỏ trong một cái hũ nước lạnh:

— Loại giầy leo mọc từ trên nhánh cây da thòng xuống như cái thăng gọi là CHANDO SƠ HOA,

— Loại cây nhỏ có dầu gọi là DIA PRENG,

— Loại cây chùm gởi mọc trên các gốc cò thụ gọi là BA NHƠ KA ET,

— Thịt con trăn gọi là PÔT TH LANN,

— Thịt con bìm bịp gọi là A ỚT SBÂU,

— Thịt con cù-lân gọi là LÔ NHI,

— Phần của con kên kên lông đỏ lấy tại ð gọi là SÂMBÓC THMAT PHLON.

Ngoài ra không ai được biết Sư làm gì và bỏ gì thêm trong hũ. Sư bịt miệng hũ bằng miếng lá chuối cột giây, trên cắm ba cây nhang, đoạn để hũ trên lò lửa. Sư vạch một ô vuông xung quanh lò, mỗi góc cắm một cái nọc gỗ trên để một đoạn thân cây chuối gọi là Salatho có cắm cây đèn cầy. Từ nọc gỗ này đến nọc kia, Sư cột sợi chỉ trắng để đóng khung cái lò. Vừa làm Sư vừa đọc thần chú lầm bầm trong mồm. Sư đốt lò và đốt 4 cây đèn cầy ở bốn góc, ngồi canh lửa cho đến khi Sư nhận thấy thuốc đã tới. Sư tắt lửa và để nguyên hũ trên lò đến khi thuốc nguội mới cho người xin dùng.

Mỗi lần luyện gông phải mất bảy ngày gọi là TRANAM. Suốt khoảng thời gian ấy, đương sự chỉ uống toàn nước thuốc, không được dùng chất gì khác. Khi hũ thuốc cạn, Sư đổ nước thêm, nấu lại, bao nhiêu lần cũng được. Đến ngày thứ bảy, Sư cầm cái dao bén chém lên lưng người luyện gông nhiều lần thật mạnh, nếu lưng không bị đứt là thuốc có công hiệu ngay một lần dùng thuốc. Có khi người luyện phải uống liên tiếp 2 hay 3 lần thuốc mới có kết quả. Mỗi lần Sư phải chế hũ thuốc mới.

Giữ bùa phải thế nào ?

Người xin bùa của một vị Sư Sãi hay một vị pháp-sư được nhận làm đệ tử của Sư, phải nghe lời Sư dạy trong lúc

giữ bùa. Nếu coi thường, cầu thả hay trái lệnh thì gặp sự phản ứng tức thì, tùy theo lỗi nặng nhẹ mà gánh chịu hình phạt. Có người phải bỏ mạng vì phạm lỗi nặng. Những điều cấm kỵ gồm có ba mục tiêu : tinh thần, sự tôn kính và các thức ăn.

Về tinh thần, Sư dạy 5 điều : không giết người, không trộm cắp, không nói láo, không gian dâm, không dùng những món vật làm thoả mãn thú tánh. Kẻ cướp, kẻ trộm dùng bùa làm quấy lại tin rằng chúng sẽ cứng chúi, làm phước sẽ hết tội và bùa không mất sự linh ứng!

Về sự tôn kính, người giữ bùa phải lập một cái khánh thờ riêng để nhang đèn thường trực và để giấy Kàtha, tượng Phật, hộp sáp, khăn bùa vân vân... khi ở nhà. Lúc muốn đeo bùa, phải thắp nhang vái lạy rồi mới lấy. Nếu đệ tử dọn nhà đi ở nơi khác, phải để bùa trong rương và phải để ở trên quần áo. Bùa phải đựng trong hộp hay gói kỹ lưỡng, không được để gần vật gì ướt hay dơ dáy. Bùa để trong rương rồi không được ngồi trên đó. Tất cả loại bùa không bao giờ được dùng hay đeo phía dưới lưng quần. Hộp sáp để trong cái khăn mới, cột trên cổ hay để trong nón. Khi cần đến lúc đánh nhau hay binh sĩ ra trận thì ngậm vào mồm. Giấy Kàtha thì đeo trên cổ, trên cánh tay hay ngang hông. Áo yon mặc trong mình như áo lót. Khăn bùa cột trên cổ. Khi đeo bùa trong mình, người ta không được đi dưới sàn nhà, chui ngang sào phơi quần áo, giàn trò cất nhà, giàn bầu, giàn mướp, không được đi gần chỗ dơ dáy. Lỡ phải đi tiêu phải đứng không được ngồi. Đi tiêu thì để bùa ở ngoài cầu. Người giữ bùa phải cẩn thận, đừng để kẻ khác ăn

cắp, mặc dầu kẻ nào dùng bùa lạ với mình sẽ bị nhiều tai hại khó lường được.

Về thức ăn, tùy theo loại bùa, Sư dặn đệ tử tránh các thứ trái cây và rau như: dưa leo, tỏi rau mò om, riềng, khoai môn, đu đủ, bí, khế. Khi ăn cơm với thịt bò, thịt heo, phải coi bùa ra.

Người cầm bùa phải giữ lời hứa với Sư, lời thề với Tồ. Phạm Tồ quốc, phạm bạn sẽ bị chết vì súng đạn, bắt đắc kỳ tử. Chửi thề, mắng nhiếc người khác sẽ bị tai nạn xe cộ hoặc bị đạn mà không chết. Lấy vợ người, hiếp con gái sẽ bị thương ở bộ sinh dục. Phạm lỗi nhẹ, bùa sẽ hành nhưc đầu, chóng mặt, có khi nằm chiêm bao thấy vị Tồ quở trách. Đương sự phải thắp nhang tạ lỗi, đọc câu thần chú do Sư truyền khi trao bùa, rồi bỏ giấy niết (Kàtha) trong một ly nước lạnh, uống ba hớp, rửa mặt, rửa đầu bằng nước ấy. Xong, phải để mặt cho khô, không được lau bằng khăn. Làm như thế, bệnh sẽ hết ngay tức thì, đó là Tồ sư bằng lòng tha lỗi. Phạm lỗi nặng, Thần linh sẽ không theo nữa, người cầm bùa không còn thấy sự linh ứng gì hết, ví dụ : có bùa gông chém không đứt, lúc phạm lỗi sẽ bị chém đứt như người thường. Tiếng trong giới là KHỐT KROU nghĩa là hư bùa.

Kẻ nào dùng bùa làm quấy như gạt đàn bà goá đoạt của, lừa người lấy tiền, vay tiền rồi quịt tuy có hưởng lợi một ít lâu nhưng sau đó sẽ bị tai nạn hao tổn xấp ba xấp bốn lần và khổ nhục ê-chề, đau đớn gấp trăm lần đã hưởng được sự sung sướng một cách bất lương. Ngay cả những vị pháp-sư ỷ có thần lực hại người ăn tiền hay để hưởng lợi cũng bị Trời phạt cho thân tàn ma dại, con cháu nghèo khổ, tàn tật suốt đời làm trò cười cho thiên hạ.

Bùa trong thời khói lửa

Trong thời khói lửa, người Việt gốc Miên nhờ quý vị Sư Sãi cho bùa để tránh súng đạn. Vị Sư thường biểu diễn cho người ta xem tài mình như cầm trái lựu đạn cho nổ trên tay mà không bị thương, hoặc đưa ngực cho người bắn mà không trúng. Người đeo bùa loại này vào thì không sợ súng đạn, dù cho bị bắn cũng rách quần áo mà thôi. Gặp trường hợp địch bao vây hoặc rượt gần kề, người có bùa đọc câu thần chú rồi thì, hoặc :

— Nín hơi chạy một mạch,

— ngồi vịn cái ghế,

— ngồi nằm một bụi cỏ,

— đứng vịn một thân cây thì đối phương sẽ không thấy mình. Một số quân nhân Việt cũng nhờ quý vị Sư Việt gốc Miên cho bùa để giữ mình vì thấy sự linh ứng trước mắt của anh em binh sĩ Việt gốc Miên hàng ngũ.

Có người lại nhờ bùa ngải để làm... chánh trị nữa. Đó là người tổ chức

Đảng Khăn Trắng dùng miếng mồi này để nhử một số thanh niên hiếu kỳ, thích phiêu lưu. Ông ta tuyên truyền rằng các đệ tử đi theo ông được cấp mỗi người một cái khăn trắng đeo trên cổ. Khăn này là khăn bùa có uy lực cản súng đạn không thể chạm vào mình nghĩa là người có khăn sẽ trường sanh bất tử. Bề dài và bề rộng của khăn tùy theo số mạng tuổi tác của người được cấp từ hai thước đến hai thước rưỡi bề dài và rộng nguyên khổ vải. Ngoài cái khăn, các đảng-viên được học thêm bùa tàng hình, có thể đi trước mặt kẻ khác mà kẻ ấy không thấy mình! Nhưng khi ra trận rủi có ai bị bắn chết thì vị chỉ huy cho là kẻ ấy tới số, không thoát khỏi số trời đã định. Câu chuyện trên đây đi vào lịch sử từ năm 1960 đến ngày 1-11-1963 thì cáo chung, ông cầm đầu dắt cả đảng ra đầu thú với Chánh-phủ sau mấy năm gây rối ở vùng biên giới Châu-Đốc, Hà-Tiên.

LÊ-HƯƠNG

(trích trong cuốn « Người Việt gốc Miên » sắp xuất bản)

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỒ BỔ CƠ THỂ,
CỒ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN.

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Cơn say trên đèo

Chiếc xe Jeep nhảy chồm chồm lao đi trên con đường bụi, đây những ô gà soi mòn từ đầu mùa mưa qua. Đám bụi đỏ lại cùng cơn nắng lóa mắt. Ba mươi cây số đường hư, một ngọn suối, một quả đồi. Ba mươi cây số bất an, sự bất an thăm lặng của một cái chết tình cờ. Sau lùm cây có thể là vài họng súng thần nhiên chờ đợi như một người tình kiên nhẫn. Nhưng bọn Diễn, phải tới. Có thể dù chưa biết để làm gì Ba mươi cây số hay sáu mươi cây số cũng chỉ là một đoạn đường phải đi qua. Phải trở về. Không còn ý thức sống chết nữa. Những gì bọn Diễn nghĩ tới là ở trước mặt của ba mươi cây số. Là nóc nhà thờ tỉnh lỵ trông thấy đầu tiên từ ở xa. Ngọn thánh giá đã gãy vì đạn pháo kích vẫn chưa dựng lại. Tỉnh lỵ của bọn Diễn ở đó. Sự náo nức, một tháng, hai tháng, ba tháng... về một lần như chiếc xe đang chồm tới lao đi bỏ bụi mù và mặt trời lại sau lưng cho tiền đồn, nắng lóa trên roicat mệt nhọc ven đèo. Diễn đã ở đồn ba năm. — *Ba năm trấn thủ lưu đồn* - Diễn nhớ lại một lần xem nghệ sĩ H.T. trình diễn vũ khúc "Trấn thủ lưu đồn". Anh ta nhảy nhót, khuôn mặt ngậy ngô buồn cười. Diễn cũng tưởng ra mình như thế, ngậy ngô buồn cười vì sự ừ lý của thời gian đến độ hoài nghi cái thực tại của chính mình. Ba năm qua đi, thật mau. Có thể vị trí nhớ đã mòn

mỏi cảm điếc - Đến nỗi Diễn không buồn nhớ, khôn buồn tiếc. Diễn mất cả những niềm hảo học với thời gian. Diễn cũng không muốn tìm lại những khoảng đầu đời của mình ở không gian nào trong trí nhớ, ở đâu đó, ở một con đường bỏ quên, ở một người con gái... Không muốn tìm lại vì không có gì, hay có rất nhiều mà toàn những mảnh vụn. Gốc cây, con đường, thành phố, buổi chiều mòn phiến nắng trên những nóc cao. Mảnh vụn ký ức ấy như đã ở xa, tưởng là xa có thể quên đi được. Diễn nhớ đến những điều khác; từ mảnh giấy gọi nhập ngũ, bật cười với cặp ống nghe của ông Đại úy y sĩ lướt như không chạm da bụng, da ngực. Cái tướng cao một thước bảy mươi hai của mình để không cần khám cũng «được» coi là quá đầy đủ. Hình như Diễn đã lấy botte de Saut đi đi những cụm tóc đen lá tả rơi trên đất khu hót tóc Trung tâm ba. Như muốn đi xóa đi vãng, tương lai nữa không chừng. Đôi giầy cao cổ lấm đầu số chân nặng như hai cái cùm, đi không vững, mãi mãi chắc cũng không vững được.

Ba người trên xe chẳng ai muốn nói chuyện. Có lẽ con đường bụi mù và trời nắng ngòm ngòm, tưởng mở miệng ra là hơi nóng sẽ ủa tới đất

bông lá phôi như khói thuốc chát về khuya những đêm đánh bài suốt sáng. Những đêm đầu kỳ lương, thẳng lính đóng đồn lẻ, đồn cao, con biết làm gì hơn, thiết thực hơn để trám vào những ngày bỏ trống của một đời người. Xóm dưới thấp lại không có đến một nhà điếm, dù điếm thật rẻ tiền. Dù có chẳng nữa chắc cũng không cần dùng đến tiền, vài lít gạo là đủ no, đủ hài lòng về giá cả những con mắt đói. Những con mắt chạy loạn từ bên kia giòng sông sang, từ chân núi kia lại. Họ chạy về gần đồn hy vọng có một khoảng đất cho mình sống. Sống là được, cần sống trước đã. Dù sống bằng chỉ với hai bàn tay, hai bàn chân, một tấm áo, một manh quần. Bên kia sông và phía trong núi là miền oanh kích tự do. Ngày nào máy bay cũng quần quần. Những chiếc oanh tạc cơ phản lực từ ở một nơi nào đó bay tới cả đoàn, nhào xuống thả bom nhả đạn liên miên những chỗ khả nghi. Cái ngôn ngữ hết sức là trừu tượng trong ý thức của mọi người. Cứ sống thế này rồi chính mình cũng là một đối tượng khả nghi của ý thức. Một vài gia đình tản cư lên về bên kia sông mót mớ lúa, ít khoai, máy bay quan sát thấy khả nghi gọi phản lực đến oanh tạc — Những người còn lại lên đồn kêu khóc xin can thiệp. Làm thế nào được, liên lạc trực tiếp thế nào được với họ. Liên lạc về chi khu, tới tiểu khu, khu chiến thuật, vùng chiến thuật... thì cũng đã "xong" rồi. Có thể "xong" từ chiều hôm trước. Và những chiếc phản lực bay đi sau khi lượn vài vòng. Họ về nơi nào đó, một căn cứ sáng rực, tiện nghi, một mẫu hạm bông bành với sao đêm ngoài biển. Những ly rượu vang, những miếng Beef-teak nóng hồi bốc khói thơm phức

đang chờ đón họ. Những miếng Beef-teak nóng hồi bốc khói.. Những người tản cư về mỗi ngày một đông. Lều tạm bợ được dựng lên ven bãi. Nhìn từ trên cao xuống Diễm đôi khi tưởng ra một bộ lạc nào đó ở Sa mạc, Bộ lạc da vàng khố khồ, trốn chạy. Buổi chiều nắng hắt những vệt xa chạy dài tới bãi dương xỉ rào, những túp lều trơ trọi vắng lặng hơn lúc nào. Chiều chiều diễm lên lô cốt đại lên nhìn xuống như một thói quen khó bỏ, một thói quen nhưc nhối oanh khoán không hiểu được. Có những đứa con gái ở xóm tản cư ấy đã bỏ đi, không biết đi đâu. Người thân cũng chẳng buồn tìm. Đỡ được miếng ăn nào càng tốt. Nếu bỏ nơi này được thì Trung úy Thứ — ông bố già của cái đồn Quynh Tân, Hải, Diễm cũng bỏ đi từ lâu. Bỏ những hầm cát nồng mùi ẩm gió mặn, bỏ những hàng rào kẽm gai tù hãm, bỏ những gốc cây phiến đá già cằn.

Quynh, Hải ở lại coi trại. Ông bố già đưa Tân, đưa Diễm về tỉnh lý Ông bố bảo đi chớ, phải đi chớ! Hai tháng hơn rồi, chuyển ni cho thẳng Diễm, thẳng Tân đi, bọn mi ở lại coi đồn hai bữa. Diễm không nói gì, nhưng Diễm thấy nôn nóng một niềm vui, nôn nóng như có những nhu cầu vừa bị đánh thức. Tân bộc lộ nhiều hơn, ông bố lên cơn chịu chơi rồi, bữa "ni" bố nói giọng Huế dễ nghe hết sức. Ông bố già Thứ người Huế. Bọn Diễm đều là người Bắc và Nam hay nhái giọng ông những lúc vui vẻ. Nhất là Tân, Tân còn quá trẻ, sôi nổi, vui đùa, Tân lạc quan mọi thứ. Tân hay chọc phá ông bố nhưng ông bố không bao giờ giận. Hai mươi hai năm lịch mới đeo cái Trung úy nó làm con người ông nguội lạnh rồi. Bốn mươi lăm tuổi, tóc ông bố bạc nhiều, Tân hay

nói trông tóc bố con nhớ ông già quá !

— Ở mi còn có người nhớ, Tau thì không.

Diễn biết lúc đó ông lại sắp buồn sắp nhớ đến Huế, đến căn nhà của gia đình ông ở trong thành nội cháy rụi, cháy rụi cả xác vợ con ông trong ngày đầu Huế thất thủ Tết Mậu Thân. Ông đã kể tau chưởi hết, chưởi hết những người có mặt hôm đó. Tau không cần chia buồn. Tới chết tau cũng không về Huế nữa. Hai mươi năm lính ông chỉ có mỗi tâm sự đó để kể. Tâm sự gần nhất. Với ông nó rõ như hiện tại. Như ở trước mặt, đeo đẳng khôn khổ. Rồi ông lại uống như hủ chim. Tốt hơn hết là đừng ai nói gì lúc ông say. Ông hát ông hò gọi lính ngồi quây quanh bắt nghe, bắt vỗ tay khen hay. Trong đại đội không ai gọi ông bằng Trung úy. Ông cũng không thích thế, hẳn danh từ đó nó nhắc nhớ năm tháng đặng đặng quân ngũ chịu nặng trên vai ông. Ai cũng gọi ông là « Bố già » thành chết tên luôn. Đến cả lính đại đội khác cũng gọi như thế. Ông hay kể cho bọn Diễn nghe những ngày đi lính xa xưa của ông. Thuở ông còn là Hạ-sĩ-quan trong đoàn Nhảy dù của Tây. Ông kể thật say mê. Sự say mê đó thu hút cả bọn Diễn vào câu chuyện. Ra Bắc vào Nam sang Lào. đủ cả, ông nhớ được khúc nào kể khúc đó. Diễn thích nhất khi ông kể câu chuyện ông bắn chết một thằng tây đen định hiếp một cô gái ở thôn Đào Xá tỉnh Hải dương, khi trung đội đi càn. Diễn cũng không hiểu tại sao mình thích thú. Vì nó là một thằng tây đen ? vì tỉnh Hải dương là nơi Diễn sinh trưởng. Diễn cứ cho việc bắn chết thằng tây đen đó là hợp lý. Ông Thứ cũng không giải thích được, ông chỉ nói tau cũng không

hiểu rằng tau bắn nó. Trong tiểu đội nó cũng là bạn thân của tau. Bọn tây cũng có nhiều đứa tốt, chơi với mình như bạn thiết. Có đứa chừ còn viết thư thăm tau. Tân bảo Diễn đó là cái thuở «vang bóng một thời» của ông bố già.

— Ít ra ông bố còn những nét vàng son để nhớ, hai mươi năm nữa, nếu có hòa-bình mà có nhớ những ngày-hôm nay giống như ông bố không ?

Tân ngẩn mặt ra. — Ít ra là thế cũng có một phút Tân không lạc quan :

— Ở mình có chó gì để mà nhớ ?

— Có chứ ! Tao sợ lúc đó mà, đ... dám nhớ !.

Có lẽ tâm không muốn nghĩ tới thật, hẳn vốn lạc quan, làm việc, ăn ngủ. Như thế dễ quên. Mỗi người có những cảm nghĩ riêng tư, Tân không thích tìm hiểu không thích suy tư. Diễn thì lại cho đó là sự chạy trốn. Tân búng mẩu thuốc vào con chó nằm ở vỉa hè. Con chó kêu ăng một tiếng cúp đuôi đi vào bóng tối sau hiên, không dám quay đầu ngo lại. Những ngày tháng bên kia sông khiến con chó mất cả ý thức phản kháng. Con chó già gầy trơ xương, đói trụi cả lông. Nó cũng cần sống. Nó từ xóm Thấp trốn lên đồi như những người tản cư sang từ bên kia sông. Chắc nó trong đám người vật đó. Dù sao nó cũng đã tìm được một chỗ no đủ.

Chiếc xe jeep bắt đầu vượt qua khúc cầu tạm bắc ngang giòng suối hiền hòa tràn ánh nắng. Cây cầu lúc nào cũng như mới vì được làm lại nhiều lần. Chiều hôm trước còn đi được ngon lành. Sớm hôm sau xe kẹt cả dọc, cầu đã bị phá, những mảnh gỗ tứ tung trôi lênh

bệnh trên suốt. Cây cầu thường lìm đờn Diễm nhúc đầu vì nó nằm ở đầu ranh khu vực trách nhiệm của đờn. Với Diễm sự tranh chấp rình mò về cây cầu nó còn gây khó chịu bức bối - Dù nó tũn mủn, vô lý — hơn là tin tức về hội đàm Balê Diễm theo dõi trên báo chí. Dù báo luôn luôn đọc sau hai ngày và đọc không thiếu một chữ. Từ những tin tức dao to búa lớn đến những mục làm cầm rao vặt, cần người, mất chó mất bóp. «Ai tìm được chó berger giống Đức lông đen vàng, cõ đeo plaque tên LiLi mang lại số. đường Mạc Đình Chi xin hậu tạ 5000\$ cam đoan không làm khó dễ». Diễm liên tưởng đến những đứa con gái ở xóm tản cư bỏ đi... Nhưng Diễm yêu con suốt, mùa nắng nước trong buốt mát lạnh. Những ngày đêm lính đi giữ đường Diễm thường đem P C đóng ở bờ suối triển đồi. Nằm tựa trên một phiến đá mốc, Diễm mơ hồ nhìn lên ngọn cao tưởng tiếng suối róc rách bắt tuyết đậu trên từng đầu lá rung nắng. Diễm có thể thiếp ngủ ngay nếu không có những bất trắc chung quanh. Khi cơn buồn ngủ kéo tới, Diễm men xuống bờ sỏi, chụm hai tay bốc nước đã lên mặt lên cổ, những vụn nước ngọt, mát như lúc anh úp mặt lên khe sâu giữ ngực Miên. Diễm thường tần mẩn bốc những nắm cát mềm dưới nước. Giòng cát mềm rỉ nhẹ trơn tuột qua các kẽ tay xương xẩu lại tưởng đến khi lùa những ngón tay vào tóc Miên phía dưới gáy thon nhỏ, mịn muốt. Những sợi tóc thuở đó của Miên thật dài, đen nõn. Anh nhớ lúc anh cúi xuống hôn Miên những ngón tay Diễm như co quắp tìm đến tận gốc tóc và Miên rùng mình, sự rùng mình mời đón. Giờ thì Miên đã cắt tóc tём, không còn mặc áo dài trắng thay vào đó là

những cái robe rất mode, những chiếc quần Jean bó chặt, nồi hần, nứt căng những đôi hời bản năng thăm thẳm. Sự thay đổi của Miên vào lúc Diễm ở đờn. Lần đầu tiên về phép anh nhìn không ra Miên của anh nữa.

— Em đi làm cho một cơ sở Mỹ trong Tân sơn Nhất, nhận lương anh ạ mà lương lại cao.

Diễm chỉ cười không nói gì. Mục đích của Miên hẳn đã đạt bằng những buổi chiều cặm cụi đạp xe đạp đến học Hội Việt Mỹ. Diễm thấy mắt mát điều gì đó ở Miên. It ra làn hững sợi tóc dài đến nửa lưng. Hình dung đến những đêm xưa anh đưa Miên về cầm tay Miên ở đầu ngõ, dưới ngọn đèn đường mắt Miên sáng như hai đềm sao, như giọt nước suối pha nắng. Tay Miên nằm gọn trong tay anh mềm mại, mềm mại như muốn tan loãng. Xe lên tới đỉnh đồi, gió từ biển thổi ào tới đuổi cơn ngai ngái ngủ và say nắng đi. Ba người thở phào. Chân đồi là quốc lộ một đưa về tỉnh. Tân mở miêng trước nhất, bao giờ thì cũng là Tân:

Bố có ghé vào Tiểu đoàn Bộ không bố?

— Ghé làm chi, bộ mi tưởng hẳn ưa tau với mi lắm hả? Hẳn là ông Tiểu đoàn trưởng trẻ măng của bọn Diễm Trẻ nhưng hách. Đại úy Trị không ưa gì ông bố già và ngược lại. Cơ có thể cho đó là những mặc cảm nghịch lý. Cái mặc cảm của một thuộc cấp mà số tuổi lính gần bằng số tuổi đời của thượng cấp. Nhất là một thượng cấp hay ra cái điều. Cái mặc cảm của một thượng cấp đối với một thuộc cấp tuổi nào cũng cao hơn mình, nhiều kinh nghiệm chiến

trường hơn mình nhưng khó bảo, khó sai. Vẫn biết rồi đâu cũng phải vào đó. Quân đội mà. Bài học đầu tiên của mỗi người lính là quân kỷ, từ đầu sợi tóc cho đến mũi đôi giày, giữa vị Tiểu đoàn trưởng và ông bố già của bọn Diễm có những sự bực bội vụn vặt ngấm ngấm. Nhưng rồi ai cũng phải đóng tròn, hay đóng nốt vai trò của mình. Cho đến lúc nào thì không ai hiểu cá. Cứ phải thi hành đều đặn, giáo điều. Cái phản ứng của một người lính buổi sáng giơ tay chào cấp trên như một phản ứng máy móc. Hẳn có thể không nghĩ hẳn vừa chào, hẳn đang chào. Điều hẳn nghĩ lúc bấy giờ có thể là đưa con nhỏ ốm nặng ba ngày rồi chưa có phương tiện đem nó về tỉnh chạy chữa. Đến một lúc nào đó nó quá quen thuộc thành một thứ bỏ quên không phải thắc mắc, không cần xấu hổ. Như mới hôm qua. Cái ngày hôm qua nào đó và nhiều. Diễm được chỉ định thuyết trình cho lính nghe về thái độ, đạo đức, tác phong của một quân nhân trong một quân đội trưởng thành ?? Diễm nói như cái máy (quá dễ khi được nói theo một chiều hướng nhất định bằng cả một tập tài liệu in Ronéo phổ biến khắp bên vùng chiến thuật, đến tận cái đồn heo hút, món ăn tinh thần quý giá nhưng kho nuốt hơn miếng cơm nguội), Diễm chấm dứt bài thuyết trình. Tiếng vỗ tay rào rào. Tiếng vỗ tay thoát từ cơn buồn ngủ, đánh thức một anh lính cuối sân cát bừng dậy. Bài thuyết trình hay nhất chỉ gói gọn mấy câu "Đến đây là chấm dứt. . ." Rồi những ngày sau đó và nhiều Diễm có thể gặp những người lính của mình trên tỉnh trong những chuyến về phép hay nhảy dù không định kỳ. Cái chỗ dễ gặp nhau nhất của bọn họ vẫn là xóm điểm. Người lính vẫn giơ tay chào dù Diễm

đã tháo lon đút vào túi xem như một hành động tôn kính (Đó ai biết người lính không có lon phải làm sao?)

Xe lên tới đầu cầu để vào tỉnh. Ngọn thánh giá gãy đã thấy từ xa. Rặng đồi núi bỏ lại sau lưng nhòa xanh lam qua màn nắng ngùn ngụt của buổi xế. Giòng sông mùa khô trước mặt nổi bênh bênh những doi cát mệt nhọc giữa dòng. Vừa mới lên khúc dốc đầu cầu thì người lính gác quay bảng stop cho đoàn công-voa Mỹ bên kia qua. Đường nào cũng phải ưu tiên cho những đoàn công-voa Mỹ. Tân bực bội văng một câu chửi thề. Ông bố điềm đăm lách xe vào sát lề, ngừng lại kéo thẳng tay cho khỏi trượt dốc. Diễm lơ đãng châm một điếu thuốc, không thấy nôn nóng như lúc vừa ra khỏi đồn. Nơi sẽ tới trước mặt đó, bên kia cầu. Diễm đã ới, sự nôn nóng chìm xuống mất tăm. Bỗng có tiếng reo mừng.

— Bố, «thầy» Diễm thầy Tân nữa, Thăng Đực nè bố !

Nó vút cái xe đạp lán nghiêng, chuông xe chạm xuống mặt đường gợn lên âm thanh vui mừng. Nó vẫn mặc quân phục mang huy hiệu sư đoàn. Diễm nhìn cánh tay phải của nó. Chỉ còn ống tay áo thả dài lũng lảng. Năm ngoái nó lãnh nguyên trái B.40 kêu được trực thăng đi tản đi, rồi từ đó không biết tin tức mà cũng chẳng cần nhớ, đó là những chuyện xảy ra hàng ngày hàng bữa. Sao bây giờ nó lại ở đây. Cánh tay cụt, tóc để bờm mặt lấm chấm những vết sẹo nhỏ xanh lè vì thuốc đạn. Ông bố vui mừng :

— A thằng Đực, thằng Đực đây mà. Mi mạnh rồi hỉ ? Răng, cánh tay khá không ?

Đực vung vung ống tay áo của chiếc tay cụt :

— Vẫn « ngon » mà bố!

Diễn và Tân không hiểu nó nói vẫn « ngon » là gì.

— Con được giải ngũ mới về đây tháng trước, lấy vợ rồi bố, làm ăn đang « quang ».

Có lẽ Tân ngạc nhiên thấy Đực tu tỉnh làm ăn. Trước kia Đực là một binh sĩ thần sầu nhất trong trung đội anh :

— Giờ mày làm chi Đực ?

— Con lấy con Năm con bà Tám Tôn đó thầy ! Bả cương con hết mình, giao cho con giữ an ninh chỗ mần ăn. Thầy nhớ thằng Hai ốm bữa đó bị cụt giò không ? giờ nó cực khổ lắm, thiếu điều đi ăn xin.

Thì ra Đực lấy con gái chủ chửa và làm mặt rồ cho khu gái Diễm. Nó tiếp:

— Tối nay bố cùng hai thầy xuống chỗ con nhe ! Có mấy em mới ở Saigon ra ngộ lắm. Con để dành cho bố, không đũa nào dám đụng tới đâu. Con còn một tay nhưng « chặt » ngọt lắm. Tuần trước có thằng Mỹ đen chơi chạy, con cho một dao nằm cả đồng. Tụi nó thiếu gì tiền mà cũng chơi chạy kỳ thiệt. MP cảnh sát làm tùm lum rồi cũng huề, chắc tại nó là Mỹ đen.

Cái ngôn ngữ và lý do của thằng Đực khiến Diễn và Tân muốn bật cười nhưng không phải không có những điều đáng suy nghĩ. . Vì nó là Mỹ đen... Cho đến lúc xe qua tới đầu cầu bên kia ông bố bình như vẫn còn khoái chí. Ông cười khà khà hăng rứa mà chừ ngon bậy. Không hiểu ông muốn nói em út ông vẫn còn « anh oung » nó có tiền, sống no ấm hay đều gì đó. Có thể nó dám chém Mỹ. Diễn biết, tất cả sĩ quan trong Đại đội biết, ông

bố già không ưa Mỹ, nhất là các quan cố vấn. Điều này làm ông Tiểu đoàn trưởng khó chịu. Diễn liên tưởng đến một chuyện nho nhỏ lý thú xảy ra cách đây nửa năm. Khi ông tiểu đoàn trưởng dẫn viên Đại úy cố vấn vừa đáo nhiệm đi thăm các Đại đội. Viên Đại úy Mỹ còn trẻ lắm, Diễn đoán chưa đầy ba mươi, da trắng như miếng phó mát La vache qui rit lắm chắm những nốt tàn nhang ngây ngô. Ông Tiểu đoàn trưởng giới thiệu ông bố với viên cố vấn, người thông dịch viên đứng cạnh. Ông bố chỉ bắt tay chứ không chào. Sau khi đi thăm một vòng quanh đồn tất cả trở về phòng hội. Viên Đại úy cố vấn không uống được trà VN hỏi có cà phê không. Ông bố lắc đầu. Ông Tiểu đoàn trưởng nhăn mặt khó chịu. Tôi đã đánh SVC cho anh trước hai hôm về buổi thăm viếng hôm nay anh cũng chẳng lo chu đáo. Sau đó tới cái mục phê bình, ý kiến về đồn của viên cố vấn. Nào là quân số thiếu quá, phòng thủ lỏng lẻo, Rào kẽm gai đơn sơ, cần thêm nhiều mìn nữa, Hầm hố còn nhiều cái chưa có nóc để tránh pháo kích. Linh tráng rách rưới, nơi ăn chốn ở thiếu vệ sinh. Thuốc men thiếu vân vân và vân vân... Ông bố chỉ ngồi nghe chỉ cười rười (người VN gì cũng cười mà) nhưng Diễn biết ông bố giận lắm. Điều nào viên cố vấn nói cũng đúng (nếu không đúng đã không gọi là cố vấn) đúng như sách vở ông ta học ở WEST POINT. Đúng như cái nguồn tiếp vận tràn trề của một đại cường quốc. Cuối cùng viên Đại úy Mỹ cũng vượt một câu lịch sự: Tuy nhiên các bạn đã cố gắng lắm thiện chí lắm (cố gắng và thiện chí gì đây ?). Ấng chừng ông ta vừa tìm được một điều lạ ở ông bố, tuổi già,

lon nhỏ, năm tầng huy chương cao chát ngất trên ngực trái. Có nhiều huy chương từ thời Tây Diển không biết là huy chương gì. Năm tầng huy chương mà ông bố thường than mỗi lần có chuyện gì phải lên trình diện các ông lớn tau lại tốn mấy trăm bạc đặt làm cái mới Viên cố vấn bảo thông dịch viên hỏi ông bố đi lính từ bao giờ. Đến câu hỏi này thì ông bố không kìm được sự bức bối, dù ông vẫn cười, bảo thông dịch viên :

— Mi biểu với hấn là tau đi lính từ hồi còn « tắm mưa ». Chừng như trong không thể tìm được vốn liếng anh ngữ học sáu tháng trong trường sinh ngữ Quân đội của mình có tiếng nào dịch sát nghĩa chữ « tắm mưa », hoặc giả không dám tả cái cảnh những đứa con trai, con gái cởi trần cởi truồng tồng ngồng chạy nhong đùa nghịch ngoài đường khi có những cơn mưa rào mùa Hạ, người thông dịch viên chỉ dịch lúng túng :

— Very Longtime... twenty years maybe.

Viên cố vấn nghe xong nhìn ông bố gật đầu, môi dưới trề xuống, miệng vẫn nhai kẹo cao-su. Có thể đấy là một cử chỉ khen tặng, tán phục, chỉ có ông ta hiểu rõ. Lúc về Ông Tiểu đoàn trưởng bắt tay ông bố nói câu an ủi toa kệ hấn, hấn vừa ở Mỹ qua còn nguyên tắc lắm. Mình cần lịch sự một tí vì còn phải nhờ vả nhiều. Không biết bọn Diển nhờ vả hay ông Tiểu đoàn trưởng nhờ vả. Diển lên tường đến những cái tủ lạnh, Radio, son phấn. . Khi phái đoàn về rồi ông bố mới lâu bầu chữi :

— Mạ hấn, còn thiếu chết rắng

cho đúng chiến thuật và chôn rắng cho đúng chiến thuật hấn không nói tới luôn, vô hậu thiệt !

Tân vẫn vô tư đùa :

— Chôn như bọn Cộng nó chôn mình, chôn đứng, chôn ngồi, chôn nằm trong hố tập thể như ở Huế kỳ mậu thân chắc là đúng chiến thuật bố « hi ».

Diển thúc vào hông bạn sư mày nhắc đến Huế mậu thân ông ấy lại nổi cơn cho coi. Buổi tối đó ông bố nổi cơn thật, lại uống say bí tỉ, hát ông ông, lính lại phải vỗ tay khen hay. Chán rồi, ông ra đứng ở lô cốt nhìn mông lung xuống bãi, xuống xóm tản cư, nghe tiếng chó tru. Tiếng những con chó đói tru ngẩn hơi và thảm.

Diển vào phòng tắm sôi nước ào ào làm nhảm hồi nãy quên không ngừng xe mua cục xà bông. Thứ xà bông của khách sạn nghèo cứng như đá mùi tanh tanh. Lần nào về tỉnh họ cũng ở đó. Cái Hotel bình dân người ta thuê giờ hơn là thuê ngày. Có mấy khách sạn lớn mỹ họ chiếm cả, lập những ụ cát, chằng những hàng rào lưới thép lúc nào cũng có sẵn một tiểu đội Nùng súng lăm lăm trong tay nhìn người qua đường hết sức nghi ngờ. Với họ thì người VN nào cũng có thể là Việt Cộng. Diển nhớ đến thằng bạn thông dịch viên làm ở căn-thờ, nó kể cho Diển nghe chuyện nơi nó phục vụ, là một đơn vị Hoa Kỳ Trong kỳ tổng công kích đợt 2 của CS căn cứ đó bị tấn công. Quân nhân Mỹ ở đó nhốn nháo hết hoảng. Có một anh GI không biết nghĩ hay hoảng sao đó quay súng bắn chết ông già gác-dan trước tiên. Có tiếng Tân dục mau lên. Diển đội gáo nước cuối, chờ tí làm gì vội thế.

Vào phòng đã thấy Tân gọi Lát thuốc quần áo giấy vớ sẵn sàng. Đến mặc đồ trước khi rửa năn bảy lần cao sạch bụi. Nhìn quanh anh vội lấy cái khăn mặt cũng nháp treo bên cạnh tấm gương trong phòng lau sơ lại đôi giầy saut, nói đùa với Tân :

— May có dám rửa mặt bằng khăn này không Tân ?

— Tao còn muốn đầu thai kiếp nữa, rửa mặt bằng khăn ấy để hết đầu thai à ?

Có lẽ Tân nói đúng. Vào một phòng khách sạn người ta có cái cảm tưởng cái gì cũng bần ngay cả cái không khí trong phòng, mùi giường, mùi nệm. Nhất là trong cái khách sạn thường cho thuê giờ như thế này.

Cái mục ăn-trước-tiên của ông bố được Tân, Diễm tán thành ngay. Nhà hàng có cái tên tâu « Thiên hương viên » kèm phía dưới một cái tên Mỹ hết sức tương phản buồn cười đến thảm hại JOE'S. Có lẽ chưa đông vì còn sớm. Ông bố bảo bữa ni làm sang ăn cơm tây bay. Diễm cũng thấy thèm, nhỏ nhoi như một cánh rau sà lát trắng muột. Nhớ đến những bữa cơm khô khan, nhờ màu nâu sì dầu những miếng lạp xưởng quắt queo, những con cá khô để lâu ướt nhợt Bay giờ ăn được thì cứ ăn đi, thời buổi này có cái gì là không bắt trác, không nghi ngờ. Như một cái tết năm nào Cứ cố cho nó đã xa, đã quên nhưng thật sự nó không thể mất hẳn trong trí nhớ Người ta chưa kịp ăn, chưa kịp uống chưa kịp bắt tay bạn hữu anh em người ta đang xuống chết, chết trên lầu chết dưới đường, chết ngoài vườn. Diễm không thấy bà già ăn mày lẫn quần ở tiệm ăn này như lần lẽ tỉnh trước đây. Một yên

tâm hay một nhắc nhở cho Diễm. Bà già ăn xin lưng còng, tóc bạc, da mặt răn reo như quá tào tâu nhắc Diễm nhớ mẹ. Như mọi người anh cũng cho rằng Sài-gòn là nơi yên ổn nhất. Mẹ Diễm ở đó, dù là ở nhà một người bà con, dù mẹ Diễm không muốn. Bà cụ muốn theo anh, người con trai cuối cùng của bà còn sót lại khi tiếng súng bắt đầu nổ của mùa thu kháng chiến (người ta đã khéo dựng một bộ mặt cho phản bội). Bà già ăn mày để còn già hơn cả mẹ Diễm. Sự so sánh này thường làm Diễm muốn rùng mình, tề đại một phần nào đó ở trung tâm cảm xúc, nếu anh ngã xuống như một điều vô-lý-hàng-ngày. Bà ăn mày già còn già hơn mẹ Diễm. .. Có thể già hơn hôm bỗng đưa cháu gái hấp hối lên đờn, nước mắt chảy lấp cả hơi thở già nua. Nước mắt, dù đến trăm năm tuổi đời — hẳn vẫn là di sản đầy ắp nhất. Cầu Suối K. sớm đó bị phá, đường lên tỉnh gián đoạn. Bà già đem đưa cháu gái từ bên kia sông sang lên đờn nhờ cấp cứu. Diễm không quên được những mảng da cháy trên má, trên miệng ở cánh tay trần của cô gái nhỏ. Khoảng mười bốn mười lăm gì đó. Những mảng da cháy chạm mạnh có thể tuột ra dễ dàng tro măng thịt đỏ bầy nhầy. Một bên vú mớm nhú cũng bị cháy. Người hạ sĩ y tá nhẹ nhàng thoa Pomade lên những chỗ phỏng nhẹ. Hàng dùng bông gòn thấm nước chùi những vết đất trên tóc trên mặt. Mái tóc của cô gái cũng dài cũng đen nhuộm. Diễm tưởng đến mái tóc chưa cắt của Miên. Cô bé không nói được nữa, thỉnh thoảng mở mắt nhìn bà nội. Tia nhìn gắng gương, tuyệt vọng, nhấn bảo. Đôi mắt Miên đêm xưa đâu, đầu gối dưới ngọn đèn đường. Bà già ngồi bên gọi cháu bằng những tiếng cháu ơi nấc nghẹn,

nghe như thật xa. Nhìn những ngón tay cô gái cháy cong queo co rút lại, Diễm quay mặt đi chỗ khác có cảm tưởng ngón tay ấy cố cử động. Cố nâng lên muốn ôm lấy bà nội. Đêm đó cô bé chết. Sáng sau đưa đi chôn bà già chỉ còn đủ sức khóc không-thành-tiếng. Ông bố cho hai áo mưa Poncho quấn lại cột hai đầu — Thế ra không riêng gì lính được gói bằng poncho — Ít ra cũng long trọng hơn vợ con ông Bố ở Huế. Mộ cô gái được chôn ở ven bãi trong rừng dương. Dù có đắp cát cao cách mấy thì ít nữa mưa gió cũng san bằng. Diễm nói cháu làm dấu cho cụ nhớ nghe. Bà cụ gặt đầu Diễm sai lính khênh một hòn đá lớn để ở đầu mộ. Ít nữa mộ cát có bằng đi cũng còn phiến đá. Bà già ngồi thụp xuống trước phiến đá, ôm lấy vuốt ve phiến đá. Ông sù sù, như một ngôn ngữ im khô. Diễm nhìn ra Biển, Biển đi quanh chân núi và hàng dương xanh đen. Bà già bỏ đi lên tỉnh từ hôm đó. Bà cũng còn phải sống nốt một đoạn đời còn lại.

Họ ra khỏi tiệm ăn trời vừa nổi gió và lác đác những cụm mây xám chì. Năng yếu hẳn nhợt nhạt trên mấy nóc nhà cao.

— Bọn Mi xuống Mụ Tám trước, tao ghé lão Nghê rồi xuống sau hì.

Ông bố lại đi hút lẩn nào về tỉnh cũng thế. Không ai trách cứ ông. Ông đã lớn tuổi, ông cần quên nhiều thứ. Tân và Diễm xuống ở đầu xóm. Lối vào xóm sâu hút với buổi chiều xám chì, với con đường hẹp cát lầy, một lạch nước đen và những cụm tre sao sác. Hai người chẳng ai bảo ai gỡ lon cát vào túi ngực. Vào đến sân Diễm thấy cái xe đạp của thằng Đực cụt tay dựa cạnh chậu kiềng. Một người mặc đồ trận ở trong đi ra, vừa đi vừa cài nốt chiếc cúc quần. Tân

huých Diễm ê mày thẳng Tín. Tín là sĩ quan chỉ huy hậu cứ.

Tiểu đoàn cũng khoá với Tân nhưng Tân không ưa nó. Tân thường bảo thẳng Tín mặt chuột, chuyên đi cửa hậu, gõ cửa bằng chân. Ông bố có lần khéai chí hỏi.

— Răng mi bảo nó gõ cửa bằng chân.

Tân giải thích :

— Thi hai tay nó mang đồ lễ phải gõ bằng chân chớ !

Diễm bật cười vì ví dụ của Tân :

— Vậy nó mới ở hậu cứ phây phây còn bọn mình lên đây cười với khí.

Tín gặp Tân Diễm có vẻ hơi mắc cỡ nhưng cũng phủ đầu :

— Tụi mày dù về hả, coi chừng đêm nay nó công đồn cứ gọi là ngập cả đám.

Tân bực trả đũa :

— Còn bọn cũng dù vợ đi chơi bời, tao sợ vợ mày nó bố ráp mày còn hơn vixi đánh đồn tao nữa — lát nữa tao lại thăm vợ chồng mày nghe !

Câu hăm dọa của Tân coi bộ có hiệu quả. Tín bối rối ra mặt :

— Thôi tao xin mày. Cái mồm mày độc lắm. Đến nhà tao mà mày « phán » bừa bãi nguy hiểm gia cang tao hết.

Tín đi rồi Tân cười bảo Diễm thấy không tao biết tây nó từ hồi còn ở Thủ đức mụ vợ nó dữ hơn bà chằn, mình khùng bố nó tí đề nó ớn khỏi về tàu với Tiểu đoàn tưởng bọn mình dù về tỉnh. Diễm và Tân được thẳng đực vồn vã như một khách quý, nó nói luôn miệng Hai thầy vén chí con là xếp xong ở đây mà, đề con kiếm hai em thật

«O-la-din» (chẳng biết chữ này nghĩa gì)

Nằm trên giường sau bức màn vải hoa có một vài lỗ thủng cháy vì đầu thuốc lá ý chừng của ông khách táy máy nào đó, Diễm cảm thấy choáng váng như cơn say nắng, chẳng hiểu vì không khí ngột ngạt hay mùi ẩm mốc tanh tanh của giường của nệm hay vì bữa ăn quá no kèm vài loong bia mỹ. Thăng Đực còn phải chạy đi kiểm gái — Diễm thấy tờ báo lòi một góc dưới gối, anh rút lên đọc. Vẫn những tit lớn về cuộc hòa đàm đang ở trang nhất. Nghĩa là vẫn những bế tắc, những mòn mỏi, chờ đợi. Vẫn những lạc quan từ Hoa thịnh Đốn. Lời hứa của ông Nixon. Người ta cứ cần yên tâm trước đã dù yên tâm để chờ chết. Cánh cửa hòa bình hé mở có phải cánh cửa mở ra trong một đêm mờ mịt giông gió. Diễm thấy chán, ngồi dậy mò túi áo kiểm điều thuốc, gói thuốc rỗng không. Anh hỏi Tân còn điều nào không? Tân ở giường bên kia, cũng sau một bức màn hoa, vút sang cho Diễm một điều. Diễm không hiểu hẳn đang nghĩ gì. Có tiếng dép lép xẹp đi vào. Có đứa con gái vén tấm màn hoa bước lên giường. Diễm thấy nó quen quen. Nhất định Diễm đã phải gặp nó ở đâu đó, không xác định được thời gian và không gian nhưng nhất định hình dung được trong trí nhớ. Con Diễm e thẹn — thật hay vờ thì không biết — xoay lưng về phía Diễm cởi quần áo. Diễm thấy một mảnh lưng lồ lộ trắng ngợt. Có một đóm lửa ma quái nhỏ rồi bùng lớn rất mau trong Diễm. Khi nó nằm xuống cạnh Diễm nhìn anh bờ ngỡ.

— Ừa thiếu úy hả thiếu úy?

Diễm nhớ ra rồi. Phải thế chứ! Nó là đứa con gái trong xóm tản cư đã bỏ

đi như những đứa con gái khác. Anh không nhìn ra nó vì bây giờ nó mập mập hơn, trắng trẻo hơn. Những đứa em nó vẫn chiều chiều lên đờn xin cơm dư. Những đứa nhỏ gầy trơ xương sườn, bụng ồng, da xanh turg chừng như không lớn được nữa. Có tiếng hích cười bên giường Tân ý nhột... nhột anh... Hình như đứa con gái nằm bên Diễm nói gì đó. Diễm không nghe rõ. Hình như nó kể lể. Kể lể cũng là một phương tiện giải thoát. Diễm nghe lóng thoáng Thiếu úy đứng nói với gia đình em. Thì ra nó cũng biết xấu hổ. Biết đâu đó không phải là một niềm an ủi. Ngoài trời nổi gió lớn và những hạt mưa đầu mùa nặng trĩu bụi, rào rào trên mái tôn. Đứa con gái ôm khít lấy anh da nó mát rợn lấm tấm mồ hôi. Anh nhớ lúc úp mặt lên ngực Miên. Rồi Miên loãng tan. Rồi cơn mưa trên cao ào ào dồn dập. Diễm thấy bình bồng muốn tan vào cơn mưa. Rên rĩ như một loài thú.

Cái lệnh thuyền chuyền ông bố về Tiểu khu Tô-ra Thiên làm cả đờn lao nhao như gà mất mẹ. Quả thật bọn Diễm buồn, lính buồn. Nhất là đám binh sĩ họ xôn xao bàn tán, gán cho cái lệnh thuyền chuyền ấy nhiều cái xấu. Sự thật không phải như vậy. Nhưng vì họ thương ông Bố, họ sắp phải xa ông. Những người lính ấy họ không nhìn cao hơn cấp chỉ huy trực tiếp của họ. Lý do thuyền chuyền ông về một đơn vị không tác chiến vì ông đã có tuổi, đã già yếu?? Cần phải nghĩ đó là điều hợp lý. Ông bố thật buồn, nỗi buồn đăm đăm của giòng sông khô. Mặt ông hốc hác đi, thấy già thêm. Ông lại giữ thái độ im lặng. Im lặng như vết nhăn càng hằn nổi ở vầng trán sỏi và cuối đôi mắt lạnh buồn. Diễm biết ông buồn

không phải vì sẽ ngồi cao giầy vắn phòng. Ông cần được nghỉ ngơi cho nhẹ hai mươi hai năm quân ngũ trên vai. Nhưng chắc chắn ông buồn vì ông phải trở lại Huế. Nơi ông thề không trở lại. Thành nội, Đông ba, An cựu, Gia hội sẽ nhớ ông như một vết chàm, nỗi màu trong linh hồn. Còn những thềm nhà trơ vơ, còn những vườn cây gãy rụng, còn những nắm mả mới, còn những hăm chôn tập thề người ta vừa tìm thấy thêm vào tuần trước. Đến hơn một năm vẫn còn tìm thấy những hăm xác. Làm sao ai nhận ra ai nữa Cái may mắn là vẫn còn tìm thấy. Họ đã được mời đi họp, đi học tập chủ nghĩa. Bây giờ người ta tìm thấy họ giống nhau quá, giống nhau quá trong một hố cộng đồng. Người ta đã tìm thấy một chủ-nghĩa-có-thật. Thế mà ông bố vẫn phải trở lại. Ông không có quyền chọn lựa. Ông không có quyền từ chối đặc ân cho phục vụ ở nguyên quán. Tân cũng mất về sôi nổi thường ngày :

— Chán mày nhỉ ?

— Ừ nhà binh mà !

Tiệc tiễn ông bố là một bữa tiệc ảo não trong buổi chiều trời muốn mưa. Nói là tiệc cho sang chứ nó chỉ gồm vài chục hộp bière mỹ gửi mua trên tỉnh, ít chai rượu đế, mực đại Hàn đậu phụng rang... Ông bố đứng dậy cảm ơn anh em, nói lời từ biệt. Ông nói lý nhí, nhiều lúc lắp bắp. Có lẽ ông cảm động lắm. Cuối cùng Diễm thấy hai giọt nước mắt long lanh trên khóe mắt ông. Nhưng không rơi xuống. Ông ghì giữ nó lại hay gió thổi khô mau ? Mọi người bắt đầu nâng ly. Hình như ai cũng muốn uống thật say. Ông bố

uống nhiều lắm, uống để chứ không uống la de. Thỉnh thoảng ông quay sang nói với Quynh như căn dặn điều gì đó. Quynh đã lên Trung úy. Quynh thay ông coi đồn. Tân say trước mọi người. Hấn đã bắt đầu khoa chân múa tay, giọng nói lè nhè. Mặt hấn xám ngắt nhưng đôi mắt đỏ ngầu đến dễ sợ. Ông bố bảo thằng Tân hết quá Diễm đưa hấn về hăm nghỉ đi. Diễm chuyển choáng rồi nhưng cũng đủ sức dìu Tân đứng dậy. Hấn đẩy Diễm ra Cái đây không còn tí hơi sức nào kệ tao mày... Sức mấy mà... say. Mai ông đi rồi... Bữa này tao uống kinh... với ông. Ông bố cười Bữa ni tau thu ami rồi... thua hết bọn mi... Tau già rồi. Cuối cùng Diễm cũng lôi được Tân đi. Hấn nặng như một tảng đá biết cử động. Đây được hấn vào hăm, kéo được hấn lên giường Diễm cũng cảm thấy mệt. Diễm ngồi lên giường mình châm một điếu thuốc. Cờ hòng khô bong thêm. Diễm với tháo chiếc bidon mắc ở giây đàn đầu giường mở nút tu ừng ực. Hai mắt nhắm khít, Tân vẫn khoa tay nói nhảm :

— Đ... má tao bắn hết, bắn hết tụi bay...

Diễm chẳng hiểu hấn nói gì. Bỗng Tân ợ lên vài cái. Diễm làm bầm : Thằng ông nội lại sắp cho chó ăn chè, và vội vàng quơ cái nón sắt của hấn tháo lớp nón nhựa, kê bên cạnh giường, kéo đầu hấn ra vừa lúc Tân nôn thốc nún tháo. Mùi hôi đến lợm giọng. Nôn xong Tân ngủ mê đi. Diễm kéo chặn đắp lên cho hấn trở về giường, ngã mình nằm xuống Gáy Diễm kê lên then sắt ngang đầu giường, hơi sắt lạnh thấm làm nhòa bớt chút men rượu đang bông bênh trong đầu như từng khoảng khói nhạt. Ngoài

kia chắc tiếc đã tàn, họ đang dọn dẹp. Diễm cũng không muốn ra, không muốn thấy những vụn vặt thừa thãi còn ở đó sau một cơn say như một chiến trường sau khi đã thanh toán. Trời cơn mưa rồi cuối cùng không mưa, giờ chỉ còn gió lộng se lạnh và âm từ biển thổi vào. Tiếng gió lùa nghe như niềm bao dung cho Diễm cái mặc cảm nhỏ bé và buồn. Con gió trườn qua lỗ châu mai như chạy quanh căn hầm lướt trên da thịt se lạnh nổi gai, thoát ra cửa hầm nhập vào những cơn gió khác. Thật vô tư. Diễm thềm được làm cơn gió. Diễm thấy nhớ mẹ. Niềm nhớ thơ đại như ngày xưa bỏ làng lên học trọ ở tỉnh chỉ mong mùa hè về thăm nhà. Cái cảm giác nồng ấm trong tim, cay cay trong mắt khi gần về tới làng. Từ xa đã thấy cây đa, giếng nước, mái đình. Diễm thềm cả tiếng mẹ chửi âu yếm mà từ khi anh lớn mẹ không còn chửi nữa. Bây giờ sự thắc thỏm của bà chỉ gồm : Liệu có hòa bình không « anh » ? Sự thay đổi đại danh từ này khi Diễm ra trường. Bà bảo đi làm đi ăn rồi, cũng « ông này ông nọ » Mẹ phải gọi như thế. Diễm không dám phản đối ý muốn của bà. Ít ra mẹ anh cũng có một niềm hãnh diện về anh. Bà có lý do của bà.

— Thì trước sau gì cũng phải bình chứ mẹ.

— Nói như « anh » ấy ! Thế ngộ còn lâu thì sao ?

— Con không biết nhưng thế nào cũng phải bình, chẳng ai thích đánh nhau mãi. Mẹ già rồi lo nghĩ chuyện vu vơ cho mệt.

Bà thở dài :

— « Anh » đi xa như trứng để đầu đàn, mẹ lo lắm. Hội họp gì ở bên Tây

ấy liệu xong không anh mà sao thấy đánh nhau to hoài.

Diễm muốn giải thích cho bà nhưng lại thôi. Anh chỉ an ủi :

— Hai phe đã gặp nhau nói chuyện thì phải xong chứ ! Hòa bình xong người ta còn cho về thăm nhà nữa mẹ ạ!

Như đúng với sở nguyện của bà, mặt mẹ Diễm sáng lên :

— Thế hở ! Thế hở... ! ừ về thăm cũng quý rồi, mẹ gần kề miệng lỗ chỉ mong có thế !

Rồi bà bắt đầu kể về thửa ruộng, căn nhà, vườn cây, cái ao bèo tấm, cái giếng gạch, họ hàng thân thích nội ngoại. Diễm đã nghe nhiều lần, nghe đến thuộc lòng nhưng bao giờ anh cũng thấy cảm động. Đó là sợi giây buộc hiện tại nối về quá khứ của hai mẹ con, níu kéo Diễm về tuổi thơ ngà ngọc của mình. Từ mái trường Đình rêu xanh, riu rít những con chim sẽ tha rác làm tổ khi mùa hè tới. Lớp học nhiều bóng tối và cột cao, cột gỗ lim nâu nhầy bóng loáng. Thềm hè gạch đỏ, và bóng nắng, bọn trẻ ngồi sưởi ấm những ngày đầu Thu phiến trời màu thạch bích với những vùng mây trắng lang thang. Hồ sen thì tàn với mùa Hè như một dung nhan xế còn đom đóm soi gương phiến trời biếc. Còn con ngõ nhà, con ngõ tre nồng nàn mùi rơm ướt và phân trâu. Đoạn đường ngõ gồ ghề chân sáo rợp bóng tre mát rượi, chạy quanh, lang thang mát hút về cuối xóm. Buổi sớm thẳng bé đem chổi quét những cánh hoa bưởi rụng. Đứng dưới gốc cây hin hin cánh mũi. Thơm lạ. Đến lúc đi học nó còn cảm tưởng hương hoa bưởi thấm lên quần áo. Thằng bé đứng đếm đếm những quả bưởi con thành hình, nhỏ li ti đầy cây.

xanh mềm tương như muốn trong suốt. Nhiều quá đếm không xuể. Mẹ bảo mày đừng chỉ chỏ nó thui hết. Nó ngờ ngẩn chẳng hiểu tại sao. Mẹ nói cái gì không đúng. Từ đó nó bắn khoăn chỉ sợ những quả bưởi con con, xanh muốt héo nắng thui chột. Trí nhớ hẹp hòi không thể ghi nhận được hết những hình ảnh xưa cũ, những hình ảnh lộn xộn, thềm nhớ. Từ giòng sông mênh mông mùa nước. Từ cánh đồng rơm rợp sóng lúa con gái. Từ cái ò rơm đêm mùa đông. Ò rơm đêm mùa Đông nằm ấm trong lòng mẹ như một ấn tượng đầu đời của Diễm.

Mẫu thuốc — Thứ mấy không biết — cháy tàn đến sát kẽ tay rất bỏng. Diễm vứt nó vào cái vỏ đạn đại bác để chân giường. Trời tối đã lâu. Diễm thấy trăng nhàn nhạt ngoài ổ châu mai. Với tay lấy chiếc Bidon, Diễm uống ừng ực, bụng sôi cồn. Chắc tai ăn ít mà uống nhiều. Giường bên kia Tân vẫn ngủ đơ như khúc gỗ. Nhớ tối đêm nay phiên mình trực. Diễm chui ra khỏi hầm tính đi kiểm soát gác. Ngoài sân cát tràn ánh trăng. Bóng Diễm in lên thềm cát rõ và lạnh. Hàng rào kẽm gai cắt những đường ngang dọc, lờm chờm nhưc nhối lên phiến trời trăng khô. Dáng người lính gác trên lô cốt như bất động. Diễm tiến lại phía đó :

Thằng này « sừa » rồi, dám ngủ lắm !

Đến gần Diễm nghe thấy người lính đang hát nho nhỏ : « Em ơi chiều nay một trăm phần trăm trăm,.. ». Diễm chợt thấy cái kính, không hiểu vì cơn say còn vầng vất hay vì cái loại nhạc-phản-bội kia. Diễm quát :

— Thằng nào đó ! gác còn hát với hông nó bò lên tới đít bây giờ đó,

— Dạ em, Địch đây Thiếu úy

— Đội nón sắt « dzô »

Tới vọng phía Đông Diễm thấy ông Bó còn ở đó. Chai rượu để vức bên cạnh, Ông ngồi trên phiến đá nhìn xuống bãi. Cái dáng ông giờ chiều nào già nua. Những sợi tóc bạc như sáng thêm trong đêm trăng tròn. Diễm muốn an ủi ông vài câu mà không biết nói gì. Diễm lúng túng :

— Về nghỉ bố, bố say rồi ở đây lỡ trúng gió « hư » hết.

Ông già lăm bằm :

— Mai tau đi rồi. .Tau phải về Huế. . Tao phải về Huế.

Nhưng rồi ông cũng ngật ngưỡng đi về, bước chân xô lệch lún những khoảng cát trắng. Mai ông về Huế. Diễm có cảm tưởng ông nói cho ông nghe. Diễm cúi xuống nhặt vỏ chai rượu. Chiếc vỏ trắng nhấp nhánh chút cỏ dưới đáy. Anh dốc ngược chai xuống, ít giọt rượu đổ lên cát mịn. Những vết bằm se khô mau

Diễm ngồi xuống giường tháo được đôi giày rồi, cảm thấy lạnh, vai áo đã thấm sương. Gần nửa đêm rồi Diễm thấy buồn ngủ, nằm lên giường lấy chăn quấn lại. Những quả đạn 82 ly đầu tiên nổ tung chỗ đề phi sáng, Ngọn lửa bùng cao cuồn cuộn khởi đer. Diễm vùng dậy mê hoảng. Pháo kích, nó pháo kích. Cái ý thức đầu tiên dứt cơn mê ngủ chỉ có thể. Tân cũng nhào xuống nằm sát đất, tay bắn quờ quạng như muốn tìm cái gì đó. Có tiếng la hét bên ngoài. Những tiếng nổ kế tiếp chát chúa muốn vỡ ngực. Diễm thấy như trước mắt loé sáng. Tất cả bị hất tung lên. Cả anh. Cả căn hầm, Mọi thứ. Hất tung lên và cái màn đen đập mạnh vào mặt Diễm.

Diễn thấy mình như bị đè nặng, quần quai, tê buốt. Diễn muốn hét lên mình không chết... mình không chết nhưng miệng cứng ngắc khản đặc. Cố nhướn mắt để thấy mờ mờ chung quanh. Cấn hăm đồ tung bật óc. Nửa người Diễn vùi trong đám gỗ đá lộn nhon. Thấy một người úp mặt nằm cạnh. Có phải Tân đấy không? Anh không còn đủ sức để gọi. Anh cố đưa bàn tay kéo đầu Tân. Diễn thấy bàn tay mình nóng nóng, Anh rút tay về đưa lên trước mặt, bàn tay Diễn đỏ lỏm nhờ nhờ chất óc. Diễn thấy mình thở dốc. Những chấm đen li ti trước mặt cứ lớn dần theo hơi thở khó khăn. Lớn dần rồi như mông lung đặc quánh nhầy nhụa mà mắt Diễn vẫn mờ trũng. Anh muốn kêu cứu. Anh muốn lờng lộn nhưng đôi môi như đã đóng chì và chân tay như rời ra khỏi thân thể, không phải của mình, lạnh giá mất tâm. Vừa nghe như đâu, ở thật xa những tiếng gọi mơ hồ Thiếu úy, Thiếu úy... Diễn thiếp lẩn đi với cái ý thức phản kháng mình không chết... không thể được, không chết được.

Quả thật bà cụ không nhận ra Diễn dù anh Quý người y tá Quân y viện đã nhắc bà đến hai lần.

Thiếu úy Diễn đây cụ, Thiếu úy Diễn ở đồn DL đây.

Bà cụ lăm bằm sao nó thể này, đúng là con rồi Diễn ơi. Nó có còn một ngón chân, một ngón tay tôi cũng nhìn ra nó.

Con ơi!! những tức nghẹn; mong chóng bởi hồi suốt đoạn đường hơn hai trăm cây số đi thăm con của bà mẹ chợt vỡ òa thành những giọt nước mắt. Bà ngồi thụp xuống nắm tay Diễn. Bàn tay tro những đốm: ngón xương, xanh xám mất máu. Hai chân của bà quần đầy băng trắng. Một ống cao su đút vào bụng dưới đầu kia luồn xuống chân giường có đặt chiếc thau nhôm hứng cần bà tiêu hóa. Hốc mắt Diễn sâu thêm thiếp. Tiên cầm lờm chớm những cơn râu mọc ngược. Bây giờ bà cụ mới nhớ chiếc tay nải còn quàng trên vai. Bà tháo xuống để ở chân giường. Chiếc tay nải dễ cũng già bằng tuổi con bà được vá chằng vá đụp nhiều thứ vải. Bà đã phải khoác nó bao nhiêu năm chạy loạn. Anh Quý y tá an ủi ;

Thiếu úy Diễn không sao đâu cụ. Cụ để cho ông ấy nghỉ ông ấy còn mệt lắm.

Diễn mở mắt, mệt nhọc thảm hại. Diễn thấy khuôn mặt mẹ mờ như tấm ảnh lâu ngày. Anh cảm thấy rõ những giọt nước mắt của mình đang lăn trên má hóp. Anh muốn nói một điều gì đó nhưng môi khô se. Không còn một ngôn ngữ nào nồng ấm hơn những giọt nước mắt của hai mẹ con.

Rừng cấm 5-69
ĐINH - NGUYỄN

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH TỐ C

Neurotonic

HN. 789/BTT/CCDP/16.5.65

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC:

★ CAU HÔN

truyện dài của Trần Tuấn Kiệt
một tác phẩm viết thật bay bướm và sôi động nhất
thời - đại.

★ CHIẾN TRANH VÀ TUỔI TRẺ PHƯƠNG TÂY

của Jean Lartéguy ★ Phạm quốc Bảo dịch
một tác phẩm duy nhất nói về nỗi bi thảm khủng khiếp
của nhân loại Thời Đệ-nhi Thế-chiến.

★ TUYỂN TRUYỆN NHẬT-BẢN

Nhã Điền dịch
gồm những truyện hay nhất của những nhà văn Nhật
hiện-đại.

☆ HÌNH BÓNG ĐAU KHỔ

truyện dài của Daniel Rops ☆ Lê Vũ dịch

ĐÓN ĐỌC :

NĂM DÀI TÌNH YÊU

nguyên tác TEN NO YUGAO của Yoichi Nakagawa
Phạm Quốc Bảo dịch

Một tác phẩm bán chạy nhất nước của Nhật-bản Đã tái
bản nhiều lần. Đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Đã quay
thành phim hồi 1948 gây sôi động mãnh liệt trong giới
trẻ Nhật.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG LĨNH

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa vừa nhận được một số sách « Tuổi thơ » sau đây, loại sách nhi đồng, do nhà sách Khai-Tri xuất bản và gửi tặng :

- Cửa báu nhà họ Vương của Phan Du.
- Dinh Thầy của Phan Du
- Đứa bé mù của Bửu Kế.
- Linh miêu của Bửu Kế.
- Con đĩa thần của Nguyễn văn Xuân.
- Cái quái chèo của Nguyễn văn Xuân.

— Những người tín hôn trong trại Kim-Cương của Lê Tất Điều

— Thần điều và hoa hồng của Thâm Thệ Hà.

— Bền đờ Bà Một của Lưu Nghi

— Giấc mơ Hoàng tử của Hoàng Trúc Ly

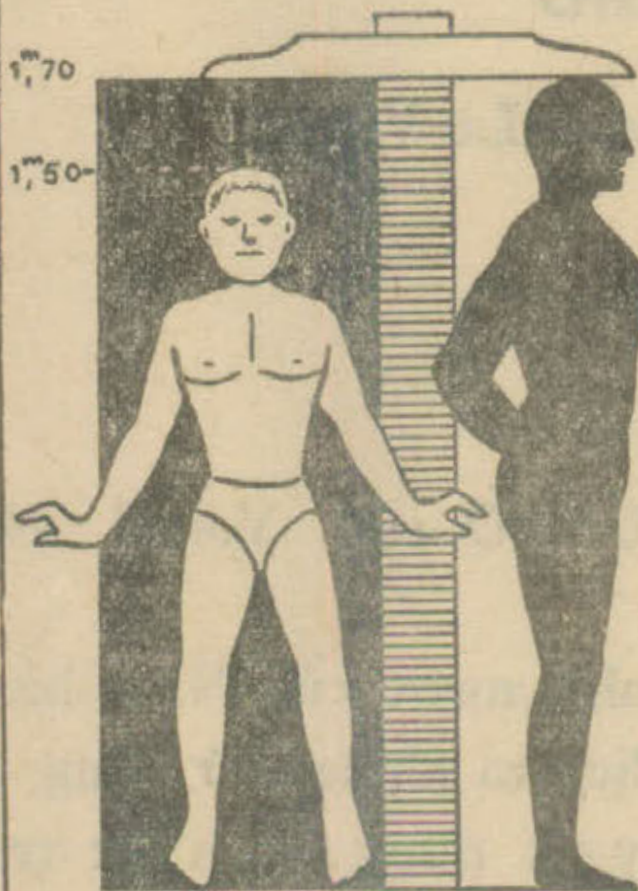
— Hai chiếc nhẫn thần của Lương Nhân.

Lòng quảng đại của Cấn Huy Tăng.

Tất cả những sách trên đây mỗi cuốn đều dày 35 trang, khổ 13x20, trình bày trang nhã, nội dung lành mạnh giá phổ thông 10đ. Xin trân trọng cảm ơn Nhà sách Khai-Tri và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI

- CỨNG XƯƠNG.

- MẠNH KHOẺ.

- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.

- ÍT ĐAU RĂNG.

YẾU PHÔI.

- MỆT MỎI.

Số KN 18 MBYT/QCPD

Loại sách nhi đồng

TUỔI THƠ

Tương lai nước Việt-Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo-dục hiện tại của lứa thiếu nhi mầm non của đất nước.

Chúng ta, cũng như hầu hết các phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhảm nhí hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây say mê đọc loại sách trinh thám và kiếm hiệp rẻ tiền, loại sách khiêu dâm và quái đản, những thứ sách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta.

Để góp phần nào vào sự giáo dục trẻ em Nhà sách Khai Trí cộng tác với một số nhà văn nhà giáo tha thiết đến tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ**, một loại sách giải trí lành mạnh viết đúng chính tả, văn phạm, ấn loát rõ ràng, giá bán phổ thông, đáng được hãnh diện trưng bày trong mọi tủ sách gia đình.

Chúng tôi hy vọng loại sách nhi đồng **TUỔI THƠ** sẽ giúp ích cho các em và là món ăn tinh thần cần thiết của thiếu nhi Việt-Nam.

Nhà sách KHAI-TRÍ

Những sách **TUỔI THƠ** đã xuất bản :

Đứa bé mù	Bửu Kế	Linh Miêu	Bửu Kế
Dinh Thầy	Phan Du	Của báu nhà họ Vương	Phan Du
Hai chiếc nhãn thần	Lương Nhân	Con nước dột	Lương Nhân
Con đĩa thần	Nguyễn Văn Xuân	Cái quai chèo	Nguyễn Văn Xuân
Thần điều và hoa hồng	Thầm Thệ Hà	Đoàn quân áo đen	Thầm Thệ Hà
Lòng quảng đại	Cẩn Huy Tằng	Thần đồng	Anh Huy
Những người tí hon	Lê Tất Điều	Dũng võ sĩ	Lê Tất Điều
Người bạn mới	Nhật Tiến	Hoàng tử Anh Đào	Tiêu Sử
Giấc mơ Hoàng Tử	Hoàng Trúc Ly	Cô bé Rừng Xanh	Hoàng Trúc Ly
Bến đò Bà Một	Lưu Nghi	Người tham hóa đá	Trương Vạn Năng

Giá phổ thông chỉ có 20 đ, bằng tiền năm xôi nhỏ

TẬP THƠ ĐÃ IN TỚI LAN THỨ 5

THƠ NGUYỄN SA

Tổ hợp GIÓ xuất bản

★ 4 phụ bản offset và 4 mẫu bì clo 4 ấn bản :

NGA — ÁO LỤA HÀ ĐÔNG — GỌI EM — TUỔI MƯỜI BA

★ Ấn loát phẩm tuyệt mỹ, xứng đáng hiện diện trong tủ sách những người yêu thơ

đã phát hành **TU TƯỞNG** số 3

sô đặc biệt về Xã-hội học và Chính-trị học

với những bài của : THÍCH MINH CHÂU

KIM ĐỊNH

VŨ VĂN MAU

ÔN THẬT THIỆN

BỬU LỊCH

NGUYỄN XUÂN LẠI

NGÔ TRỌNG ANH

PHẠM CÔNG THIỆN

báo dày 208 trang, vẫn giá 40 đ.

Lãng đấng sương mù

Tôi hỏi người yêu những khuya mùa hạ
em suy nghĩ gì trong cuộc chiến kia?

LAM SƠN ĐÀI

1/

Biển thì khoan dung và buồn, thủy dương thì bơ vơ và cô đơn, mặt cát hoang vu những đống chân người rồi cũng dần dần vắng mặt, loài dã tràng chạy qua bạt sóng và lên bãi một kiếp nhọc nhằn đam mê, anh vẫn như thế im lặng suốt một đời người, chẳng nói gì như dãy núi cổ nhện nhún bốc lửa một năm và nhiều năm, anh cũng chẳng bao giờ nói anh yêu em. Tình yêu của loài dã tràng se cát mong manh theo đợt sóng thủy triều, em vẫn ở đó với mái tóc thật dài, từng sợi nhỏ đã dưới lênh đênh, đôi mắt thật xanh buồn như loài đom đóm rừng trên đồi cỏ may, có một lần anh ao ước được nhìn thấy em khóc, nhưng chẳng bao giờ anh được nhìn như thế, con đường đất đỏ thật dài, hai bên lề cỏ vàng hoe cùng những vòng rào kẽm gai chằng ngang dọc, con đường xe lửa cũ gần như bị lấp mất những thanh tà vẹt đã rỉ, lãng quên, rồi anh cũng bị lãng quên như con đường rầy thừa thãi bị bỏ quên này ừ mà sao chúng mình lại gặp nhau, nếu ngày đó anh ở Pleiku hay Komum chẳng hạn thì có bao giờ anh gặp em, tình yêu đâu có tới rồi mọc cánh bay đi, tâm hồn anh vốn mệnh mang và cần như sa mạc, lơ thơ chút xương rồng gai và chà là, và hôm đó em đã cười, kỷ niệm chợ thức giấc vỡ ra như núi lửa, khuôn mặt của Lãng người chồng của em, cũng là người bạn của anh, đã chết, chết trong một lần pháo kích, khuôn mặt xa xôi dễ thương đó đã nằm yên trong đá trong đất, trong cỏ, chẳng gặp nhau để nhìn nhau hút thuốc, chẳng còn bao giờ thế là hết, người nằm xuống bình thảo, có hoa vàng và dây bìm bìm leo quanh mộ, nhưng người còn sống thì bản khoán ưu phiền, chiến tranh ừ mà chiến tranh đã lừa đi tất cả như một sớm mai mặt biển lung hân và sóng vào mặt cát, lừa đi những đống chân người, những lâu đài nhỏ nhoi xây cất của bụi dã tràng, cũng như lá thông khô, chiến tranh làm cuộc đời trống rỗng như những tên thua bài, em bờ ngõ ngồi trước mặt anh, một chút ái ngại xót xa, anh nói với em về Lãng, một người làm thơ dễ thương ở xứ này, anh có một tờ báo và phụ trách về phần văn nghệ, nếu em còn giữ những bài thơ rời rạc của Lãng thì thu góp lại đưa cho anh, để anh đăng dần trên báo, để mãi trong tủ những bài thơ của Lãng uổng đi, rồi em gật đầu, em ra về vào buổi chiều nắng vừa dịu, em đội nón bài thơ và mặc áo tím hoa cà, anh tiễn em một đoạn đường rồi nhìn em mỉm cười, em cười theo, anh nghĩ đây là lần gặp nhau đầu tiên và cũng là lần cuối cùng.

Tôi cũng chẳng biết phải nói thế nào về việc mà tôi đang làm, một thứ công chức bị động viên tại chỗ ở một cơ quan hành chính, tôi cũng chẳng cho đó là một ân huệ, vì tôi đi lịnh gần năm năm, kéo lê thân thể ở một vùng cao nguyên quanh năm sương mù, rồi giải

ngũ làm công chức, tái ngũ, suốt năm nếu có còn một phút nào suy nghĩ thì quanh quẩn cũng nghĩ đến những điều bất hạnh, ông bố chết vì những loạt đạn, những thằng bạn bị bắt, bị tù, những thằng đói và rách, những thằng chết, bạn bè cũ lâu lâu gặp lại ở đây, đưa cắt tay, đưa mang chân gỗ mica - plastic, đưa còn một mắt, chiến tranh là thế, chả biết phải diễn tả thêm nữa như thế nào, lâu lâu ngơ ngơ ngác ngác về một người quả phụ, khi xem lý lịch thì nhận ra rằng chồng nàng ngày xưa với mình là bạn, một lớp đã năm yên, một lớp như rong bèo lênh đênh ngày tháng vụn, tôi vẫn sống ở đây ngày nào cũng thế, những mái tóc xanh còn bỏ ngổ ngang voi đã quần vành tang trắng, những bà mẹ mất con, tôi nghĩ rằng đến một lúc nào đó phải rời khỏi nơi này đến một đơn vị khác, tôi chợt nghe tiếng hát, mỉm cười, hòa bình chả bao giờ xin mà có, không nên cho một người ăn mày một đồng nào, tất cả đều phải đòi, phải làm, phải cố gắng, phải vận động, không thể nào xin được, chợt nhớ đến anh thi sĩ bị pháo kích ở một tỉnh miền nam mà tôi coi như một người anh ruột đáng kính, bây giờ chỉ còn một con mắt phải, anh nhai lại một bản nhạc chàm—cho tôi xin một đồng—cho tôi xin năm đồng—cho tôi xin mười đồng—để tôi uống ly cà phê phin—cứ lam nhàm như thế thì lãng nhách, chợt anh nói thêm; ‘thiên hạ nhìn đời bằng một nửa con mắt, mình nhìn đời bằng cả một con mắt, như thế đầy đủ quá rồi’ chiến tranh mong cho chúng ta, những người còn sống sót mang một phần kỷ niệm, những nỗi buồn nhỏ nhỏ chả bao giờ tiêu tan, như chiếc nạng gỗ này, như chiếc tay bằng sắt có móc này, như chiếc xe lăn bằng tay, vâng một ngày nào đó tôi sẽ xa hẳn nơi này, như xa một miền biển đầy thùy dương khô và bãi cát đầy hoang vu và cô đơn.

Tôi cầm tấm ảnh bán thân của Lãng đưa cho Hà, Hà gật đầu mỉm cười. Yến vợ Lãng nhìn theo chợt hỏi:

— Sao có giống không ?

Hà đề tấm ảnh lồng kính xuống mặt bàn trả lời.

— Cũng hao hao giống !

Tôi thoáng buồn, bức ảnh mà Yến đưa, tôi nhìn mãi, mà chả nhận ra đó là thằng bạn cũ, không giống chút nào, Hà cũng một tâm trạng như thế, im lặng uống nước, tôi chằm thuốc lá hứ, nằng nhìn tấm ảnh người chồng đã mất thoáng buồn, tôi nói vu vơ :

— Ngày xưa hẳn gầy lắm, sao trong ảnh lại béo thế ?

Yến nhìn tôi chậm rãi.

— Hồi chưa lấy nhau thì Lãng gầy, sau đi dạy và lấy tôi thì mập ra.

Căn nhà ngói khá rộng, hai đứa con trai nằng, đứa lớn lên năm, đứa nhỏ lên ba, hai đứa khá ngoan và giống bố, Hà bế thằng lớn, tôi bế thằng nhỏ, chợt tôi nhìn Hà rồi cười, cũng chưa biết nói thêm gì nữa, nói thật là chúng tôi nhậm làm thì Yến buồn, mà không nói đề Yến tin rằng Hà với ô là bạn thật của Lãng cũng ân hận. Hà hỏi đứa lớn:

— Tên cháu là gì ?

- Tên cháu là Đức.
- Cháu học lớp mấy?
- Mẹ cháu dạy cháu ở nhà.

Yến đi vào nhà, mang thêm nước đá cục bỏ vào mấy ly nước cam vàng, nước đá nổi giữa lòng ly, Hà lấy chân đá nhẹ vào chũa tôi, tôi biết ý già từ ra về, mắt Yến thoáng buồn, ối nói:

— Hàng tháng tôi sẽ gửi biểu chi mấy tờ báo để chị đọc cho vui.

Yến viết địa chỉ của nàng trao cho tôi, tôi đọc qua, một địa chỉ nơi nàng dạy học và một địa chỉ ở nhà, Hà đã đạp cho xe nổ máy, tôi leo lên đằng sau chiếc Suzuki, chúng tôi cúi đầu chào Yến, nàng gạt đầu, chiếc xe phóng tới trước.

Mỗi người sinh ra với một niềm ngăn cách, khoảng ngăn cách đó vô cùng cần thiết, nhưng cũng vô cùng xót xa, bước qua khoảng ngăn cách đó, con người có lẽ cảm thông với nhau hơn, yêu nhau hơn, nhưng không ai đủ can đảm để bước qua cái khoảng cách đó cả. những lần đến thăm nhau Yến chỉ cho tôi ngôi nhà thờ cao vút đó, mang tên một xứ miền Bắc, rồi nàng nói cậu một là một ông cha xứ chăm sóc giáo dân ở đây, tôi càng ngạc nhiên và buồn, tôi hồi nhỏ học trường giòng bảy năm, cũng quen nếp sống công giáo lắm, lớn lên viết báo cho mấy ông cha, ông cụ, cũng quen nhiều, nhưng cứ trông nhà thờ, tháp chuông là lại ái ngại và xa lạ, hay tôi không phải người có cùng một niềm tin như thế, hay cha mẹ tôi theo đạo Phật, tôi được sinh ra trong một gia đình không sùng đạo cho lắm, những năm học ở đó, những cái bạt tai, đá đất của sư huynh làm tôi thành một đứa bé dẹt dẹt, lớn lên trong sợ ngác, tôi vẫn im lặng nhìn pho tượng đức mẹ trên máy nước nơi tôi thường uống, hay nhìn Chúa trên thập giá, nhưng thật thản nhiên đến đó không nghĩ gì cả, bảy năm quỳ đọc kinh, tôi không ý thức gì cả, vì kinh tiếng pháp và kinh la tinh, có chăng tôi chỉ cảm thấy mỗi đầu gối như những lần tôi không thuộc bài - lạy Chúa xin tha thứ cho tôi một thứ tâm hồn tối tăm ngu muội, có lẽ tôi sẽ quỳ dưới chân Chúa, tin Chúa, trao hẳn trái tim cho Chúa, nhưng nhìn mấy frères mấy Soeurs mấy cha mấy cố thì tôi lại cảm thấy họ giống người ngoại quốc, họ giống như người Pháp chẳng hạn, và tôi trông thấy họ tôi sợ, niềm ngăn cách là như thế, những năm học trường giòng tôi là một đứa học trò rất oắt, chẳng phải vì thích văn hóa anglo saxon mà mẹ tôi đồng ý với cha tôi đề gởi tôi vào đó, và trả cho nhà trường một số tiền đủ để đến ngày tôi lớn lên, năm đó tôi bảy tuổi, gia đình tôi chạy loạn liên miên từ Quảng Yên lên Đông Triều, qua Yên Bái, Lạng Sơn tôi vốn bơ vơ lại càng bơ vơ thêm khi nhìn màu áo chùng đen và những đôi mắt lạnh lùng, tôi thích hoa huệ trắng và ghế đá, nên hay thích hái trộm hoa để ép trong sách, hoặc để trong túi lâu lâu nhìn ngắm một lần, vì thế nên tôi thường bị quỳ và bị bợp tai, tôi nhìn nàng, nàng giống như một Ma soeur nghiêm khắc và tôi chọt ứa nước mắt, nàng ngạc nhiên chọt hỏi thì tôi bảo tôi nhớ quê hương miền Bắc, ngày xưa nơi tôi học có nhà thờ, có tháp chuông, và những con chim sẻ, niềm ngăn cách nở dần, chả bao giờ nàng chịu sống với tôi nếu tôi không theo đạo, truyền thống danh dự, cậu ruột nàng là một ông cha xứ chăm sóc linh hồn cho một họ đạo, chả bao giờ nàng lại chấp nhận như thế, tôi hút thuốc nhìn khói lên cao và gió thổi bay mái tóc nàng lòa xòa trước mặt tôi,

tôi nghe văng vẳng tiếng Hà nói: "tôi sẽ viết thư cho ông cụ và bà cụ cậu nói về vấn đề này; tôi là người phản đối đầu tiên; cậu không thể nào lấy một người đàn bà già chồng, hai con làm vợ được, hậu quả sẽ vô cùng nguy hiểm cậu lại ngoại đạo, người đàn bà dù có yêu cậu nhưng những đứa nhỏ sẽ danh thức những kỷ niệm cũ thức dậy, nằng nhớ tới người chồng cũ đã khuất, cậu không phải là người đủ nghị lực, đủ can đảm để sống trong một cái gia đình như thế, những sinh hoạt hàng ngày, những va chạm dần dần sẽ đổ vỡ, hai đứa con trai nằng đó, sau này chúng nó nên người không nói làm gì, lỡ chẳng ra sao cũng là trách nhiệm ở cậu, khi không cậu lao đầu vào để mang một gánh nặng như thế, lại bạn bè chế diễu nữa «Tôi không nghĩ gì cả, tôi không nghĩ đến ai khinh rẻ tôi, tôi yêu nằng, tôi muốn sống với nằng, nhưng cũng không được nữa, nhiều lần tôi cố can đảm để nói thật những gì sâu kín tận đáy lòng mà tôi vẫn chưa dám nói đại khái. «Anh sẽ cưới em làm vợ, con em như con anh, anh không bao giờ làm em buồn hay thất vọng, nhưng một điều thành khẩn và tha thiết nhất là đừng bao giờ bắt anh đến nhà thờ, dù chỉ đến đó một lần, anh không thích đến như thế». Chỉ dẫn đi có bấy nhiêu mà tôi vẫn chưa nói được, khuôn mặt nằng buồn với vợ nằng thích mặt áo tím và mang kiếng đen, nằng dậy học buổi sáng và thỉnh thoảng cả có lý do nào nằng cũng ghé thăm tôi vào những buổi chiều, mà mỗi lần như thế, đêm đó tôi lại băng khăn, thức uống trà và mất ngủ.

21

"Ngày tháng năm—anh thì không bao giờ hiểu Ph, những gì anh nghĩ anh sống tại đó không phải là ý thức của Ph, Ph chỉ đọc thơ văn để mong bắt gặp những suy tư khắc khoải của tuổi trẻ bây giờ, mình cách biệt nhau nhiều quá. Ph. chưa đủ trí thức để hiểu được công việc anh đang làm, Ph không phải Loan nên không bao giờ mơ Dưng «Đoạn Tuyệt» thôi thì đừng làm khổ nhau.»

Tôi xếp tờ thư bỏ vào túi áo, dựa gốc cây, nhồi thuốc vào tàu que: diêm châm hút, gói thuốc 79 với một nửa, Hà mua cho và bảo hút, hút tàu sẽ quên hết, quên hết, tất cả, lần đầu tiên hút tôi cảm thấy như có mùi thịt ngựa ở cổ, khạc mãi mà không hết, xú: miệng mãi, nằm thao thức day dứt không ngủ nữa, phía trước là bãi biển, sóng chiều ủa vào bãi cát mềm mông, những ống khói tàu và khói đèo bay tỏa, vùng nước xanh rộng, xa xa là mỏm núi, những chiếc thuyền máy trượt trên nước, du khách cũng văng dần, lâu lâu xa thành phố về về vùng biển này, nhìn ngắm, chỉ có biển mới là một người bạn khoan dung và an ủi tôi, thiết tha nhất và triu mến nhất, tôi kéo một hơi thuốc, nuốt khói rồi thở ra bằng hai lỗ mũi, chiều đi dụi dụi như một nàng công chúa thời xưa, ánh hải đăng ở núi sau đã thấp sáng và quay theo vị trí cố định, thời gian qua rất chậm, tàu thuốc với dần, tôi gỡ tàu xuống rễ cây, tàu thuốc rơi ra ngoài rồi nhồi tiếp một tàu khác, trời đã tối gió bắt đầu lạnh, tôi mặc thêm áo ngoài và kiếm ghế đá để ngồi, trời sao lưa thưa, sóng càng lúc càng mạnh, những lá rơi lác đác rơi trên mặt đường: tôi lại đưa tàu lên môi, kéo một hơi dài, ánh lửa lóa lên rạng rỡ, những hình ảnh như chợt nở và tràn ra trước mặt, nào Yến nào

Ph., những hình ảnh không phải để tôi chọn lựa, nếu được chọn lựa tôi sẽ không chọn người nào cả, vì mỗi người có một phần duyên dáng và một phần tâm hồn từng hợp với tôi.

Cũng chiếc ghế đá này ngày xưa hai mươi năm trước tôi hay ngồi vào lúc sau giờ cơm tối, nhìn những hàng thông cao, nóc giáo đường và tượng đức mẹ đồng trinh, bây giờ thì không bao giờ như thế nữa. Tôi nhìn biển thở dài, một buổi chiều ở thành phố tôi gặp sư huynh hiệu trưởng cũ. Ngài nhìn tôi rưng rưng, dơ tay bắt tay tôi, tay ngài gầy và lạnh, tôi chợt khóc, ngài bần khoăn hỏi : « Sao con lại khóc ? » Tôi lúng túng trả lời : « Có nhiều lý do, nhưng con trông thấy bề Trên con lại nhớ đến bảy năm trong ký túc xá » rồi tôi ù chạy, sư huynh vẫn đứng đó nhìn theo, thỉnh thoảng tôi vẫn gặp những sư huynh hay mấy thầy dạy cũ, nhưng sao tôi sợ hãi và tránh né, cái tuổi ngây thơ vàng son, thần thánh đó, tôi không được tình thương trù mến, sẵn síc của gia đình, tôi được gửi vào Trường giòng cho những người tu hành chăm sóc, các người là những ông thầy tu nghiêm khắc, khổ hạnh, ngoài những câu nói làm chứng về chúa ba ngôi, đọc kinh làm dấu thánh, các người còn cầm thước kẻ đánh lên đầu học trò, xách tai, bắt quỳ xoay mặt vào bờ tường, tôi thường bị các người bắt ăn bánh mì sữa cacao vào lúc bảy giờ sáng, ăn bánh mì nguội và chuối già vào lúc 4 giờ chiều, các người vẫn nuốt đầu tôi, vì tôi là một trong những đứa học trò bản xứ rất ít ỏi ở trong ngôi trường trang nghiêm khả kính này, ngoài ra toàn học trò Pháp, tôi ngỡ ngác như lạc vào giữa một thế giới Châu Âu toàn mắt xanh mũi lõ, ăn bánh mì, uống sữa, ăn chuối, cần muông nĩa, ăn bằng đĩa, đọc kinh đúng giờ để khỏi bị quỳ, bị đá đít, ngoài ra dù tôi có học sách bôn hay kinh thánh tôi cũng chẳng bao giờ hiểu Chúa, trong trí thơ ngây hồi đó, tôi cho rằng các người không bao giờ được Chúa cứu lên thiên đường bằng cách bộp tai đá đít cả, và sau này tôi lớn lên ngỡ ngác, dờ dờ khùng khùng, tôi liền kết án rằng chính các sư huynh tạo ra con người tôi như thế, và cái lối giáo dục thật kỳ cục.

31

Tôi dời qua ghế đá khác có ánh điện vàng từ ngọn cột đèn hắt xuống, tôi móc trong túi áo tờ thơ thứ hai của Ph. ngày-tháng-năm. Ph. xin lỗi anh về những gì làm anh buồn trong lá thư trước, đừng giận Ph. nghe, dù sao.. Ph. cũng có lỗi với anh, Ph. phải nói những gì đây ? Còn ghét Ph. không ? Trong thơ ngắn ngủi và kết thúc ở đó, tàu thuốc tắt lửa, tôi đứng dậy nhìn ra biển rồi về phố. Không gặp Yến thì nhớ mà những lần nàng đến thăm, thì tôi cứ ngại ngại làm sao ấy, nàng nói về một quận lỵ, ở đó nàng dạy tại một trường tiểu học cộng đồng. Buổi sáng những đứa học trò mang cho nàng những bông hoa tím đại, những hoa cúc vàng, nghề dạy học vui lắm, tôi chọn nghề dạy học vì không nghĩ rằng nó là nghề cao quý mà chọn vì được nghỉ ba tháng hè, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hộ sản ba tháng. Dạy học là một trong những nghề nhàn nhã nhất cho đàn bà. Tôi ngược lại không nghĩ thế, bạn bè tôi cũng nhiều đứa dạy học lắm, nhưng cái nghề kỳ cục này tạo

con người thành những thứ đạo đức giả, đóng kịch và bịp, dạy lâu năm hỏng người, nhai đi nhai lại những thứ kiến thức hóa thạch nhằm chôn, niền học nào cũng thế. cũng cours sảo, soạn từ bao nhiêu năm về trước dạy lại, nàng nghi dần đi, ngày dạy một buổi, một buổi ở nhà, đàn bà thường dần đi hơn đàn ông, Yến hỏi tôi sao không xuống nhà nàng chơi thì tôi nói tôi ngại đường xa và không có xe, mỗi lần đi lại nhờ Hà chở không thích, khuôn mặt nàng rạng rỡ nhìn tôi, tôi cũng yêu nàng thật, Hà vẫn nói: «cũng khổ nếu nàng không có hai đứa con thì cậu lấy nàng cũng được lắm». Yến nói nàng sắp nghỉ hè, tôi gật đầu rồi nói rằng sao mấy lúc nay chán đời quá, tôi mong sao sống đến khoảng ba mươi tuổi rồi chết là vừa, chết sớm còn đi bộ lên thiên đường được, chớ chết già chắc đi không nổi đâu, nàng nhìn tôi hiền dịu, cuộc đời cũng còn nhiều cái dễ thương lắm chứ, anh cũng còn trẻ sao bị quan thế, chúng tôi vẫn ngồi, nàng trớ mặt tôi, tôi cũng không còn nói về Lăng, vì nói như thế cũng không ích gì, cứ im lặng như vậy để nàng tưởng rằng chồng nàng là bạn tôi, cũng không bao giờ nàng đưa thơ của chồng nàng cho tôi đăng báo, rồi tôi cũng không hỏi nàng, tất cả sẽ ngưng ở đó, đừng tiến thêm nữa, bước qua một bước nữa sẽ là một vườn hoa hồng hay là một khu vườn đầy cỏ gai, tôi tránh nhìn nàng, nàng không gầy và buồn như trước, nàng mặc áo trắng không còn mặc áo tím, tôi đưa nàng về, qua một đoạn đường ngắn ngủi qua những tàng cây bóng mát, tôi chưa cầm tay nàng, nhưng qua ánh mắt tôi nghĩ rằng chắc nàng cũng đang nghĩ như tôi, nắng chiều nhẹ nhàng trên mái tóc vàng, tôi nghĩ con đường sao thật cô đơn, và dài, im lặng buồn như thế, nàng chợt nhìn tôi rồi nói: «Khi nào rảnh anh nhớ xuống Yến nhé». Tôi không nói gật đầu, nàng lên xe, xe chạy áo nàng phất phới như cánh bướm, tôi về sở rồi hút thuốc liên miên,

Sư huynh giám thị vỗ vai tôi nói nhỏ: «Ngọc, trường sắp thu dọn di cư vào Nam, con muốn gì sư huynh cho con cái đó, những đứa cùng lớp, mỗi đứa được một cuốn tự điển, kinh sách, tượng ảnh v.v.,.. tôi nhìn sư huynh chớp chớp mắt, rồi chỉ ra vườn hoa huệ trắng lẫn hoa hồng Sư huynh hiểu ý, gật đầu, từ đó mỗi sáng thức dậy, tôi chạy chân đất ra vườn hái tất cả bông hoa nở bỏ vào mũ, bày trên bàn học, đứng nhìn ngắm, ngôi trường đã trở thành trung tâm tiếp cư, tôi sống chờ đợi cha mẹ tôi đến đón về, mấy lúc sau này mỗi người có nhiều vấn đề đê lo, nên tôi cũng ít khi bị ngó ngang tới, và cũng ít bị đọc kinh vào buổi sáng và buổi tối nữa, lúc cha tôi và chị tôi đến lãnh tôi về, tôi nhìn vườn hoa huệ trắng lẫn những hoa hồng đỏ, tượng Chúa, tượng đức Mẹ bằng thạch cao trắng, rồi ứa nước mắt, sư huynh giám thị an ủi. «Thôi chúng ta chia tay, vào Nam thầy trò gặp nhau lại, mong Chúa ban phước lành cho con, cho gia đình con...» tôi chẳng nghe thấy gì nữa, đầu tôi hoa lên vì tôi nghe nhiều lần quá rồi, tôi dặt tay ra khỏi tay chị tôi chạy vút vào vườn hoa, hái nốt những bông hoa huệ nở muện bỏ vào mũ, rồi nhìn trời xanh, nóc tháp chuông, tôi làm dấu thánh trong một lần giữa trời, cha tôi nhủ tôi hân hoan, cho rằng tôi có một hạnh kiểm tốt do các sư huynh đào tạo, cháu nó học trường giông bảy năm đây, nhưng mà cha tôi đâu có biết rằng lâu lâu tôi vẫn thức trắng đêm để khóc, để nhớ cái đầu trọc của mình thường bị những ngón tay gầy guộc cốc mạnh lên đó, tôi tháo dây chuyền tròng và thành giá trả lại cho mẹ tôi, bà ngạc

nhiên thì tôi nói tôi mười ba tuổi, tôi lớn rồi, nói lại tôi sẽ chẳng bao giờ học một trường như thế nữa, thì đeo dây chuyền với thánh giá làm gì, nếu sau này có cho tôi tiếp tục học nữa, xin cho tôi được học Trường Việt Nam với chương trình Việt có lẽ tôi đã xa lạ hơn»

Hà đứng đợi mua vé, tôi đứng nhìn mấy tấm hình của phim cao bồi Texas Mỹ, Hà thích xem phim đấm đá, chẵn bò, phi ngựa, bắn súng, còn tôi thì không thích chút nào, nhưng chiều Hà tôi vẫn đi theo như thường, lúc ngồi xuống ghế, trên màn ảnh xuất hiện những hình quảng cáo Hà hỏi : « Đã dứt khoát với Yến chưa ? » tôi nói : « không dứt khoát mà kể như dứt khoát rồi. » — «Nên nghe tao đi, thiếu gì con gái mà phải lấy gái góa, kỳ lắm » Phim chính bắt đầu, bò chạy bụi mù, những tên tài tử hiện rõ trên khung vải, những chàng cao bồi phóng ngựa, nổ súng. Hà tiếp : « thế Ph. thế nào ? » — « có lẽ tao và Ph. là hai thái cực tách biệt, không hiểu nhau, hai năm rồi mà chẳng tiến thêm, Ph. muốn những cái kỳ cục lắm, anh em không ra anh em, người yêu không ra người yêu, tao hay hờn mát, còn Ph. thì kiêu nên hai đứa lục đục lắm » — « gặp nhau mấy lần ? » — « 2 lần. » — « hai năm hai lần ít thế ? » — « vì mỗi lần gặp nhau, nàng muốn tao phải yêu cầu nàng mà tao chưa yêu cầu ai bao giờ. » — « chủ nhật này rú Ph. đi chơi đi » — « rú có lẽ Ph. sẽ đi, theo tao biết đôi khi Ph. cũng nhớ tao ghê lắm, nhưng con gái nhiều tự ái nên không đến thăm tao, mà tao đến thăm Ph. thì sợ Ph. kiêu, con gái mà kiêu thì dễ láo lắm, tao không thích thế : « Bọn mọi da đỏ đã bị cao bồi Texas bắn gục, những chiếc áo choàng lẫn lông chim rơi ra ngoài để lộ ngực đầy đặn nở nang, đỏ xẫm, bầy bò đã bị lừa vào chuồng, dây thòng lọng được buộc vào cổ ngựa, mấy chàng cao bồi vào quán uống nước. Tôi nói : « ở Việt Nam biết hao nhiều đề tài phong phú, quay thành phim thì chẳng có cuốn phim nào ra hồn, ở ngoại quốc quanh quần cũng ngựa, cũng bò, cũng cao bồi, mọi da đỏ, quanh quần xem mãi cũng chán, với lại ngựa chạy bò chạy cần gì phải coi cho mệt, ở Saigon này ngựa với bò thiếu gì ». Tôi dựa vào thành ghế nằm ngủ, tai vẫn nghe tiếng súng đi đệt và những quả đấm rất mạnh trên màn ảnh, mắt Hà như sáng lên, phim hết, Hà chở tôi đi ăn phở rồi về nhà, đêm đó tôi thức khuya nằm đọc lại những tờ thư của Ph. gửi cho tôi, bỗng dưng tôi thoáng mỉm cười.

Ngày tháng năm — ngày xưa Ph. thích con đường Chu Mạnh Trinh, ngay cửa nhà xác bệnh viện GRALL ghê lắm, con đường ngút ngàn với vờn vờn dốc cao thật âm thầm, hai hàng cây cao cúi đầu xoa tóc bây giờ thì hết thích rồi, tại đường này thiên hạ đi đông quá, không còn là của riêng Ph. nữa, lại thêm một mất mát đó anh, đêm qua viết đến đó Ph. lại đi ngủ, bây giờ Ph. viết tiếp đây. Đã hai giờ rồi, không biết hôm nay anh có gọi điện thoại cho Ph. không ? tại sao ngày nào anh cũng gọi, thôi Ph. muốn anh đừng điện thoại cho Ph. nữa, vì lỡ một ngày nào đó anh không rảnh để điện thoại cho Ph. Ph. lại thắc mắc băn khoăn, mà bây giờ Ph. đang yên ổn, Ph. sợ mất một cái gì chợt đến chợt đi. Ừ mà đúng rồi, thôi bây giờ mình coi như chưa quen biết gì nhau hết nghe. bỗng dưng sao Ph. sợ ghê, cũng tại anh hết, đáng

lẽ mình đã dứt khoát với nhau rồi mà. Ngày tháng năm — anh nghĩ gì sau khi gặp Ph. có ân hận không? Ph. thì một thoáng buồn, một thoáng băn khoăn, ray dứt, nếu Ph. nhận được thư anh sớm sớm một chút, thì dù anh có nói gì đi nữa Ph. cũng không gặp anh đâu. Anh thật kỳ lạ, trong thư bảo rằng đồng ý với Ph. chỉ viết thư, nói chuyện qua điện thoại, chứ không gặp, thế mà buổi chiều nghe Ph. bảo đi Saigon mua vải cho má, lại đòi đi theo, xấu lắm đó nghe. nhưng nói gì thì nói chứ mình cũng gặp nhau rồi làm sao bây giờ? Ngày tháng năm — Nhưng mà Ph. nói anh nghe. bắt đầu từ bây giờ mình ký hòa ước với nhau anh không được đặt vấn đề coi như không quen, không biết, nếu có xa thì.. là cũng đã một lần quen nhau, nhưng riêng Ph. có quyền không thêm chơi với anh nữa (chưa gì đã nhăn mặt rồi, cho Ph. khôn hơn anh một tí tí thôi mà! nghe bằng lòng không?

Ngày tháng năm — Từ tết đến giờ anh ra sao? sao không thư cho Ph., có phải anh lại định xí xóa với cô bé nữa đó phải không? Dù ghét Ph. bao nhiêu cũng nhớ viết vài giòng, Ph. ở đây vẫn mong tin anh, bao giờ cũng nhớ anh.

Ngày tháng năm — Chuyện của anh em chúng mình thì cũng đã mấy lần định xem như kẻ lạ mặt rồi, nhưng sau đó anh lại viết thư cho Ph. để rồi.. cuối cùng Ph. phải nhận là giữa anh với Ph. cũng « duyên nợ » ghê lắm! có lẽ định mệnh đó! nên một lần sau cùng Ph. đã nói thôi đừng xa nhau nữa, vì Ph. biết không thể nào anh em mình xa nhau được đâu? anh cũng đồng ý với cô bé Rồi. bây giờ tự nhiên anh bảo chuyện anh với Ph. chả ra làm sao, lúc thế này, lúc thế khác, anh nổi hứng lên đó hả? Ph. tức anh ghê, chơi với anh Ph. cũng thiệt thòi ghê đi chứ bộ... anh tưởng anh toàn là chịu Ph. không thôi sao? Bây giờ một lần cuối Ph. hỏi anh một câu, anh suy nghĩ kỹ rồi trả lời cho Ph. đi, anh có bằng lòng tiếp tục chơi với cô bé nữa không? Rồi thôi, đừng bao giờ đề cập đến vấn đề này nữa. mọi người xa Ph., chỉ còn lại anh, anh có « từ » Ph. thì « từ » luôn một thể..

PHƯƠNG HOA SỬ

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THÁI ĐỘ xuất bản tháng 8.

TÌNH DỤC tập hai

THỂ UYÊN dịch

Xử sự tình dục của một số sắc dân sơ khai — Các hình-thái của gia đình sơ khai — Gia đình mẫu hệ — Cái giống và cái dâm trong cổ thời — Gia đình phụ hệ thời cổ — Tình yêu thơ mộng — Huyền thoại hiện đại về tình dục — Áp lực tình dục — Động tác tình dục — Tần số giao hợp — Các trở ngại sinh lý và lầm lẫn tâm lý — Giao cấu gián đoạn — Sự phá trình — Tình dục, chính là toàn thể con người: tình dục theo Merleau - Ponty.

Tưởng nhớ Phan Trước Viên

Thơ CHU VƯƠNG MIỆN — LAN SƠN ĐÀI

hỡi giòng Thu Bồn đã xuôi về biển
trời miền Nam chút đau xót trong lòng
anh đã chết viên đạn nào đang nổ
lớp bạn bè còn dăm đũa ngùi trông
hỡi vòng kềm gai dài như ước vọng
lớp cỏ già trên cát mặn đồng chua
anh làm thơ giải đất hiền bất hạnh
dăm niềm tin trên ánh mắt sương mù
anh nằm xuống trong một ngày cuối hạ
khung trời buồn từng lớp khói mùa khô
vùng tóc mịn mọc dài theo ánh lửa
tình quê hương dăm đợn sóng qua bờ
hỡi dãy Trường Sơn ngàn năm đứng mãi
Ái Vân mờ theo từng cánh chim cao
đất Quảng đó chợt nghe lòng nức nở
tình thương bay theo từng thoáng sương chiều
anh nằm xuống miền quê vàng lúa ngủ
tóc mẹ già nức nở cỏ lên xanh
vợ hiền gục bên đàn con thơ dại
còn nói gì không nước mắt không đành
một vòng hoa vàng đặt trên vành mộ
đất Quảng dài từng thơ đất rừng rưng
dăm thẳng bạn lênh đênh mỗi người mỗi ngã
chút xót xa như máu chảy trong lòng
rồi một kiếp làm thơ với nguồn hy vọng
mười ngón tay dài mãi mãi vươn lên
anh nằm đó thấp cho đầy đốm lửa
cùng trời sao đang lấp lánh vô cùng

Park Lane

Park Lane
VIRGINIA
KING SIZE

*Khắp nơi đều được
khen tặng như:*

ĐẦU LỘC
HÀNG CHOLON

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

TRUNG TÂM NHÂN XA

(Anthroposocialism Center)

Học viện đầu tiên ở V.N. dạy các khoa Tự lập thân

HOÀNG XUÂN VIỆT sáng lập và điều khiển

12 môn học toàn niên khóa : Tư tưởng, Tổ chức, Giao tế
Hùng biện, Trúcc tác, Lãnh đạo, Dụng nhân, Tâm tính, Bán hàng,
Hôn nhân; Hướng nghiệp, Tâm luyện.

Gửi bài hàm thụ cho các tỉnh

Mỗi sáng chủ nhật có thuyết trình

Ban giảng sư : Gồm những giáo sư Đại học và học giả trứ danh

Trường sở : Tổ chức tiện nghi như Đại học.

Khai giảng đợt II : 15/8 và **đợt III** : 1/9 tại số 2 Nguyễn-
văn Thịnh Sài Gòn.

BÁO MỚ I

Muốn tìm xem « GIỚI TRẺ CÔNG GIÁO » có dám :

LIỀU LĨNH PHIÊU LƯU

THẮNG THẮN - XÂY DỰNG .

trong công cuộc phát huy nền VĂN HÓA KITÔ GIÁO

Quý vị hãy lòng cho được tờ **TIN VĂN CÔNG GIÁO**
do nhóm Thăng Tiến chủ trương.

Chú ý quan trọng : không hay, lần sau Quý vị đừng tìm đọc
nữa kẻo mắt của mắt giờ.

Như một bản cáo trạng sống đông nhất :

NGƯỢC-SÓNG

truyện dài của BÙI KIM ĐÌNH

— phanh phui những thủ đoạn tham nhũng đần hình nhất của một
xã hội trong chiến tranh.

— trình bày trung thực cuộc chiến đấu âm thầm, bền bỉ của những
tâm hồn trẻ trung, thiện chí và nhiệt thành giữa sự bao vây dày đặc của
nạn tham nhũng và bè phái.

— Tiếng kêu thương xót xa của đôi lứa trước sự giằng xé giữa
mật ngọt của Tình yêu và Trái đắng của đời sống.

HỒNG ĐỨC xuất bản • Đã phát hành toàn quốc.

Vài vấn - đề với Thế - Uyên

BACH-KHOA

BÁCH-KHOA : « Trong cuộc phỏng vấn nhà văn Võ-Phiến (Bách-Khoa số 302) tác giả « Áo ảnh » có nói rằng : « Có những kẻ từ đề tài chính trị tiến ra (như lớp tuổi của Mai Thảo, Võ-Phiến, Nguyễn Mạnh Côn...) thì tại có những kẻ từ xa tiến về những đề tài chính trị, bám lấy thời cuộc (như Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Thế Uyên). Hai lớp người đi ngược chiều nhau... ». Anh là lớp người đi từ « Những hạt cát » đến « Tiền đồn », anh nghĩ sao về nhận xét trên đây ?

THẾ UYÊN : Hiện tượng trên có thể cắt nghĩa được. Mỗi tác phẩm khi được viết ra đều chịu sự chi phối của ba yếu tố chính sau đây : hoàn cảnh xã hội nhà văn đã sống qua, hoàn cảnh lúc nhà văn viết tác phẩm và đời sống cá nhân của nhà văn. Lớp tuổi trước chỉ hơn lớp tuổi sau từ 10 đến 15 năm, thật không nghĩa lý gì trong một xã hội bình thường như tại Pháp, Hoa-kỳ chẳng hạn .. Nhưng ở Việt-nam, một xã hội rất là không bình thường từ đã lâu, khoảng cách tuổi tác ít ỏi ấy lại quan trọng lớn. Lớp trên đủ lớn vào năm 1945 để tham dự vào cách mạng, kháng chiến chống Pháp rồi đấu tranh ý-thức-hệ với Cộng sản. Tất cả những nhiệt tình, cao thượng, lý tưởng tuổi trẻ của họ đều đặt vào, tung ra trong khoảng mười năm 1945-1954. Sau khi có hiệp định Genève, những người đó mới ra khỏi cơn gió lốc vừa bị thảm vừa hùng tráng ấy và khi định thần an tâm xong, cầm bút lên viết văn thì tất cả đề tài phải liên quan tới chính trị, nhất là liên quan tới khoảng mười năm thanh xuân vừa chưa xót vừa dữ dội ấy. Nhận xét này, theo tôi không những chỉ đúng cho các nhà văn lớp Võ Phiến mà thôi đâu....

Đó là nói về yếu tố « hoàn cảnh nhà văn đã sống qua ». Bây giờ nói về yếu tố thứ hai là « hoàn cảnh lúc nhà văn viết tác phẩm ». Sau khi đã lập tạm vững Việt-nam Cộng-hòa, ông Diệm chủ trương một cuộc đấu tranh ý-thức-hệ « Chống Cộng là quốc sách ». Chủ trương này đương nhiên tạo ra những thuận lợi (nhiều tạp chí thích hợp, kèm duyệt dễ dàng, trợ giúp tài chính ..) cho những tác phẩm có đề tài, nội dung hay chiều hướng có ích lợi xa hay gần cho cuộc đấu tranh văn hóa chống ý-thức-hệ Cộng sản.

Như vậy anh thấy rồi đó, chúng ta đã có tới hai yếu tố thuận lợi cho vụ mà nhà văn Võ Phiến đã gọi là « đi từ đề-tài chính-trị tiến ra ». Ở đây tôi xin thêm một ghi chú là đối với những đề-tài chính-trị loại khác thứ lập trường « chống Cộng là quốc sách », nhà văn nào xử dụng tới hay bàn tới thì đương nhiên sẽ thấy yếu tố thứ hai tôi vừa nói trên lại là hoàn toàn bất thuận lợi (cơ quan kiểm duyệt sẽ hành nghề ngay).

Kể từ 1953 trở về sau, các nhà văn lớp trước tách khỏi các vấn đề thời cuộc vì nhiều lý do lắm. Có thể ví như nhà văn Võ Phiến đã nói : « Quay lại sợi xích

sắt đã rời buồm mình là tự nhiên... Xong, phải đi nơi khác chứ.» Viết mãi một khoảng đời mình, chắc hẳn là không nhà văn nào thích làm cả. Nhưng vấn đề đặt ra là tại sao lớp trước lại tách hẳn ra khỏi hoàn cảnh 63-70 để đến nỗi bị gán cho danh hiệu «chính thống và vững mơ»? Theo tôi nghĩ, thì lý do tại yếu tố thứ ba là «đời sống cá nhân của nhà văn». Trong thập niên kỷ 60-70, có ba biến cố trọng đại ở miền Nam này: chiến tranh, biến cố 1-11-63 với sự trỗi dậy của Phật giáo cùng tinh thần dân tộc, và sau cùng là cuộc đấu tranh giữa những bảo thủ vọng ngoại và cấp tiến hay quốc gia xã hội. Lớp trước hầu như quá tuổi động viên để bị lôi v. o cơn gió lốc lần nữa, không tham dự vào hai biến cố sau nhiều cho lắm (trường hợp V.H Chương là đặc biệt). vậy tất nhiên khó mà có thể viết «trong thời cộng» được.

Còn lớp trẻ hơn như Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca và tôi chẳng hạn, quá bé để tham dự các trang và kháng chiến. Đối với một người sinh tại miền Bắc như tôi, thì vụ di cư không đặt ra những vấn đề nghiêm trọng như đối với lớp trước. Chúng tôi vào tuổi thanh niên với những năm thái bình tương đối (54-60), dĩ nhiên là hoàn cảnh, cuộc sống lúc đó bắt buộc chúng tôi thiên về các đề tài tình ái, hoặc một chút bản khoán siêu hình. Tôi viết «Những hạt cát», «Mưa trong sương» và một chẵn «Ngoài đêm» trong thời kỳ này. Sau đó là cuộc chiến tranh thiên hạ làm ra cho lớp chúng tôi. Bị ngập tận cổ trong cuộc chiến ghê gớm và toàn diện này, dĩ nhiên là tôi rời mấy hạt cát cũ để sang tiền đồn và các bản tình ca mới rồi. Như nhiều nhà văn khác cùng lớp tuổi, hoàn cảnh và quan điểm về văn hóa xã hội...

BÁCH KHOA. Từ «*Những Hạt cát*» đến «*Tiền đồn*» và «*Bản tình ca*» anh sáng tác rất hăng. Sau đó thấy anh cho ra toàn những tạp bút, đoản văn hay những dịch phẩm về chính trị, về đức tính... Anh có sợ bỏ sáng tác lâu như vậy sau này anh sẽ sáng tác khó khăn hoặc chậm hay sút kém như một số nhà văn khác không?

THẾ UYÊN Hoàn toàn là không. Tuổi đời của tôi thì cũng kể như là người lớn được rồi đó. Nhưng về phương diện văn nghiệp thì ở còn quá trẻ. Những sáng tác đã viết chỉ là phần bắt đầu: tôi tin rằng chừng sau 40 tuổi, nhà văn mới viết được tác phẩm lớn — các văn hào quốc tế đều như vậy, và tôi tin cá nhân tôi chắc cũng thế, phải đợi lớn thêm sống thêm đã. Hiện tôi đang chuẩn bị viết truyện dài «Khu vườn mùa mưa» dự trừ xong trước Tết năm nay vì cả n thấy sáng sức sáng tác hơn bao giờ hết. Dù vậy, tôi vẫn còn phải viết cho xong một tập tiểu luận và dịch xong bộ Tinh dịch đã. Đưa sáng tác tạm thời xuống thứ yếu như vậy chắc làm anh ngạc nhiên lắm... Nhưng làm sao được. Tôi thuộc giòng nhà văn truyền thống Việt-nam: gần gũi thì như Nhất Linh, Hoàng Đạo các dao găm lựu đạn làm cách mạng như điên, xa xôi thì như Nguyễn công Trứ; Nguyễn Du xách kiếm lên ngựa đánh nhau tung bương, rồi lại cầm bút ngâm thơ vịnh phú... Nói như thế không phải tôi cho là văn tài tôi đã to bằng các vị ấy. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh là tôi rất bị hành động lôi cuốn, lôi cuốn mạnh hơn viết văn nhiều. Gần đây tôi bị thúc vọng về hành động trực tiếp nên lui về hành động gián tiếp là làm một thứ militant văn hóa vậy. Bởi thế tôi dịch, viết tiểu luận, tạp bút nhiều... Trước sau tôi không hề sợ là khi sáng tác trở lại sẽ sút kém như một số nhà văn mà anh đã nói tới. Họ sút kém là phải vì sống thu lại trong ốc đảo. Nghèo đi là phải. Còn cuộc sống của tôi thì anh biết đấy, hơi nhều vất vả và lêu bêu. Và cho rằng sau này có sút kém thì cũng chỉ buồn 5 phút bởi vì lẽ trời đất có thịnh có suy...

BÁCH KHOA: Về trường hợp của nhà văn Võ Phiến mà báo chí vừa đăng tin bị khiển trách và cắt chức vì đã ký vào kiến-nghị 100 nhà văn yêu cầu bãi bỏ kiểm duyệt, anh nghĩ thế nào?

THẾ UYÊN : Đối với tôi, anh Võ Phiến là cố tri. Chính nhà Thời-Mới đã xuất bản cuốn sách đầu tiên của tôi và hai cuốn nữa. Và với tư cách đồng-giả, Võ Phiến là nhà văn tôi thích đọc nhất — cuốn nào của anh, tôi đọc ít nhất cũng hai lần... Với tư cách ấy lý do thôi cũng đủ để anh hãy tôi rất chú trọng tới vụ án oan giang hồ này giữa nhà văn và cái mà chế độ dân chủ có hiến pháp do chính Tổng thống tuyên thệ, bảo vệ, đã gọi là Sở phối hợp Nghệ thuật.

Theo ý tôi Bộ Thông tin khi quyết định như vậy đã tạo ra nhiều bất lợi cho chính phủ nói riêng và miền Nam nói chung :

1. Võ Phiến ký kiến nghị với tư cách nhà văn Võ Phiến chứ không phải với tư cách Đoàn thể Nhân Cách sự vụ số X... Bộ Thông tin và Caiêu hỏi. Chính Thủ tướng Trần văn Hương đã ra một Thối tư chỉ phép công chức được gia nhập đảng phái, nghĩa là ông Đoàn thể Nhân Cách quyền là n chính trị hẳn hoi, thì truyện ký bút hiệu nhà văn vào một kiến-nghị đầu có gì là vi phạm luật pháp cũng như hành chánh. Hơn nữa, trong một thể-chế gọi là dân chủ, ký một kiến nghị thì có lỗi ở chỗ nào?

2. Chính Bộ Thông-Tin phải lo phần vụ «nắm giữ» các nhà văn để họ khỏi «tuột» sang bên kia, nhất là trong một tương lai gần, cuộc chiến quân sự sẽ chấm dứt và thay thế bằng trận chiến văn hóa chính trị, vai trò và ảnh hưởng của nhà văn nhà báo sẽ trở thành quan trọng. Bộ Thông-Tin không những chẳng «giữ» được gì lại còn đẩy hầu hết nhà văn vào thế đối lập (kháng thư của 100 nhà văn cùng kháng nghị của Hội Bút-Việt là những biểu lộ cụ thể) Nghi lại vụ trừng phạt nhà văn Võ Phiến nói trên, với tư cách một người không ưa gì Cộng sản, tôi rất lấy làm ngại cho tương lai của miền Nam chúng ta.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE

2, Nguyễn-Trường-Tô (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93 741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Tai nạn nghề nghiệp của nhà văn Võ-Phiến

Nhà văn Võ Phiến vừa bị một « tai nạn nghề nghiệp » nghiêm trọng — rất nhiên đây là nghiệp viết lách của ông :

Ngày 29/7 vừa qua ông nhận được một giấy nghiêm khắc khiển trách của Bộ Thông-tin, vì « dưới bút hiệu Võ Phiến, ông đã ký tên vào bản kiến nghị của 100 nhà văn (1) yêu cầu chính phủ bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản ». Đồng thời ông lại nhận được sự vụ lệnh ký ngày 29-7 bàn giao lại chức vụ Chánh sự vụ sở Huấn luyện mà ông đã đảm trách từ nhiều năm nay, để về làm nhân viên của Nha Thông Tin, chiếu phiếu trình của Sở Phối hợp nghệ thuật, của ông Phụ tá đặc biệt và đề nghị của ông Đồng lý ấn phòng Bộ Thông-tin Hơn một tuần sau, một sự vụ-lệnh ký ngày 6-8 lại đưa ông sang Nha Điện-ảnh và hiện ông đã là nhân viên của Nha này.

Vụ trừng phạt trên đây đã gây một xúc động sâu xa trong giới văn nghệ sĩ. Niềm xúc động ấy đã được phản ảnh trong những bài bình luận, thơ, tranh hài hước... trên các báo Thời Thế (2/8), Tiền Tuyến (3/8), Chính Luận (6/8), Tiếng Vang (7/8), Kịch Ảnh (9/8), Hòa Bình (10/8) v.v... và đặc biệt là ngày 5/8 hơn 100 người làm văn học nghệ thuật đã gửi một kháng thư và ngày 6/8 Trung tâm Văn bút Việt Nam cũng gửi một kháng nghị lên Bộ Thông Tin.

Kháng thư như sau :

— « Chúng tôi hơn 100 người làm văn học nghệ thuật tại miền Nam ký tên dưới đây, cực lực lên án, và tố cáo trước dư luận trong và ngoài nước hành động đàn áp giới văn nghệ sĩ miền Nam xuyên qua thái độ của Bộ Thông-tin và Chiếu hồi đối với nhà văn Võ Phiến.

« Chúng tôi yêu cầu nhà cầm quyền :

1- Chấm dứt ngay mọi hành động trả thù, khủng bố đối với 100 nhà văn đã ký tên trong bản Kiến nghị ngày 5-3-69 đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản.

2- Tức khắc bãi bỏ chế độ kiểm-đuyệt bất hợp hiến hiện nay » (2)

Làm tại Saigon ngày 5-8-1969

(1) Kiến nghị làm tại Saigon ngày 3-3-69 đã đăng trên Bách Khoa Số 293 (15-3-69).

(2) Bản kháng thư mang tên 110 người làm văn học nghệ thuật dưới đây :

Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Hiến Lê, Lý Chánh Trung, Doãn Quốc Sĩ, Sơn Nam, Chân Tín, Nguyễn Đức Quỳnh, Phạm Duy, Trần Thị Huệ Mai, Nguyễn Ngọc Lan, Minh Quân, Diễm Châu, Thanh Tâm Tuyền, Thế Uyên, Nguyễn Văn Trung, Lê Xuyên, Cao Thế Dung, Bùi Chánh Thời Đinh Khắc Tiệp, Trịnh Cung, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Lan Sơn, Hải, Đặng Thần Miến, Trọng Tấn, Mai Thảo, Thái Lăng, Hoàng Hãn, Nguyễn Nghị, Thiệu Sơn, Nguyễn Khai, Trần Thế Lý, Từ Công Phụng, Khải Triều, Nguyễn Quốc Thái, Mai Chừng, Nguyễn Xuân Hoàng, Trương Đình Vĩnh Lân, Nguyễn Hữu Nhật Viên Linh, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Thu Hồng, Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Thạch Kiên, Kiên Thêm, My Sơn, Tấn Hoài, Dạ Vũ, Trình Phò, Tạ Quang Trung, Yên My, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu, Châu Anh Bùi Kim Đình, Nguyễn Ngũ Í Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Ngô Châu, Vương Đức Lệ, Nguyễn Đôn Phong, Phạm Cao Dương, Đào Trường Phúc, Lê Hoài Quỳnh, Du Tử Lê, Trần Lê Nguyễn Nguyễn Thiệp, Hà Quốc Bắc, Hồng Dương, Lê Phương Chi, Vũ Bảo, Duy, Nghiêu Diễm Thiện Cẩm, Ngô Văn Ân, Phương Vũ, Lý Đại Nguyên, Trần Quân, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Tử Lộc, Thụy Nhân, Nguyễn Hải Chí, Nguyễn Trọng Văn, Chu Vương Miện, Trần Tuấn Nhậm, Vi Y. Tôn Thất Lập, Huy Tường, Trần Đồ Dũng, Vương Tân, Nguyễn Khắc Ngữ, Nguyễn Quốc Trụ, Thanh Thương Hoàn, Ngọc Dũng, Thanh Chiêu, Tú Kêu, Trùng Dương, Hoài Khanh, Tam Ích, Thanh Nam, Gúy Hồng, Thái Văn Hoàn, Thế Nguyên, Đinh Cường, Vũ Hoàng Chương, Bằng Bá Lân, Thích Đức Nhuận, Nguyễn Đông Ngọc.

Và kháng nghị của T.T.V.B.V.N. như sau :

« Trung tâm Văn bút Việt nam cực lực phản đối Bộ Thông Tin về những biện pháp đã áp dụng với nhà văn Võ Phiến (Đoàn thể Nhơn), Hội viên Trung tâm Văn bút Việt-nam thuộc Hội Văn Bút Quốc tế, vì đã ký tên vào bản kiến nghị của 100 nhà văn yêu cầu bãi bỏ kiểm duyệt sách.

« Nhân dịp này, Trung tâm Văn bút Việt-nam khẩn thiết yêu cầu Bộ Thông-Tin cũng như tất cả các cơ quan công quyền khác tự hậu không dùng những biện pháp Hành Chính đe dọa sự tự do tư tưởng và sáng tạo của những người cầm bút.»

Saigon, ngày 6 tháng 8 năm 1969
Trung tâm Văn bút Việt nam

Đề trả lời kháng thư trên đây, Bộ Thông-tin cũng đã ra một Thông cáo nguyên văn như sau :

« Ông Đoàn thể Nhơn, nguyên Chánh sự vụ Sở Huấn luyện, Bộ Thông-Tin, đã vi phạm kỷ luật của một công chức vì đã công khai chống đối việc thực thi chính sách Thông tin của chánh phủ trong phạm vi kiểm soát ấn loát nhằm đề ngăn ngừa sự xâm nhập và phá hoại của cộng sản, qua ngưỡng cửa của văn học nghệ thuật.

« Do đó, Bộ Thông Tin thấy không thể tiếp tục giao phó trách nhiệm chỉ huy huấn luyện các cán bộ cho ông Nhơn nữa, nên đã chuyển ông

đến một cơ quan thích hợp hơn với khả năng văn nghệ của ông.

« Đây là một biện pháp thuần túy hành chánh liên hệ đến việc xử dụng nhân sự để thực thi chính sách quốc gia mà Bộ cần phải áp dụng đối với tất cả công chức, cán bộ các cấp, nhất là cấp chỉ huy.

« Bộ Thông Tin xác nhận không bao giờ có ý định hành động trả thù khủng bố đối với các nhà văn như kháng-thư đã ám chỉ Bộ ».

Ngay sau khi báo chí đăng tin nhà văn Võ Phiến bị khiển trách và bãi chức Chánh sự vụ trên đây thì một số lớn văn hữu và độc giả đã gọi giầy rói hoặc gửi thư về Tòa soạn Bách-Khoa để thăm hỏi và cũng đề biết rõ thêm về trường hợp của ông.

Chúng tôi đã trình bày trên đây những diễn tiến của sự việc để quý bạn tiện phê phán...

Tuy nhiên câu chuyện không phải chỉ có thế Ông Võ Phiến là còn một Giám khảo trong Hội đồng Giám khảo bộ môn Văn học, Giải thưởng Văn học Nghệ thuật do Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu chủ xướng.

Do đó người ta chưa rõ sau vụ nhà văn Võ Phiến ký mà ông Chánh-sự-vụ Đoàn-thể Nhơn bị mất chức thì ông Giám khảo giải thưởng văn học nghệ thuật sẽ phản ứng ra sao và cả Hội đồng Giám khảo sẽ có thái độ thế nào ?

THU THỦY

THỜI-SỰ KHÓA-HỌC

Những kết quả đầu tiên
của Apollo 11

Sau ba tuần sống biệt lập, ba phi

hành gia của phi thuyền Apollo 11 đã được tự do trở về với vợ con và thế giới bên ngoài. Cuộc khám nghiệm và

kiểm dịch chặt chẽ nhất lịch sử cho thấy họ không bị nhiễm trùng từ mặt trăng. Sau chuyến bay một tuần, Armstrong đã mất gần 5 kí, và Aldrin mất hơn 1 kí, chỉ có Collins, người không bước xuống mặt trăng, không mất đi kí nào cả. Suốt trong ba tuần lễ, họ đã sống biệt lập với 16 nhà chuyên môn, trong đó có hai bác-sĩ, đề tường-trình tỉ mỉ về mọi khía cạnh của chuyến bay.

Trong khi đó, gần ba chục kí-lô đã từ mặt trăng đem về đang được các nhà bác học "khảo đá" kỹ càng đề khai ra lý lịch chi Hẳng. Những cuộc khám nghiệm đầu tiên cho thấy mặt trăng rất giống trái đất về cách cấu tạo. Người ta đã nhận thấy có hai khoáng chất là feldspar và olivine là hai loại có ở mặt đất. Các chất hữu cơ, chất căn bản cần cho sự sống, cũng thấy có ở trên mặt trăng, tuy ít hơn (25 phần triệu so với 10.000 phần triệu ở trái đất). Chất titanium, một loại kim chịu nóng cần cho động cơ phản lực và hoả tiễn, tương đối có rất nhiều (6%) trong số các mẫu đá lượm về. Đặc biệt người ta nhận thấy trong đất trăng có những hạt thủy tinh rất nhỏ. Có lẽ vì những hạt thủy tinh này mà Aldrin đã nhận thấy đất trăng hơi trơn. Các nhà địa chất học cho rằng có lẽ các hạt thủy tinh này được cấu tạo bởi các vụn thạch khi lao xuống mặt trăng. Sự va chạm gây ra một nhiệt độ rất cao khiến cho các chất đất đá bị bốc hơi. Các hơi này bay lên, nguội đi và kết tinh thành những hạt thủy tinh rồi rơi xuống. Nhưng một số nhà khoa học cho rằng nếu trọng lực mặt trăng yếu đến nỗi không đủ sức giữ được bầu khí quyển thì làm sao lại có thể khiến cho các hạt thủy tinh đó rơi xuống được, có lẽ các hạt thủy tinh đó được cấu tạo bằng một hiện tượng nào khác.

Máy địa-chấn để lại trên mặt trăng cũng đã ghi nhận hơn hai chục chấn động. Có nhiều chấn động tương tự như động đất và có nhiều chấn động phát xuất từ những trận đá lở ở thành các hố sâu gây ra bởi sự thay đổi nhiệt-độ quá lớn (từ 120°C ban ngày xuống 120°C ban đêm) trên mặt trăng. Những kết quả đầu tiên cho biết ruột mặt trăng cũng nóng chảy như ruột trái đất. Khám phá này đã đánh đổ một lý thuyết cho rằng mặt trăng không có cùng một nguồn gốc như trái đất mà là do sự kết hợp các bụi vũ trụ từ hàng tỷ năm trước.

Ngôn ngữ thầm kín

Những nụ cười, khóe mắt, những cái vuốt tóc, nhăn mặt, nhíu mày bỗng trở nên quan trọng dưới mắt các nhà tâm lý học. Họ tìm thấy ở những động tác tầm thường đó một thứ ngôn ngữ đôi khi còn hàm súc và phong phú hơn cả tiếng nói.

Các nhà tâm lý học đã sưu tầm và phân loại được 135 động tác khác nhau gồm điệu bộ và nét mặt. Những thí dụ rõ ràng nhất có thể tìm thấy dễ dàng khi quan sát hạng trẻ em dưới 6 tuổi. Khi chú bé con có điều gì bất như ý, chú trẻ môi, nhíu mày và dơ cao tay lên làm một cử chỉ đe dọa về phía nguyên nhân đã gây ra mối bất mãn đó. Cử chỉ đó vẫn còn tồn tại khi đứa bé lớn lên, và trong một lúc giận dữ, người ta sẽ thấy nó hoa tay về phía trước một cách hoàn toàn vô-ý-thức. Các cô gái khi xúc động thường đưa tay lên vuốt lại mái tóc sau gáy, trong khi các cậu trai có thể làm một cử chỉ băng quơ như vuốt tóc sờ mũi sờ tai chẳng hạn.

Qua những cử chỉ nhỏ nhặt và vô vị đó các nhà chuyên môn về tâm-

lý học có thể đi sâu vào đời sống. Nơi tâm của đối tượng nghiên cứu. Nơi những con người có sự bất thường về tâm lý, các biểu lộ đó càng trở nên đặc sắc và quan trọng hơn cả những cuộc đàm thoại.

Bí ẩn trong bàn tay

Trong các cuốn sách viết về thuật coi chỉ tay, các ông thầy tướng chi đề cập đến bàn tay của thân chủ trên 18 tuổi. Ít ra thì với tuổi này, bàn tay mới phát triển đầy đủ đường nét của nó dưới mắt ông thầy tướng.

Các nhà nhi học thì nghi khác. Bàn tay của trẻ con đối với họ lại quan trọng vì nó dính liú đến một vài căn bệnh có tính cách bẩm sinh. Trên một bàn tay bình thường, đường trí đạo và tâm đạo cách biệt nhau rõ ràng. Trái lại, trên bàn tay của những trẻ em bị bệnh *mongolisme* hay những trẻ mà người mẹ bị bệnh *nubella* trong lúc có

thai thì hai đường trí đạo và tâm đạo được thay thế bằng một đường duy nhất giống như bàn tay khi. Bác sĩ Meuser và Smits ở Sydney vừa tìm thấy một sự bất thường khác: đường trí đạo chạy dài ngang qua lòng bàn tay giống như ở trường hợp trên nhưng lại có thêm một đường tâm đạo chạy riêng biệt ở phía trên. Hai ông đã nêu lên sự liên hệ của sự bất thường này với chứng ung thư bạch huyết (*leucemia*) nơi trẻ em. 36% trẻ em bị ung thư bạch huyết lòng bàn tay có một trong hai đường bất thường trên trong khi chỉ có 13% có đôi bàn tay bình thường.

Về phương-diện phôi-thai học, dấu tay và những đường nét trong lòng bàn tay được cấu tạo từ tháng thứ 4 của thai nhi. Riêng 3 đường chính (tâm đạo, trí đạo trí sinh đạo) thành hình chừng 1-2 tháng trước đó.

TỬ DIỆP

Ca dao mới phát hành:

TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG HIỆN ĐẠI

của Bochenski *Tuệ Sỹ dịch*

Sách dày 432 trang — Giá 260 đ.

CÁO LỖI

Vì có những bài cần đăng gấp kỳ này cho khỏi mất thời gian tính nên phải gác lại « Thời sự văn nghệ » của Trùng Thiên và các mục Hộp thư, sách báo mới...

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đã gửi bài và các nhà văn, nhà xuất bản đã gửi tặng tác phẩm. Chúng tôi sẽ xin trả lời và giới thiệu trên Bách Khoa số tới.

Tòa-soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

Thời sự thế giới

TỪ TRÍ

Tình hình chính trị thế giới lắng dịu nhiều trong những ngày qua, nên ít có sự kiện quan trọng xảy ra. Tuy nhiên người ta có cảm tưởng rằng các lãnh tụ chính-trị thế-giới đang lợi dụng sự lắng dịu của tình hình thế giới để chuẩn bị một đường lối mới mẻ hơn. Thật vậy, ông Nixon, Tổng thống Hoa kỳ, đã đi vòng quanh thế - giới để kiếm tìm một chính sách đối ngoại mới cho Hoa-Kỳ Tại A-Châu, Nhật đang ngần ngại không biết có nên nắm trách nhiệm mới trên trường quốc tế hay không. Tại Âu châu sau khi tướng De Gaulle rút lui khỏi chính-trường, Tân Tổng-thống Pháp Pompidou đang bắt đầu bỏ chính sách quốc gia cực đoan để hướng về đường lối thống nhất Âu châu.

Hoa-kỳ đi tìm một chính sách đối ngoại mới

Từ năm 1945 hay là từ khi Đệ nhị Thế chiến chấm dứt tới nay, Hoa-kỳ không ngớt can thiệp mạnh mẽ vào đời sống quốc tế. Với kế hoạch Marshall Hoa-kỳ đã giúp cho Âu-châu kiến thiết sau những tàn phá của chiến tranh. Với thuyết Truman thuyết Eisenhower, Hoa - kỳ đã cố gắng giúp các quốc - gia không Cộng - sản phát triển kinh-tế và củng cố chính trị. Từ năm 1960 trở đi với sự xâm nhập của Cộng sản ở miền Nam Việt-Nam, Hoa-Kỳ càng ngày càng « dẫn thân » vào đời sống quốc tế. Tại Việt-Nam, sau gần 10 năm tham chiến, Hoa-kỳ đã phải tiêu tới những số tiền khổng lồ và đã mất một

số sinh mạng lớn hơn số tòn thất của họ trong trận chiến Triều-tiên mà chiến cuộc vẫn còn tiếp diễn. Vì vậy dân chúng tỏ ra thiếu kiên nhẫn, họ muốn rằng Hoa-kỳ bớt hoạt động ở bên ngoài để dồn mọi nỗ lực vào công cuộc cải tạo xã-hội Mỹ ở bên trong. Thượng Nghị-sĩ Edward Kennedy đã diễn tả đúng cảm nghĩ của dân chúng khi ông đặt câu hỏi: « Tại sao chúng ta tiêu hàng triệu Mỹ kim cho 17 triệu dân Việt-Nam mà chúng ta lại không dùng những số tiền tương tự tiêu cho 20 triệu dân Mỹ da đen? »

Trước thái độ này, ông Nixon không thể làm gì hơn được là đáp ứng nguyện vọng của dân chúng. Nhưng ông Nixon hiểu rằng nếu Hoa kỳ rút lui khỏi chính trường quốc tế thì một số lớn các quốc gia sẽ rơi vào tay cộng sản và sự kiện này sẽ có những hậu quả tai hại không nhỏ cho chính Hoa-kỳ. Vì vậy ông muốn áp dụng một chính sách mới, vừa làm thỏa mãn đòi hỏi của dân chúng vừa không bị mất ảnh hưởng trên thế giới.

Hiện nay người ta chưa rõ chính sách này sẽ ra sao và ngay cả ông Nixon cũng chỉ mới phác họa chính sách đó bằng vài nét chính. Ông Nixon muốn rằng Hoa - kỳ sẽ giảm can thiệp quân sự tới mức tối đa và đồng thời vẫn can thiệp mạnh mẽ trong lãnh vực chính trị và kinh tế.

Trước hết, chính sách đối ngoại mới của Hoa - kỳ nhằm giảm bớt

võ trang ở Á châu. Sau đó, Hoa-kỳ sẽ giúp các quốc gia Á-châu nói riêng và các quốc gia không cộng-sản trên thế giới nói chung, đi tới tự lực tự cường để ngăn chặn làn sóng Cộng-sản. Ông Nixon nghĩ rằng muốn tranh đấu chống Cộng sản người ta không thể nhập cảng phương pháp Mỹ mà phải dùng những phương pháp đặc biệt thích ứng với hoàn cảnh đặc biệt của mỗi quốc gia. Hoa-kỳ sẽ cố gắng tránh không tham chiến trực tiếp tại ngoại quốc. Vì không những can thiệp võ trang không hữu hiệu bằng can thiệp chính trị, kinh tế, xã hội mà can thiệp võ trang lại còn dễ bị dâm chúng chỉ trích tại quốc nội.

Như vậy có nghĩa là song song với sự giảm thiểu hoạt động quân sự, Hoa-kỳ sẽ tăng cường hoạt động chính trị kinh tế để, giúp đỡ các quốc gia bạn. Nhưng nói tới giảm thiểu hoạt động quân sự Tổng thống Nixon đã làm cho những nhà lãnh đạo các nước bạn và đồng minh lo ngại. Vì vậy mà ông Nixon đã phải thăm viếng các nước Á-châu để giải thích chính sách mới của ông và cũng để trấn an các quốc gia đồng minh. Ông Nixon đã viếng thăm các quốc gia Á-châu như Phi-luật-Tân, Thái-Lan, Việt-Nam, Ấn Độ và Hồi-Quốc. Tại đây người ta thấy hình như ông Nixon chưa thuyết phục được các nhà lãnh đạo Á-châu. Người ta cũng thấy ông có những lời tuyên bố trái ngược và mâu thuẫn với nhau.

Khi ngừng lại ở đảo Guam, ông tuyên bố rằng Hoa-kỳ trong tương lai, sẽ không gửi quân can thiệp ở ngoại quốc nữa, ngoại trừ trường hợp một quốc gia bị một quốc gia khác có vũ khí nguyên tử đe dọa. Nhưng ngay sau đó, tại Bangkok ông lại hứa là sẽ giúp chính phủ Thái-

Lan chống mọi âm mưu gây rối loạn của Cộng sản ở bên trong cũng như ở bên ngoài.

Dù các quốc gia Á-châu có chịu hay không, ông Nixon vẫn cương quyết áp dụng chính sách mới. Để có thể mở đầu chính sách này ông cần phải giảm bớt tình trạng căng thẳng ở Á-châu. Vấn đề Việt-Nam do đó cần phải được giải quyết càng sớm càng hay. Ông Nixon muốn chuyển từ giai đoạn tranh đấu võ trang sang tranh đấu chính trị. Cũng để giảm bớt tình trạng căng thẳng này ông Nixon đã quyết định làm hài lòng Trung Cộng đôi chút bằng cách giải tỏa lệnh cấm công dân Mỹ giao thương với Trung Cộng. Có lẽ cũng vì thế mà ông đã đi thăm Lỗ-mã-ni, một trong những nước Cộng sản còn có thái độ thân hữu với Bắc-Kinh. Ông hy vọng rằng các lãnh tụ Lỗ sẽ giúp ông chứng minh thiện chí hiếu hòa của Hoa kỳ đối với Trung Cộng.

Sau hết điểm cuối cùng của chính sách đối ngoại mới của Hoa-Kỳ là lần lần đưa Nhật ra nắm trách nhiệm tại Á châu, điều mà các nhà ngoại giao Mỹ đang cố gắng hoạt động để Nhật chấp nhận.

Nhật do dự trước vai trò lãnh đạo Á châu

Giao thiệp Mỹ Nhật đang vấp phải vấn đề đảo Okinawa. Dân chúng Nhật, trong những ngày gần đây, đã không ngớt biểu tình đòi Mỹ trả lại đảo này.

Mỹ cũng muốn trao trả lại Okinawa cho Nhật để củng cố chính phủ của Thủ - tướng Sato. Nhưng Mỹ còn muốn dùng vấn đề Okinawa để làm áp-lực bắt Nhật phải nhận vai trò canh sát tại Á-châu thay thế cho Mỹ. Mỹ lập luận rằng đảo Okinawa chiếm tầm

quan trọng không nhỏ trong việc bảo vệ an ninh ở Á-châu. Nếu Nhật lấy lại đảo này, Nhật đương nhiên phải nhận lãnh trách nhiệm ở Á-Châu.

Trước yêu sách của Mỹ, Nhật tỏ ra hết sức bối rối. Không lẽ khước từ vì đây là một dịp để Nhật lấy lại vai trò lãnh-đạo trên thế-giới. Nhưng nhận lãnh trách nhiệm mới bắt Nhật phải chịu nhiều hy sinh. Trước hết, Nhật phải đóng góp nhiều hơn vào công cuộc viện trợ. Hai nữa Nhật có được một nền kinh tế phồn thịnh là vì từ 24 năm qua Nhật không phải chi tiêu nhiều cho vấn đề Quốc-phòng. Hàng năm, tổng số quân-phí của Nhật chỉ lên tới 10% của sản-lượng quốc-gia. Nếu nay Mỹ rút lui không những Nhật phải đảm nhiệm việc phòng thủ của chính mình mà lại còn phải bảo đảm việc phòng thủ Á-châu nữa. Với số viện trợ và quân-phí gia tăng, nền kinh-tế Nhật sẽ gặp những khó khăn không nhỏ.

Ngoài ra khi Mỹ còn chiếm đóng Nhật, Tướng Mac Arthur đã buộc Nhật phải đưa vào Hiến-pháp của họ điều 38 cấm không cho Nhật được tái vũ trang. Nếu muốn tái vũ trang Thủ-tướng Sato phải xin tu-chính Hiến-pháp và sẽ gặp nhiều khó khăn về phương diện chính-trị khi mà đảng Cộng-sản Nhật và các đảng khuynh tả đều chống đối việc tái vũ-trang.

Sau hết chính-phủ Nhật luôn luôn e ngại rằng nếu Nhật có một lực lượng quân sự hùng mạnh, quân đội Nhật sẽ có khuynh hướng hiếu chiến mà hậu quả sẽ tai hại như lịch sử đã chứng minh vào năm 1945. Thật vậy, bạo lực vẫn còn là một sức mạnh âm ỉ cháy trong mọi người Nhật với một bề ngoài

trầm lặng. Những vụ ám sát chính trị hãy còn xảy ra nhiều. Gần đây Ngoại trưởng Mỹ Rogers khi sang Nhật dự Hội-ngập thương mại kinh tế thường niên đã bị một thanh niên Nhật cầm dao đe dọa.

Nhưng dù sao Nhật cũng đang còn lưỡng lự trước khi quyết định.

Sự lựa chọn của Nhật sẽ có ảnh hưởng nhiều tới chính sách ngoại giao mới của Hoa-kỳ. Vì sự nhận lãnh trách nhiệm của Nhật ở Á-châu là một thành phần của chính-sách này.

Pháp đang hướng về thống nhất Âu-châu

Sau khi Tướng De Gaulle rút lui, Tân Tổng-thống Pháp Georges Pompidou đã quyết định đi theo một đường lối ngoại giao mới về thống nhất Âu-châu.

Thật vậy là một kỹ phiệt (technocrate), ông Pompidou không thể không thấy sự lợi ích của Thị-trường chung. Sáu nền kinh tế bồ tức lẫn nhau chung sức hoạt động để cùng nhau thực hiện sự phồn thịnh của Tây-Âu. Là một chính-trị-gia, ông Pompidou cũng hiểu rằng một khối Tây-Âu hùng mạnh và đồng nhất sẽ có tiếng nói mạnh hơn trên trường quốc-tế. Vì vậy ông đã loại bỏ đường lối của Tướng De Gaulle và cương quyết tăng cường khối Thị trường chung.

Ngoại-trưởng Pháp Maurice Schumann đã tuyên bố là Pháp thỏa thuận để Anh gia nhập Thị trường chung. Ông đề nghị triệu tập một hội nghị thượng đỉnh tại La Haye để bàn cãi về vấn đề gia nhập của Anh.

Sự thỏa thuận của Pháp không có nghĩa là Anh sẽ được chấp nhận ngay vào tổ chức này. Vì muốn cho tổ chức được hữu hiệu, các quốc gia phải có

cùng một mức phát triển, hơn nữa khi gia nhập Thị trường chung, quốc gia tân hội viên phải có những biện pháp cần thiết để nền kinh tế của mình khỏi bị xáo trộn. Thật vậy Anh xưa nay vẫn phải nhập cảng nông phẩm từ khu vực Liên-hiệp-Anh, nếu gia nhập Thị-trường chung các nông phẩm Hòa-Lan, Bỉ, Pháp sẽ tràn ngập thị-trường Anh, như vậy liên lạc kinh tế giữa Anh và các quốc gia thuộc khối Liên hiệp Anh sẽ bị thay đổi nhiều.

Ngoài ra, kỹ nghệ của Anh không đủ mạnh và tân tiến để cạnh tranh với Pháp-Đức... Trước khi gia nhập, Anh sẽ thương thuyết về những biện pháp để bảo vệ nền kinh tế của mình trong giai-đoạn đầu.

Hơn nữa ngay giữa các quốc-gia hội viên của Thị-trường chung còn có nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Vấn đề quan trọng nhất là vấn đề canh nông của Pháp-Các nông phẩm Pháp được sản xuất với một giá quá đắt nên vẫn phải được chính phủ trợ giúp để có thể bán được trên thị-trường thế-giới bằng giá rẻ hơn. 5 quốc gia hội viên Pháp đã thỏa thuận tài trợ cho cá nhà xuất cảng nông nghiệp khác. Trong khi Pháp muốn sự tài trợ này trở thành một qui luật vĩnh viễn thì 5 quốc gia hội viên khác lại muốn hủy bỏ nó khi tình thế cho phép. Vấn đề khó khăn thứ hai của Pháp là giá trị của đồng Phạt lãng. Tháng 11 vừa qua Tướng De Gaulle vì lý do chính trị đã quyết định không phá giá đồng Phạt-lãng tuy giá trị tiền này suy sụp nhiều. Sự bất ổn cố của tiền tệ Pháp là một trở ngại cho hoạt động của Thị-trường chung. Vì vậy, để khai thông những khó khăn cho Tổ-chức, ông Pompidou đã quyết định hạ giá đồng Phạt lãng xuống 12,50%. Sự phá giá này còn làm cho giá nông phẩm Pháp trên thị-trường quốc-tế hạ xuống nữa. Như vậy ta thấy Pháp đã tỏ thiện chí rõ rệt để tiến tới thống nhất Âu châu

BÁCH-KHOA

thời-đại

Sáng lập : HUYNH VĂN LANG
HOÀNG MINH TUYNH

Chủ nhiệm

Chủ bút : LÊ NGỘ CHÂU

Thư ký

Đã soạn : ÔN THẮT HÀM

Trị sự : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

Tòa soạn và Trị sự :

160 Phan Đình Phùng

Điện thoại : 25.539

Hộp thư : 339 Saigon

oOo

GIÁ BÁO

MỖI SỐ : 30 đ.

SÁU THÁNG : 370 đ.

MỘT NĂM : 640 đ.

Cao nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay 30 đ.

một năm.

Ngoại quốc, đường thủy :

thêm cước phí : 50 đ. một năm

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ô. Lê Ngộ Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách Khoa thời đại trang mục 54262 Tổng ngân khố Việt-Nam, Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời đại 160 Phan đình Phùng Saigon T/M 27.46 Trung khu Saigon